

TÔ HOÀI

CỜ ĐẠI

Hồi ký đầu tay



vh

TRƯỜNG SAO
VĂN HỌC



Cỏ dại

Tô Hoài

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Lời tác giả](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

Tô Hoài

Cỏ dại

Có tiếng guốc bước lạch cạch ngoài ngõ. Chắc tiếng guốc của Tư. Cái vành mũ nan màu vàng nhạt đã lấp ló vào đầu tường kia. Đúng Tư. Tư cúi lom khom, rún chân bước lên thềm hè cao. Hai má Tư đỏ hồng. Đôi mắt Tư mở to đen láy, ngó trân trân. Tư nhìn tôi, cười nhe mấy chiếc răng sún khắp khểnh - “Cậu?”. Tôi cười: “Ồ, Tư đã xuống”. Tôi nhắc chiếc mũ cho Tư. Cái đầu trọc, lăn tăn tóc tơ. Tư đặt cặp lên bàn. Tư thò tay vào ruột cặp, Tư moi sách. Rồi Tư trèo lên ngòai chiếc ghế đầu kê một bên góc bàn viết của tôi. Tôi lấy bút chì, viết cho Tư một trang chữ mẫu. Tư cầm bút buông thọc vào bình mực. Quen lệ, Tư ngoáy bút một vòng cho ngòai viết chạm cót két xuống đáy lọ. Tư hơi cúi đầu. Hai mắt tròn vạnh, nhưng thắm ngược mở, say mê nghiêng theo những nét chữ rạm gai gọn, thô cứng. Thình thoảng, Tư ngừng viết giờ nghiêng quăn bút. Đôi môi Tư hé cong, Tư ngó lơ đang, vu vơ Tư hát. Ồ, Tư hát. Ấy, Tư hát. Tư líu ríu hát một điệu hát nhịp ngắn. Ơi, chim kia! Dừng cánh bay... Ta nhẩn chim lòi này... Lòng ai đầy thiết tha... rồi Tư lại cúi, lại hăm hở viết.

Mỗi buổi sáng từ làng trên xuống đây, Tư phải cấp cặp đi qua một cái chợ, một đoạn đường đá, lại một quãng đường đất với những ba cái cửa đình. Tôi dạy cho Tư mấy chữ vỡ lòng.

Năm nay Tư chưa đủ bảy tuổi. Tư chuyện líu ríu. Tư cười như con nắc nẻ. Buổi sớm mai, con chim Tư truyền đến căn buồng u tối của tôi, há mỏ hát líu lo. Lòng tôi bừng một niềm hy vọng, cái hy vọng thắm tươi mà ngờ nghech. Tôi tin tưởng, tôi có quyền tin tưởng lắm chứ. Đây đây một đoá hoa trong cánh rừng xuân mới rõ ràng của

những Ngày Lớn chúng ta đương nằm trong lòng bàn tay tôi, ời người đồng chí thân mến.

Nhưng nhiều khi, tôi thoáng băng khuâng buồn. Chao ôi những năm tháng nào mờ mịt. Trong kỷ niệm tôi một hình ảnh ngẩn ngơ gợi dậy, xóng bên cạnh cái bóng dáng lung linh hơn hớn của Tư. Ngày trước, ờ ngày trước, có một đứa trẻ cũng trạc tuổi của Tư ấy. Nó không biết cười. Đứng đâu nó đứng chôn chân xuống đất. Chọc miệng cũng không chảy ra được một tiếng. Đôi mắt đờ đẫn cứ gườm ngón chân. Một ngón tay nó tần mẩn đút lùa vào giữa hai hàm răng, hết gặm lại nhay, lại nhá, lại cắn. Mẹ nó mắng nó một câu. Tức thì nước mắt ràn rụa ra xung quanh mí. Nó lên ngay điệu kèn hát khóc ê ê. Rõ thực xấu thằng bé mau nước mắt, Tư nhỉ.

Tư ôm cặp, đi về. Cậu cho tan học. Học trò có mỗi mình Tư. Lại không có trống tùng tùng. Tư buồn cười lắm. Cái vạt áo the hoa phấp phới khuất bên giàn thiên lý trước ngõ.

Tiếng guốc nhẹ khua lóc cóc ra đường cái, vắng xa sang phía đầu tường đằng kia.

Tôi đặt bút trên lòng tờ giấy. Bụng cái ngòi bút chứa mọng mực óng ánh. Tôi viết rất nhanh những hàng chữ này hàng chữ lia ngoáy chạy thi với bao nhiêu hình, bóng loáng thoáng hiện, biến tới tấp. Những hàng chữ cong queo như những sợi thuốc Lào vương vãi trên mặt giấy, bắt đầu cho câu chuyện thằng bé ngủ nhè ấy. Những ngày ấu thơ của nó leo hoang trong đám cỏ bên lề đường đi. Cỏ dại, cỏ không có tên rườm rà ken khít nhau bò ngẩn ngơ trong khoảng đất rác rưởi. Tất nhiên, nó chẳng giống Tư chút nào. Nó làm gì có cậu. Nó không có cậu, như cậu với Tư đây, cậu cháu mình.

Lúc nào tôi cũng nghĩ đến Tư, khi tôi cầm bút chép mảnh truyện nhỏ này. Mỗi buổi sáng, mỗi sớm mai, cái hứng viết của tôi lại đến ngòi

chỗm chọe trên chiếc ghé đầu kia, hôm nay tươi tắn và hớn hờ hơn hôm qua. Tư cười. Tư hát. Tư pha trò. Tư nhớ lâu, nhớ mới. Tư là con chơi chơi. Tư là con liều điều Tư vui, Tư dạn quá. Cậu viết sẵn những truyện này cho Tư. Bao giờ Tư lớn, biết suy tưởng đứng đắn, Tư sẽ đọc cậu.

Nghĩa Đô, 11 tháng tám 1943

Tô Hoài

Cổ đại

Lời tác giả

Có tiếng guốc bước lạch cạch ngoài ngõ. Chắc tiếng guốc của Tư. Cái vành mũ nan màu vàng nhạt đã lấp ló vào đầu tường kia. Đúng Tư. Tư cúi lom khom, rún chân bước lên thêm hè cao. Hai má Tư đỏ hồng. Đôi mắt Tư mở to đen láy, ngó trôn trôn. Tư nhìn tôi, cười nhe mấy chiếc răng sún khắp khềnh - “Cậu?”. Tôi cười: “Ô, Tư đã xuống”. Tôi nhắc chiếc mũ cho Tư. Cái đầu trọc, lăn tăn tóc tơ. Tư đặt cặp lên bàn. Tư thò tay vào ruột cặp, Tư moi sách. Rồi Tư trèo lên ngòai chiếc ghế đầu kê một bên góc bàn viết của tôi. Tôi lấy bút chì, viết cho Tư một trang chữ mẫu. Tư cầm bút buông thọc vào bình mực. Quen lệ, Tư ngoáy bút một vòng cho ngòai viết chạm cót két xuống đáy lọ. Tư hơi cúi đầu. Hai mắt tròn vạnh, nhưng thắm ngược mở, say mê nghiêng theo những nét chữ rạm gai gợn, thô cứng. Thỉnh thoảng, Tư ngừng viết giờ nghênh quẩn bút. Đôi môi Tư hé cong, Tư ngó lơ đãng, vu vơ Tư hát. Ồ, Tư hát. Ấy, Tư hát. Tư líu ríu hát một điệu hát nhịp ngắn. Ơi, chim kia! Dừng cánh bay... Ta nhẩn chim lời này... Lòng ai đầy thiết tha... rồi Tư lại cúi, lại hăm hở viết.

Mỗi buổi sáng từ làng trên xuống đây, Tư phải cấp cặp đi qua một cái chợ, một đoạn đường đá, lại một quãng đường đất với những ba cái cửa đình. Tôi dạy cho Tư mấy chữ vỡ lòng.

Năm nay Tư chưa đủ bảy tuổi. Tư chuyện líu ríu. Tư cười như con nắc nẻ. Buổi sớm mai, con chim Tư truyền đến căn buồng u tối của tôi, há mỏ hát líu lo. Lòng tôi bừng một niềm hy vọng, cái hy vọng

thắm tươi mà ngờ nghệch. Tôi tin tưởng, tôi có quyền tin tưởng lắm chứ. Đây đây một đoá hoa trong cánh rừng xuân mới rõ ràng của những Ngày Lớn chúng ta đang nằm trong lòng bàn tay tôi, ời người đồng chí thân mến.

Nhưng nhiều khi, tôi thoáng băng khuâng buồn. Chao ôi những năm tháng nào mờ mịt. Trong kỷ niệm tôi một hình ảnh ngẩn ngơ gọi dậy, xóng bên cạnh cái bóng dáng lung linh hơn hớn của Tư. Ngày trước, ờ ngày trước, có một đứa trẻ cũng trạc tuổi của Tư ấy. Nó không biết cười. Đứng đâu nó đứng chôn chân xuống đất. Chọc miệng cũng không chảy ra được một tiếng. Đôi mắt đờ đẫn cứ gườm ngón chân. Một ngón tay nó tần mẩn đút lùa vào giữa hai hàm răng, hết gặm lại nhay, lại nhá, lại cắn. Mẹ nó mắng nó một câu. Tức thì nước mắt ràn rụa ra xung quanh mí. Nó lên ngay điệu kèn hát khóc ê ê. Rõ thực xấu thằng bé mau nước mắt, Tư nhỉ.

Tư ôm cặp, đi về. Cậu cho tan học. Học trò có mỗi mình Tư. Lại không có trống tùng tùng. Tư buồn cười lắm. Cái vạt áo the hoa phấp phới khuất bên giàn thiên lý trước ngõ.

Tiếng guốc nhẹ khua lóc cóc ra đường cái, vắng xa sang phía đầu tường đằng kia.

Tôi đặt bút trên lòng tờ giấy. Bụng cái ngòi bút chứa mọng mực óng ánh. Tôi viết rất nhanh những hàng chữ này hàng chữ lia ngoáy chạy thi với bao nhiêu hình, bóng loáng thoáng hiện, biến tới tấp. Những hàng chữ cong queo như những sợi thuốc Lào vương vãi trên mặt giấy, bắt đầu cho câu chuyện thằng bé ngủ nhè ấy. Những ngày ấu thơ của nó leo hoang trong đám cỏ bên lề đường đi. Cỏ dại, cỏ không có tên rườm rà ken khít nhau bò ngẩn ngơ trong khoảng đất rác rưởi. Tất nhiên, nó chẳng giống Tư chút nào. Nó làm gì có cậu. Nó không có cậu, như cậu với Tư đây, cậu cháu mình.

Lúc nào tôi cũng nghĩ đến Tư, khi tôi cầm bút chép mảnh truyện nhỏ này. Mỗi buổi sáng, mỗi sớm mai, cái hứng viết của tôi lại đến ngồi chễm choẹ trên chiếc ghế đẩu kia, hôm nay tươi tắn và hớn hờ hơn hôm qua. Tư cười. Tư hát. Tư pha trò. Tư nhớ lâu, nhớ mới. Tư là con chơi chơi. Tư là con liều điều Tư vui, Tư dạn quá. Cậu viết sẵn những truyện này cho Tư. Bao giờ Tư lớn, biết suy tưởng đứng đắn, Tư sẽ đọc cậu.

Nghĩa Đô, 11 tháng tám 1943

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 1

... Cổ đại hoa đồng

Ông bà ngoại tôi có nếp nhà gạch rất cũ. Người ta thường đồn rằng tuổi nó dễ đã đến ngoài một trăm năm. Nhưng kể tuổi thực của nó, cũng chưa lão quá như vậy. Chỉ trong vòng một kỷ, trên hoặc dưới cái quãng người Tây vào tỉnh Hà Nội lần thứ nhất. Không phải ông bà ngoại của tôi làm nên nếp nhà ấy. Nó là cái cơ nghiệp hương hoả. Ông tôi được gánh thừa tự, đèn nhang cho một ông bác mất không có con trai.

Khi ông cụ bác ông tôi còn sống đã lo sợ lắm về sự mất giỗ của mình mai sau. Bởi vậy, tuy đã đặt tự cho cháu, lại còn mua hậu làng, mua hậu họ, mua hậu hàng xã, khiến những mấy nơi phải trách nhiệm cúng giỗ nữa.

Cái hôm Tây chiếm tỉnh Hà Nội lần thứ hai, ông tôi đương treo dẫn một cây xoan. Nghe phía ngoài thành, tiếng súng nổ ùng ùng. Người trong làng nhón nháo...

Ngày ấy, ông tôi chưa được ngôi nhà tự kia. Mười năm sau ông tôi mới về đấy.

Khi này, ngôi nhà đã gần như bỏ hoang. Vợ chồng ông bà bác ông tôi khuất núi đã được vài năm. Bấy giờ trong vùng đất cát còn rộng rãi nhiều, người ta chưa biết lo đến chuyện nhà cửa. Vả lại, ông bà tôi nghèo. Cũng không cần có một ngôi nhà tươm tất quá. Ngày xưa, người ta lại sợ, nếu có một nếp nhà gạch tề chỉnh. Ở nhà ngồi núp bóng giàu có, chỉ tổ hãi kẻ cướp. Do vậy, ông bà tôi cứ lần lữa

nương nấu ở túp lều trong xóm Trong. Khi ông bà tôi về ngoài ấy, nhà cửa đã tênh toàng như cái lều chợ. Bà tôi quấy một gánh nồi niêu thúng đựng áo đụp, ông tôi cời trần khiêng cái cũi đựng bát. Gia sản có bấy nhiêu thứ, quẳng vào nếp nhà mênh mông càng hoang vắng thêm.

Tuy ông bà tôi dọn ra đây, nhưng những nhà ở nhờ kia vẫn nguyên như thường. Cùng nghèo khó cả, ở quây quần với nhau. Người thì đi gánh đất, người thì đi dệt cửi mướn. Có bác cả ngày nhịn khăn nằm dài, tối mò mẫm đi ăn trộm. Trẻ con thả lã cho đi tha thẩn như gà. Trong sân, cỏ mọc la liệt vươn cả lên thềm hè. Phía ngoài, xé bên phải là một cái chuôm nước. Cỏ nước xanh phủ kín, nom cũng như mặt bãi đất liền. Vào nhà, hai ba gian một chủ ở, treo *bông* *béng* lủng lẳng mấy cái quang gánh. Không có giường phản, mọi nhà đều nằm đất. Về mùa đông đánh bạn với ổ rơm. Gian giữa, lù lù ba cái bệ bằng đất đắp bậc cao thấp, bệ thờ như kiểu hương án ngoài đình. Hai mặt bệ nhẵn trơn; có một bát bình hương xám bằng sành. Một bên gian buồng cửa đóng kín ghim nghiêm. Mặt đất ẩm nhớp mốc rêu. Cỏ tận ngoài sân leo vờn vào. Buồng trong người không ở, cây cáo đào hầm hố ngổn ngang. Trong bóng tối nổi lên từng ụ gò đồng, thành lũy đất vụn. Quanh năm không ai bước chân đến.

Khi có tôi, toà nhà cổ này hiện ra trong tròng mắt tôi với đủ mọi vẻ kinh rợn. Nó lù lù giữa làng sát bên lối vào xóm. Mái ngói đen kịt gồ một đường bờ giữa, hai đầu hồi lù lên hai cái trụ. Nó đội cao trên những mái tranh đen sẫm thấp lè tè xung quanh la liệt rặng dâm bụt, rặng xương rồng, cây xoan gầy mà cao lêu đêu. Một lớp tường dài xây bằng gạch vồ không trát, như một dải tường thành. Mỗi năm, vào tết Nguyên Đán, ông tôi sửa soạn một chậu nước vôi và một cái

thép lá thông. Ông nhúng thép vào vôi, phiết lên mặt tường vẽ thành những đường vòng tròn, to bằng chiếc mẹt mọt. Lạ lắm, nhưng tôi không dám hỏi. Có lần nào đấy, ông tôi cắt nghĩa rằng những cái vòng tròn này để trừ quỷ. Năm mới, lũ quỷ sứ dưới âm ti thường hay lên trần gian cướp của. Vẽ cái vòng tròn này quỷ sợ không dám vào. Nghe thế, tôi hãi lắm.

Tôi ngần ngợ nhìn ông tôi bê chậu nước vôi đi xung quanh tường, quét những hình tròn tròn. Lốt vôi tỏ mãi, trắng xoá trên màu tường gạch hung đỏ. Đến bây giờ hãy còn dấu rõ ràng. Những người bạn vào nhà tôi, tưởng như vào một chiếc tàu biển mà bên thành tàu có những lỗ đại bác, hoặc những cửa tròn trong khoang nhìn ra mặt sóng.

Ngoài sân, cây cối um như rừng. Mảnh sân đất dài nhưng hẹp, lúc nào cũng ẩm, vì ánh nắng không lọt xuống mấy. Cây na, cây lựu, một cây cam sành, cây hồng quả, cây ổi lớn chi chít cành. Giữa có cây ngọc lan. Đầu mùa hè, hoa ngọc lan chín trắng muốt, hương ngát ra tận ngoài đầu ngõ. Các dì tôi hay bắc ghế đầu hái hoa lan gài lên mái tóc, lẫn vào đầu vành khăn. Cạnh cây ngọc lan là một cây đào thực to. Cái sân bé hoئن mà lũng cũng những cây. Đối với tôi, là cả một thế giới cây cối. Thân cây đào lớn bằng cột đình, đen xù xì, quanh năm phôi ra từng cục nhựa trong óng, dính như cồn. Nó lão quá không đứng được thẳng, phải khom khom ngả dài nghiêng ra tận thành bể. Tôi cứ men men leo được đến lưng chừng thân, rất dễ dàng. Về cuối mùa thu, cây trụi gần hết lá. Sang đầu xuân hoa và lá lại thi nhau trở xanh rờn và đỏ phớt - sắc hoa đào phai, cho đến khi mãn vụ quả, tức là bắt đầu mùa hè.

Năm nào cũng có đôi vợ chồng chim chào mào tha rác đến làm tổ trong một cành đào rậm lá cao cao. Tháng năm, tháng sáu, những

con chim mới nở đã mạnh cánh và cứng mỏ, thì vợ chồng con cái nhà chim bỏ tổ, ríu rít mang nhau đi. Tôi hóng xem kỹ càng từ hôm chú chào mào được quặp ở đâu về cành cây từng cuống rạ nhỏ. Khi ấp trứng, chúng hót líu lo suốt sớm chiều. Rồi những ngày tha mỗi vất vả. Hai vợ chồng chim cùng gây phờ người. Buổi sáng mát, mấy chú chim con chen nhau đứng trên thành tổ ngóng ra. Tôi ngồi núp một bên bể nước say mê ngắm nghía. Tôi không thích bắn. Nói cho đúng tôi cũng không dám bắt các chú chim nhỏ ấy. Ông tôi cấm.

Đến ngày chim rời tổ, "bồng bế" nhau đi, tôi ngẩn ngơ nhớ.

Rồi sang năm, không biết vẫn đôi ấy hay đôi khác, chim chào mào lại đến làm tổ. Ngày ngày tôi lại lom khom nấp bên cạnh bể nước, ngó lên cây đào. Trong cây đào cuối mùa xuân thì có tổ chim chào mào. Trong cây cam sành thì quanh năm có tổ chim *gi đá*. Có khi mấy tổ nhiều hàng chục con. Loài này ăn ở dè lén, bay thì không động lá. Ở cũng như đi, yên lặng như không. Chúng xấu xí và bé hơn cả chim sẻ, tôi chẳng thích mấy. Vả lại, chúng cứ bay lẩn trong lá, tôi không ngó thấy mấy khi. Lá cây nhiều quá. Lá cây này búi lầy lá cây khác, ôm lẫn nhau, mặt đất mát rười rượi. Ở tầng thấp hơn là liệt nào xương rồng, mào gà, nào tía tô, kinh giới, những nhóm vụn niên thanh mọc lẫn với cỏ tóc tiên. Trong lối đi ẩm ướt các thứ cây nhỏ bé ấy mọc chìa ra lúc nào cũng có những cậu cóc xù xì ngồi chầu nhau, ngắm nghĩ và nghiêng răng kèn kẹt. Cao nhất ở góc sân, bốn cây cau mọc trắng vút lên trời, đội trên đầu những chòm lá như những chiếc áo toại xanh. Về mùa mưa gió thỉnh thoảng, một cái mo mèò rớt mạnh, ngã thành xuống sân.

Tay phải thẳng về phía trước mặt, là vườn sau cũng rất nhiều cây. Khế, bưởi. Thêm một bụi chuối tây, một khóm xanh táo phủ kín cả

một phía ao nước - một chuôm nước nhỏ xíu ông tôi bảo, nếu lấp cái ao nước ấy, cả xóm sẽ "động".

Chuôm nước bần xanh đục lờ là cái bể nuôi cá sắn sất và cá rô ron của tôi. Và hết thảy một khoảng vườn sau đó, tôi đặt tên là sở Bách Thú. Sở Bách Thú của tôi. Thế này nhé: trên cạnh dương rủ bên bờ chuôm, tôi buộc vài con xiến tóc vàng. Châu chấu voi và bộ ngựa thì thành thơi nhảy rồn trong bụi xanh táo. Dưới đất, tôi lấy những viên gạch chỉ chắn ngang chắn dọc, phủ đất kín lên trên làm thành những dinh cơ kín đáo để nuôi nhái và ếch. Có những chú ếch bé tôi bắt được ở ngoài ruộng đem về nhốt vào nhà hầm đến cả tháng, mỗi ngày nhét khe tường cho xơi mấy hạt cơm. Lúc rỡ hầm ra các chú ngơ ngác, đờ đẫn quên cả nhảy, da dẻ thì trắng bệch như những chú ếch bằng đá. Trại Bách Thú của tôi thích lắm. Có khi tôi mê mãi cả ngày trong bụi cây vườn. Nhưng cứ đến buổi chiều khi mặt trời đã lặn, là tôi không dám men chân la cà ra ngoài ấy nữa.

Biết bao nhiêu chuyện ma quái rừng rợn quanh cái ao. Ông tôi kể. Bà tôi kể. Ngọn đèn khuya liu liu. Những bàn chân chẳng dám thò ra bóng tối. Ma. Ma! Dưới cầu ao có con nam nam, con thường luồng, con rắn cạp nong cạp nia nằm rình rút chân người ta. Phía bên kia, có ông thần đất, ông tôi kể mỗi khi ông tôi ốm, ông thần đất lại bảo cho biết trước.

Cạnh ông thần đất có cái gò vịt vàng. Những đêm mùa hạ tối trời đàn vịt thần kéo đi ăn, vàng rực một góc vườn. Ai có duyên với thần tài thì người ấy sẽ gặp. Nhưng chẳng ai gặp bao giờ. Ở một nhà hàng xóm bên kia ao người ta đắp một cái am nhỏ, xung quanh trồng mấy cây hoa đơn đỏ. Có ý để cúng đàn vịt. Nhưng ông tôi chưa bao giờ trông thấy thần đất, chỉ nằm mơ thấy ông ta thôi. Mà bà tôi cũng chưa hề trông thấy đàn vịt vàng. Nghe các cụ nói lại thế.

Lại nghe các cụ nói lại ở ao này có một con ma rất to. Những đêm thanh vắng nó thường hoá làm người đàn bà váy áo trắng lôm lốp ngồi khóc bên bờ ao ti tỉ. Hễ động tiếng người, ma liền đứng vươn dậy nhảy ùm xuống nước, lập lòe rồi biến mất. Giữa những câu chuyện ghê rợn ấy, tôi ngồi nép khít bên tay áo bà tôi, nhìn ra ngoài trời tối. Thấy chỗ nào cũng thấp thoáng trắng trắng những ma là ma. Tôi nhắm nghiền mắt lại.

Trong nhà lại còn nhiều cái sợ hơn. Nhà gồm sáu gian lớn và một gian xép ngày xưa dùng chứa thóc, hàng hiên chạy dài phía trước, có bậc cửa cao chắn ngang lối vào nhà. Gian nào cũng có những cái gai tre che kín. Bởi vậy, ban ngày mà nhà tối mờ mờ. Gian đầu đằng kia cái chuôi vồ ngày trước đã bị một lần sét đánh, rơi trên nóc nhà xuống. Chắc đấy có con ma dữ nên trời đánh. Đào đất chỗ ấy thế nào cũng tìm được cái lưới tầm sét của ông thiên lôi. Ba gian chính, một bên kê bộ tràng kỷ, chỗ khách khứa ngồi chơi. Tôi nhớ nhất hai thứ này: cái ảnh "các bột tan" nhỏ. Một chụp ông Đề Thám quần khăn tầy vớ ngồi khuỳnh chân, đặt hai tay xuống đầu gối giữa một đứa trẻ con và một chụp một cảnh đồn canh trong rừng có những người mặc áo dài, thắt lưng bó que cũng đeo một khẩu súng trường oai vệ. Phía trong tường, một bức hoành bằng giấy viết hai chữ nho *thái hoà* thực to. Kỳ diệu thay, trong lòng chữ, lại mang nhiều hình vẽ. Vẽ ông ngồi câu cá. Vẽ cái cây, cái núi. Vẽ ông cầm quạt đứng bờ sông chơi. Vẽ ông cưỡi ngựa có thằng bé con chạy theo. Vẽ chiếc thuyền. Vẽ đàn chim. Tất cả đều lồng trong hai chữ *thái hoà* khổng lồ.

Ngay phía dưới tường, trên đầu tràng kỷ, treo một quyển lịch bìa đỏ. Tôi không biết chữ nghĩa nho nhoe gì, nhưng hay táy máy mở ra xem. Ở trang đầu quyển lịch vẽ một thằng bé chồm để cun cút, tay

cầm cành tre, tay dắt một con trâu. Trên cao, chiếc mặt trời chiếu tia lửa tủa, có một chữ *nhật* nằm giữa. Cái lịch cũng tầm thường, chẳng đáng để ý mấy. Nhưng có một việc khiến tôi nhớ nó mãi. Một buổi tối, tôi ngồi tần mẩn, mở lịch ra xem. Thành linh, ông tôi cuốc vào đầu tôi một cái. Tôi sợ run. Tôi không dám khóc, nước mắt cứ trút xuống má. Bà tôi giải nghĩa cái cuốc ấy: "Từ giờ, tối tắm đêm hôm không được mở lịch chữ nho, chữ đức thánh ra xem nhé!". Tôi biết vậy. Và từ ấy, chừa.

Gian bên kia, kê giường bà tôi. Bên trong, một cái hòm phản lớn áp tường. Cái gian này lắm chuyện lạ nữa. Hai cái vòng sắt đóng vào hai mỗ cột để mắc võng như hai vòng càn khôn của ông Na Tra. Ở một chiếc cột sườn có con ma mộc. Con ma mộc là con chim chết trong cây, gặp giờ linh thành con ma mộc, nhập vào cây. Cái cây được đem từ rừng về đứng làm cột nhà, con ma vẫn còn ở trong ấy như thường. Cái cột xế phía trong tường cũng có ma mộc. Những tối khuya u uất nghe tiếng ma mộc gõ mõ nhớ rừng. Bà tôi bảo thế. Trong cột tự dưng bật ra những tiếng cóc cóc rõ ràng như tiếng mõ rao. Nhiều đêm nằm bên bà tôi, tôi cố đợi nghe ma mộc gõ mõ. Nhưng rồi giấc ngủ cứ vụt đến lúc nào không biết.

Cũng gian ấy, hai tấm cánh cửa bị thủng hai vạch dài. Ngày trước, quân Cờ Đen kéo qua vùng đã phá nhà này. Bây giờ, còn lại vết trên cánh cửa và một tấm cánh ngõ bị đốt cháy. Đêm mưa, dưới ánh đèn chập chờn những câu chuyện kể của bà, tôi lại tưởng ra hình thù lá cờ đen to bằng chiếc chiếu đại, lòng cờ mắc chằng chịt lưới câu. Nó chụp xuống móc người cong lên như con tôm rang. Những người tay cầm mã tấu, mắt to lồi như chiếc chén tống. Dao chém phàm phạm. Đầu lâu tung lên với máu tươi. Trẻ con thì không cần phải giết. Nó cứ cầm hai cẳng chân vịn ngoéo một cái chết ngay được.

Đứng trong xó buồng. Cứ nghĩ đã có lần những quân giết người ấy vào nhà này, tôi rùng mình, lạnh ra. Hễ nhà vắng người, tôi đành ngồi thu lu trên thềm đá giữa sân, không dám ra ao hay vào trong nhà. Sợ lắm. Mà sợ nhất, nếu phải đến buồng ông tôi nằm. Cái buồng ấy lúc đông cả nhà ai bảo tôi vào một mình tôi cũng hãi.

Trong ấy cũng có một con ma mộc ở hốc cột. Con ma mộc này gõ mõ chơi với con ma mộc ngoài kia. Buồng tối om om không bao giờ trông thấy mặt đất. Cái buồng đây, bao nhiêu năm xưa đã để cho cây cáo ở. Chỉ có mỗi một lỗ cửa sổ đứng cao tận trên áp mái, mà ông tôi đã lấy nửa đan bịt kín lại. Bởi vì về mùa gió, nước mưa thường hắt lùa được vào cửa sổ. Trên nền đất rộng ẩm thấp kê độc trội một chiếc phản gỗ. Từ trên nóc nhà u ám rủ xuống những tua xanh đỏ và những tàu lá dứa dại. Những thứ ấy để trị loài dơi. Dơi bay vương gai, sợ sẽ không dám vào buồng. Tuy thế, vô khối những con dơi đen sì vẫn tùm vào nhau bậu lúc lúu như những nắm bò hóng trên xà ngang. Phân của chúng tanh khẳn. Sáng nào ông tôi cũng quét, nhưng không bao giờ hết. Chỗ nào cũng sợ. Trong buồng này, đồn ngày xưa các cụ để cửa. Đâu chôn những mấy nén vàng, nén bạc. Bây giờ lạc mất dấu thành thử không ai tìm thấy. Đã có khi, mấy năm túng đói, ông tôi đào quanh buồng tìm cửa. Song lưỡi thuổng cắm vu vơ xuống đất, chẳng thể biết đâu là chùng. Mỗi lần, chỉ mới vào đứng lấp ló cửa buồng là tôi đã rờn rợn trong người. Tôi thấy thấp thoáng như có bao nhiêu ma quái chưa bao giờ tôi biết, ngồi chồm hổm quanh quất sau các chân cột. Mấy hòn đá kê cột đáng hấn cũng sợ, những hôm trời nồm đá cũng đổ mồ hôi ra ướt nhều.

Và ngày trước, ở buồng ấy đã có người bên đạo đến ở. Có một hồi, ông bà tôi theo đạo Gia Tô. Về việc đi theo đạo, bà tôi thường kể lại

một câu chuyện buồn cười. Chập tối, các dì tôi quì cầu kinh giữa nhà. Thầy giáo làm lễ bên cạnh. Thầy để ý nghe lời cầu kinh của dì tôi. Thầy nghe tiếng rì rầm đều đều *Đức Chúa Lời... Đức Chúa Lời... có mười cái răng... Đức Chúa Lời có mười cái răng... Đức...* Dì tôi quì, hai mắt nhắm tịt, cái đầu gật gưỡng. Tan lễ, thầy giáo gọi dì tôi đến, bảo đọc lại câu kinh. Dì tôi đọc lại: *Đức chúa Lời có mười cái răng*. Cả nhà không ai dám cười. Thầy giáo nghiêm trang bảo: "Bận sau, nhớ cầu *Đức chúa Lời có mười điều răn... Đọc lại nào*".

Dì tôi đã cầu kinh trong cơn ngủ gà. Vả lại, thầy giáo bên đạo người miền bể nói chữ r uốn lười Răn hay Răng thì cũng thế cả. Nhưng đó chỉ là câu chuyện để cười. Tôi cứ nhớ những thầy giáo bên đạo. Không phải những thầy giáo ngày trước ở trong nhà tôi. Ngày đó đã làm gì có tôi. Những nhà thầy bên đạo, thuở nhỏ tôi hay gặp trên đường cái. Cái áo thâm dài bí mật với cái mũ trắng to xum xụp. Đôi mắt hau háu ang ác. Mỗi lần thầy giáo ở làng Đông hay trên Bạc xuống thường đến nhà ông bà tôi. Căn buồng tối này các nhà thầy đã ở. Thầy nào cũng giống thầy nào, cứ ở trong buồng, cửa đóng im ỉm, rất ít ra ngoài. Mỗi buổi chiều, thầy ra sân. Hai tay chấp sau lưng, thông thả đi bách bộ. Trời tối hẳn, thầy lại vào buồng. Căn buồng càng âm u ghê. Bên ngoài, đầu cái lối đi đầy gạch củ đậu lủng củng là cổng ngõ. Ngoài ngõ, không có ma. Nhưng có chiếc cánh cửa bị quân Cờ Đen đốt. Và có con chó đá bị chôn ngập nửa mình xuống đất, ngòi châu hẩu mồm héch. Tôi ghê ghê cả con chó đá.

Chỗ nào cũng có bóng ma. Có những năm nhà tôi quẩn bách, thường lộn xộn cãi nhau, bà tôi thở dài: "Cái đất này có con ma cãi nhau. Lúc nào nó chuyển con đất đến là cãi nhau. Cứ nghiệm mà xem". Những chuyện ma quái ở các xó xỉnh những trận cãi nhau,

chửi nhau, sợ quá, buồn bã quá. Ngoài ngõ, vườn sau, trong nhà, cái gian nhà kín chôn vàng có ma mịch, có ông thầy giáo bên đạo mặt xanh lợt, bận áo dài đen.

Buổi chiều muộn năm thân ấy, sau tết rằm tháng tám một ngày, u tôi ở cữ tôi ở cái buồng tối mò ấy. Cụ Dè bên láng giềng sang đỡ cho tôi. Cụ kém mắt, cầm miếng mảnh sành và chiếc que nửa sờ soạn cắt rốn cho tôi. Hai vai tôi nhầy nhớp bần bết đen xỉn. Lúc bỗng tôi ra tắm ngoài cánh gại, bà cụ nói: "À thằng cu con này tràng hoa quần cổ lắm lắm. Giời để cho làm người, ngày sau chim gái ra phết đây". U tôi thường nói lại thế, khi tôi còn nhỏ. Và u tôi hay bảo: "Mới đẻ, mày chỉ bé tí tẹo, bằng con chó con".

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 2

Mới sinh, tôi được gọi là thằng Cu, - cái tên chung thông thường của những đứa trẻ con trai trong vùng. Đến khi tôi biết bập bẹ đòi ăn quà, cả nhà đặt cho tôi cái biệt hiệu là thằng Bòi Cầu. Hai chữ này cũng chẳng lạ. Nó, tên một thằng ăn mày. Bòi Cầu là một người ăn mày ở vùng tôi từ thuở thiếu niên cho tới khi già lão. Ngày còn trẻ, Bòi Cầu làm khuôn vác lật vật. Về già, Bòi Cầu đứng lêu bêu ngoài đường vào xin cơm từng cửa. Tôi chỉ nhớ mang máng. Lão thường đi vắn vơ trên đầu chợ. Quần áo rách lượp tướp. Cái bụng phình như cái chum, hũm rốn sâu hoắm. Mặt lão chảy dài, lúc nào cũng nhăn nhó. Đầu lão to như một cái chõ đồ xôi.

Tôi được cả nhà gán cho cái hình dong hao hao giống Bòi Cầu. Bởi đầu tôi to quá. Cái đầu tôi đã to lại méo mó gồ ghề như quả mít. Bà tôi nói rằng trước đầu tôi cũng tròn trịa dễ coi. Năm lên ba tôi đã thôi bú, lên ngủ một giường với bà tôi. Tôi hiền như một cục đất, xa u mà không khóc. Lúc nào tôi có ư ư giục dịch hờn, bà tôi liền dọa: "Kia kìa, con kèng kẹc... Con kèng kẹc cắn chân... Nín đi, cháu?". Tôi im ngay. Bà tôi cất tiếng ru ọ ời...Thế là tôi ngủ yên, đầu gối trên cánh tay bà. Gối cánh tay bà mãi, đầu thành méo và lồi dài về phía sau.

Người tôi gầy, chân tay quắt như ống nứa. Cái cổ ngắc dài nghêu. Ấy vậy mà đầu lại to. Cái đầu to choán tất cả. Ở mồm đầu sau gáy đã mọc một cái nhọt liền mấy năm trời. Nó bấu gồ như một nắm tay chắp thêm vào đầu. Mỗi năm đến mùa hè cái nhọt lại tấy lên rồi vỡ mủ. Chữa bao nhiêu thuốc cũng không dứt. Ông tôi nói:

- Nó là cái thiên thạch mạch lươn. Đầu đánh có ngòi ăn vào tận óc. Không chữa cẩn thận, có khi khốn. Cái này phải vào Sổng lấy thuốc thì mới may ra. Thuốc cao ông lang Sổng chuyên trị giống mạch lươn.

Tờ mờ sáng hôm sau, ông tôi vào Sổng. Từ nhà tôi vào đến miền Sổng, qua cánh đồng đất ngót hai mươi cây số. Ông tôi mang đi năm hào bạc. Xế trưa, đã về. Mua hết ba hào thuốc cao. Còn lại đủ hai hào, không tiêu hụt một đồng chinh.

Nhưng cái thuốc cao Sổng danh tiếng ấy cũng chẳng chữa khỏi được. Cái đầu đánh nổi thành gờ gờ, tun hút lỗ ở giữa. Có năm, ông lang Sổng ra tận nhà, cầm dao khoét cái nhọt của tôi. Cái lỗ chảy nước vàng thối rử cho ruồi bu lại.

Đến năm tôi đã biết lững thững ra đứng chơi đầu ngõ, cái nhọt dần dần tẹt đi. Chẳng hiểu khỏi vì thuốc cao, thuốc đồ hay vì lưỡi dao khoét.

Từ khi tôi bé, mới biết nhìn và trong ký ức lẫn lộn mang máng qua bao nhiêu năm này tháng khác, tôi đã thấy ông tôi già rồi. Lúc nào cũng thấy ông tôi như thế, đều đặn từ cái lật vạt hàng ngày đến những nét nhăn nheo trên mặt. Đầu ông tôi trọc nhẵn, lơ thơ tóc bạc, ngó được cả làn da bóng đỏ. Độ hơn một tháng, ông tôi lại ra vại nước mài một con dao bồ cau thật sắc, đưa lên đầu cạo lấy. Nhiều lần mấp xuống da, máu chảy dòng dòng. Phía má bên trái ông tôi có một cái nốt ruồi. Ở vết nốt ruồi mọc ra mấy sợi râu dài bạc mờ như cước, quện lẫn cả vào chòm râu thưa bên mép. Đôi mắt lơ dờ. Tuy mắt không kém mấy nhưng có màng gợn trắng trắng và ướt xung quanh mí. Phía dưới mí gồ lên hai cái bọt. Những nếp răn chảy trên má rạt quanh xuống hai bên cằm. Rồi bắt tay bắt chân

nhẽo thịt, da teo lại, tưởng có thể kéo chun ra được như cái yếm cổ bò. Hăn ngày trước ông tôi lực lưỡng lắm.

Buổi sáng, khi tôi bừng mắt, nhìn sang cái ghế dài gian bên đã trông thấy đóm thuốc lá sáng phập phèo. Ông tôi ngồi bó gối, bao giờ cũng một kiểu ấy, hút thuốc lá, nhìn ra sân.

Suốt ngày, ông tôi ngồi ở đấy. Ngoài việc quét lá rụng trước sân, ông tôi không cất nhắc một việc gì khác nữa.

Những đếu thuốc lá quấn lấy, ngắn và bẹt đuôi như những cái tổ sâu. Hết mỗi đếu, ông tôi lại dán cái đuôi lên hóc cột. Những chiếc đuôi thuốc lá dán nối nhau dài liên tiếp đến hơn một sải tay, mấy hàng song song. Có tới mấy chục hàng đuôi thuốc lá trên cột. Sau này, gia đình tôi kém phong lưu và nghèo dần mãi đi. Vào những ngày mưa sập sùi, ông tôi thường sai tôi giải một tờ giấy phen xuống phản. Ông tôi bóc những đuôi thuốc lá trên cột để tụ thành một đồng rồi xé bụng những mẩu giấy đuôi thừa ấy. Mỗi mẩu, rơi ra một rúm thuốc. Những rúm thuốc nhỏ ám khói đen trộn lại thành đồng thuốc khá to. Ông tôi lại đem hút dần như hút thuốc mới. Giấy thuốc lá không phải mua. đã có những quyển sách chữ nho dọc gọn ghẽ thành những tờ nhỏ. Thỉnh thoảng bà tôi đi chợ lại mua thêm một bánh thuốc. Bánh thuốc ấy, ông tôi lại đem trộn với cái thứ thuốc luân hồi kia mà hút, hút đi hút lại. Mùi thuốc khét đắng cả mũi. Mỗi buổi sớm, những đóm thuốc lập loè. Ông tôi ngồi, hai tay xếp vòng, khoanh trên đầu gối, ngược ra sân. Thường cả ngày, không nói.

Buổi chiều, ông tôi uống rượu. Ông tôi uống ngũ, hết áng chừng một cút nhỡ bốn xu. Thức nhắm chỉ là bánh đậu phụ chấm mắm tôm. Ông tôi ưa thích thức nhắm lật vặt, linh tinh, ếch, lươn, tép cá. Thịt chó, húng quế thì thú lắm. Tôi được ngồi ăn cơm cùng mâm rượu

của ông tôi. Cả nhà mâm khác. Khi cả nhà ăn xong các dì tôi mới dọn rượu. Mâm đặt trên một cánh phản đầu nhà ngang, bên cạnh gốc cây ổi. Ông uống rượu nhấm nháp, cháu ăn cơm. Hai ông cháu ngồi gật gù. Chẳng may, dạo ấy tôi lại chưa biết ăn thịt chó.

Tôi yêu ông tôi nhất, tôi ghét, tôi sợ ông tôi nhất và tôi cũng biết rõ ông tôi, dưới hai con mắt thơ dại của tôi, những khi tôi ngồi bên mâm rượu với ông. Chỉ đến lúc hai ba chén cay vào, ông tôi mới nói. Ông tôi chửi bà tôi. Lúc ấy, ông tôi ngồi rút cả hai chân lên phản. Hai bàn tay ông tôi nắm lại đặt đều xuống hai bàn chân, tựa lổn ngồi của ông Ba Mươi trong những bức tranh thờ. Ông tôi đợi bà tôi nói thêm một câu. Chỉ một câu thôi. Câu gì cũng được, nghĩa là nói lên nghe ngứa hai lỗ tai. Không bao giờ bà tôi im được. Thế là ông tôi vừa hét, vừa đập tất cả những thứ gì vô phúc có xung quanh mình. Ông tôi cũng không phá được mấy. Bởi cứ khi ông tôi sắp nổi nóng, các dì tôi đã cất dọn sạch bốn bên. Ông tôi chỉ quăng ra sân được mấy đôi đũa, cái bát rách. Ông tôi ra góc nhà, vớ cái rỗi cửa, đuổi theo bà tôi. Bà tôi huỳnh huých trốn ra ngõ. Ông đứng trong đầu tường, quát thêm mấy câu, rồi lại cất gậy cẩn thận vào xó cửa chỗ lúc nãy. Một chốc, nghe tiếng ngáy rền rền bay qua khe giại. Mỗi lần xảy ra những lộn xộn kinh khiếp thế, tôi cứ thất đảm cả người. Tôi chạy đến búi lấy váy bà tôi, van bà tôi đừng nói. Nhưng bà tôi cứ nói toang toang. Đến lúc ông tôi vác gậy, tôi hốt hoảng, chạy nép vào khe tường, hai tay bưng mặt. Nhiều khi, cơn hãi đến, tôi nhột nhột mặt mũi cứ đứng ngơ ngẩn trong góc nhà.

Nhưng cũng có những buổi chiều, ông tôi uống rượu hiền lành. Ông kể cho tôi nghe biết bao nhiêu chuyện ngày xưa.

Không phải là chuyện *Tám Cám*, truyện *Anh ngốc đi buôn vôi buôn bông, buôn quít*. Đây là những chuyện ngày xưa của ông tôi. Tôi

nhìn ông tôi, kính phục như là nhìn một ông thánh tượng tượng.

Ngày trước, ông tôi đã từng đi ăn trộm, đi ăn cướp. Ông tôi đã chém đầu kẻ trộm. Ông tôi lại đâm cả kẻ cướp. Ông tôi có đủ các thứ võ. Đấu nhau với ai, ông tôi cũng được. Ông tôi chống một chiếc gậy, đâm chân, vỗ đít đánh đẹt, rún một cái nhảy vọt qua nóc nhà, dễ như chơi. Bạn ông tôi toàn các tay võ danh tiếng. Những *quận Vang*, *quận Tiền* mấy tay chặt đầu người ta như củ chuối. Có những ông cứ buổi chiều tối, tụ họp nhau ngoài cánh đồng, bắc loa gọi vào trong làng: "Bớ ba quân thượng hạ...Bớ ba quân thượng hạ...". Làng nào làng nấy sợ cúp hai tai. Rồi các ông chia nhau đi ăn cướp. Có những ông mang nhau lên rừng làm kẻ cướp. Có người kéo cò làm giặc, chẳng thấy bao giờ trở về.

Ông tôi thường nhắc lại tên từng người. Cũng như ông tôi thích kể chuyện ông Đề Thám, ông đốc Tít. Và ông tôi hay kể chuyện ông đi lính ngày xưa, *thời quan ta*. Đầu ông tôi đội chiếc nón sơn. Ông tôi mặc cái áo nâu dài, hai vạt loè xoè thắt lưng bó que ngang bụng. Chân thì giẫm đất. Vai đeo khẩu súng hoả mai. Bộ quần áo lướt lướt ấy, mặc mãi cho đến lúc bạc phéch, rồi rách bươm, lại về nhà tảo bộ khác. Có anh quần rách, xé dần cho gọn cụt lên đến khỏi khoeo. Cứ đi đến đâu thì ăn, ở đấy. Nơi nào lắm lợn, ăn lợn. Nơi nào nhiều gà, bắt gà chén. Có những vùng kém đói, lính cứ phải vác liễn rêu rữa đi xin tương. Rồi cơ binh đóng giữa một cánh đồng. Cánh đồng giêng hai ngày mùa, chỉ rặt một giống cà chua ta như hòn bi đổ choẹt. Lính đành ăn cơm cà chua hàng tháng. Sau chuyến ăn cà chua mấy trăm bữa này, ông tôi sợ cà chua đến tận ngày về già. Hễ ăn cơm trong mâm có bát canh cà ông tôi không dám đụng đũa.

Còn bao nhiêu chuyện lính lặt vặt vừa buồn cười vừa thảm thương không nhớ hết. Trong những ngày xưa kỳ dị mệnh mang của ông tôi còn những chuyện ghê gớm hơn chuyện võ và chuyện lính...

Ông tôi kể ngày xưa ông tôi đã đi phu mộ làm đường trong Phan Rang, Phan Thiết. Ngày xưa, cái ngày mà làng này nghèo xác xơ. Cỏ mọc đầy đường cái. Hai bên vệ bùm tum những bụi găng gai góc. Một năm, đói kém, Tây mộ phu vào miền nam Trung kỳ làm đường. Chẳng sao? Đến xuống Âm Ti cũng đi, miễn là có tiền. Và miễn là được ngay mấy đồng bạc tiền thưởng trước để đem về cho vợ con ăn ở nhà. Ông tôi cùng mấy người làng rủ nhau ra đi. Mấy trăm con người đáp tàu xuống Hải Phòng, rồi từ Hải Phòng đi tàu thủy vào miền trong. Đổ bộ lên quăng Phan Rang, Phan Rí gì đó. Con đường lớn xuyên Đông Dương mới phá đến quăng này. Rừng núi thăm thẳm, rừng rợn. Người ta lên những cơn bệnh rét cuống cuống ôm lấy nhau, ôm lấy cây, ôm lấy mặt đất. Ban đêm, không dám ngủ, cứ ngồi rúm lại với nhau đợi chết.

Một đêm, ông tôi và hai người nữa băng rừng trốn. Sáng hôm sau, khi mặt trời lên trông ra chỉ còn mỗi mình ông tôi. Hai người kia lạc đâu không biết. Mấy hôm liền chạy trong rừng, không dám ra, sợ người ta tóm lại. Đến khi đoán chắc đã khỏi chỗ làm rồi mới dám mon men lần ra ngoài đường. Từ bấy, hướng về phía bắc, ông tôi cứ theo con đường ấy mà vượt đi thực mạng. Bắt đầu cuộc phiêu lưu nguy hiểm. Chân bước trên đường, chẳng cần biết đâu ngày, đâu đêm. Khi ngủ cầu, ngủ điểm. Khi nằm trên cây giữa rừng. Có những ngày ông tôi lang thang ăn mày từ vùng này sang vùng kia. Ông tôi còn nhớ, kể những cửa Hải Vân, những đèo Cả, đèo Rù Rì...bao nhiêu danh từ kỳ dị gợi nên muôn hình ảnh núi sông lạ lùng trong đầu tôi.

Một buổi kia, tới một xóm chài ở bên đò thì mặt trời vừa xế bóng lảng bóng vàng. Đi cả ngày, đã mệt lắm, muốn nghỉ lại nhưng túi chẳng có lấy nửa đồng gầy. Ông tôi bước thất thểu, ngó vào từng cửa ngõ. Ông tôi thấy mọi người xúm quanh một người đàn ông, một người đàn bà và một đứa trẻ con. Thằng bé chừng bảy tuổi, bị bỏng suốt từ bả vai xuống. Nó khóc ngằn ngặt. Ai mó vào nó, nó giẫy lên. Người mẹ sợ quá cứ gào to. Người cha cúi xuống cố ấm con lên.

Ông tôi ló đầu vào đám đông. Chẳng hiểu sao, hoặc bởi bộ quần áo và chiếc khăn gói trên vai, người ta xì xào: "Ông lang đây rồi". Ngỡ ông tôi là người bên đạo thường che ô, xách bọc đi bán thuốc rong vào những ngày mùa hè khắp các miền quê.

Người mẹ đương khóc cũng ngẩng đầu lên. Trông thấy ông tôi, chị xụp ngay xuống lạy, kêu: "Ới ông ơi, ới ông ơi, ông cứu con tôi, ông cứu con tôi...". Ông tôi chưa biết phân trần thế nào thì người chồng cũng quay lại: "Ông lang đấy ư? Lạy ông, lạy ông, ông cứu...". Hai vợ chồng hì hụi lạy. Ông tôi càng quỳnh quỳnh. Nhưng ông tôi cũng chần tĩnh ngay. Ông tôi nghĩ: "Cái này là cái chết đây. Lạy giả người ta mà bước ngay, hay cứ liều. Rồi liệu sau. Đến đâu hay đấy". Ông tôi làm theo cái điều thứ hai, điềm nhiên nói: "Được, tôi chữa cho. Bây giờ các bác hãy ấm cháu vào nhà cho khỏi gió". Cố nhiên, ông tôi cũng vác khăn gói lửng lảng mà theo về nhà người ta. Ông tôi bảo cha thằng nhỏ rằng: "Bác tìm đâu vài chiếc trứng gà, đập ngay hai chiếc, cứ nguyên thế mà xoa lên khắp chỗ bỏng cho cháu. Xoa trước, rồi tôi sẽ tra thuốc sau". Tài tình quá, trứng gà phết vào cánh tay thằng bé được một lúc thì nó không kêu nữa. Cái trứng gà vốn mát, bôi dịu da. Hai vợ chồng nhà chài mừng quỳnh. Thế là cơm rượu đâu vác ra dùng dùng. Nhà chài ven sông, chẳng lúc nào thiếu

cá. Ông tôi đã chén một bữa no say nhất đời. Từ ngày bước chân ra đi, chưa được bữa nào thống khoái như vậy.

Ông tôi uống một ngum rượu, nhắm một miếng đậu phụ rồi ngồi yên. Tôi ngồi châu hấu, hóng lên miệng ông. Ông tôi mồm mím nói:

- Nhưng còn thuốc, ông lang thì phải có thuốc, thuốc ở đâu mà tra cho thằng bé? Tao lo quá. Phúc làm sao, tao nghĩ ra một mẹo. Tao nằm áp vào vách, lấy móng tay cạo một vốc mùn đất vách. Trên giường thờ có hai quả trứng trong bát nước cúng. Tao nhót một quả, đập vào lòng bàn tay, luyện với đất vách, thành một hòn thuốc viên thâm thâm. Gà gáy, tao dựng vợ chồng nhà chủ dậy. Tao bảo thuốc này phải bôi cho trẻ lúc mặt trời chưa mọc thì mới nghiệm. Tao đem "cục đất thuốc" hoà với một ít nước cho nó lỏng sền sệt, bôi lên khắp cánh tay thằng bé. Thằng bé đau đớn cựa quậy suốt đêm, bấy giờ nó ngủ li bì. "Thuốc" chát đen xỉn một cánh tay. Nhà chủ có vẻ tin lắm. Rồi tao từ tạ nhà chủ, xin đi ngay, nói là có việc cần. Vợ chồng chèo kéo mãi, cố nèo nhà thầy ở lại xơi cơm sáng. Tao nằng nặc quyết đi. Con vợ nó còn chạy theo ra tận đầu xóm nần nì. Tao phải giằng tay mà đi. Đi khuất đầu xóm tao cầm cổ chạy một mạch. Được đến mấy cây lô mét, giờ mới hưng hửng sáng. Bấy giờ mới hơi hoàn hồn, yên chí không thể ai đuổi kịp được nữa.

Rồi một đêm kia, về được tới cây đa cổng đình. Chính ra ông tôi đã về từ trưa, nhưng quần áo rách quá, cứ nằm ngoài đồng.

Ông tôi gọi cửa. Bà tôi ra mở, trông thấy, sợ quá, rú lên tưởng hồn ma hiện về.

Thì ra, khi ông tôi đi độ vài tháng có tin về làng rằng các tàu "đi Tân Thế giới" ra đến giữa bể thì bị cá ông voi ăn thịt cả mấy trăm con người. Đó là một tin đồn hão. Không có tàu đắm, cá voi ăn thịt

người, nhưng mấy làng ra đi, chỉ có một mình ông tôi phải mấy tháng trời mới mò về được.

Tôi băn khoăn, hỏi ông:

- Rồi thằng bé phải bồng nó có chết không, hả ông?

- Tao biết đâu! Thằng này chỉ hỏi lần thần!

Tôi nín thít.

Ông tôi uống rượu xong, chệnh choạng lên nhà. Ông tôi nằm gối đầu trên một mẩu gối gỗ mít thực cao như cái bao diêm khổng lồ. Đầu giường dựng một cái gậy tre đực. Cuối giường có cái gậy sắt. Trước giá, nằm gác ngang một chiếc thùng lụng, cán tre hun khoanh đốt, mũi sắt nhọn. Như là phòng đêm có cướp. Đôi khi, tò mò, tôi nhòm vào, hai tay ôm cột, lé một mắt xem ông tôi ngủ.

Sớm hôm sau, khi tôi bừng mắt trông cạnh ghế dài gian bên đã thấy đóm thuốc lá lập lòe. Ông tôi ngồi quặp hai chân tay khoanh trên đầu gối. Ký ức tôi, lúc nào cũng in cái dáng ông tôi như con hổ ấy.

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 3

Thầy tôi không phải là người vùng này. Thầy tôi vốn người trong miền vào núi chùa Hương. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao thầy tôi cũng võ vẽ biết chữ tây và viết quốc ngữ, lối chữ ngả đủ cả phẩy móc, nét đều đặn, của mấy ông phán già. Bởi cứ bằng vào những mẩu chuyện mà tôi đã nghe được thì thầy tôi chỉ học được mười chữ nho của ông nội tôi. Thầy tôi học dốt, lại lười và bướng. Thường phải nhảy xuống ao trốn đòn suốt ngày. Rồi bỏ nhà đi lang thang. Có khi mò mẫm xuống Nam Định, ở nhà người bà con học chữ đồng hồ, hoặc vất vưởng ngoài Hà Nội. Lớn lên, ông bà tôi lấy một người con gái làng cho thầy tôi. Tôi không được biết gì về "mẹ già" ấy của tôi. Sau này, mỗi khi nhắc tới, thầy u tôi bảo tôi gọi người là mẹ già. Tôi chắc mẹ già cũng đẹp gái. Bởi mẹ già tôi chê thầy tôi đen đui như cục tam thất. Do đấy thầy tôi thường tức mình và thường trốn nhà ra Kẻ Chợ.

Khi lấy u tôi thì thầy tôi đương làm việc ngồi xe ngựa đi đưa bánh cho một lò bánh mì trong thành phố. Và người mẹ già tôi đã mất được mấy năm ở trong quê nhà. U tôi cũng không rõ được chuyện ấy. Có thể lấy nhau rồi mới biết. Có thể rằng thầy tôi chỉ là người khách lạ. Có người cùng làm ở lò bánh tây mách rồi đánh tiếng, ông mới là ông xã Cánh, rồi xem mặt, rồi hỏi và cưới. Cho tới hôm thầy tôi đi xem mặt, u tôi cũng không biết thầy tôi là ai. Đến ngay cả ông bà tôi cũng mờ mịt. Vậy mà các cụ cứ gả. Cũng chẳng lạ, trong nhà

không những sáu cô con gái chưa có chồng, ai rước được người nào là cái phúc.

Người ở Nghĩa Đô nghèo, sự sống loanh quanh buộc vào mấy cái khung cửi mọt. Trong làng, không mấy ai đi ra ngoài.

Một chiếc xe đạp bóp chuông kính coong qua trên đường cái trẻ con cũng chạy đuổi theo xem. Những ngày tết nhất rồi rã bố mang con lên bến xe điện mua vé đi tàu chạy "keng ầm" vào thành phố đã lý thú lắm.

Thầy tôi đến làng u tôi với phong dạng chàng Kim Trọng du xuân trong truyện Thuý Kiều. Người ăn vận chững như chưa bao giờ trai làng ở đây chững đến thế. Đầu đội nón dứa chóp bạc. Mắt đeo kính rộp, áo sa bóng nuốt, nổi cái thắt lưng điều đỏ hoe, dài loè xoè thò chấm vạt áo trước. Cái quần là hộp, đôi giày Chí Long bóng nhoáng. Tay dắt chiếc xe đạp nhẹ nhàng. Cùng với điệu bộ trang nhã, thêm cái danh làm việc Tây ngoài Kẻ Chợ, ôi thôi nhất làng rồi. Không bao giờ tôi được biết những thứ sang trọng ấy thầy tôi đã đi mượn hay thuê của nhà cầm đồ Vạn Bảo.

Ông bà ngoại tôi được sáu người con, đều là gái. Cũng một lần bà tôi sinh trai, vào nấc con thứ năm, nhưng cậu Hoà tôi chỉ có được ba tuổi, rồi bỏ. Ông tôi uống rượu và mắc nghiện từ ngày cậu tôi ốm chết.

U tôi là con đầu lòng. Tôi biết nói những gì về u tôi trên những dòng chữ yếu đuối này. Những nét ẻo lả, làm sao mà chứa nổi hình ảnh vui thương chìm sâu trong những ngày cũ buồn bã. Ký ức tôi mờ mịt những kỷ niệm một màu trắng sương. Tôi không nhớ rõ ràng một điều gì nhưng thực tôi đã nhớ biết bao nhiêu. Đêm đã nghiêng về sáng, gà chuồng trong lối xóm vừa te te gáy trống canh đầu. U tôi đã đi ngủ từ lâu.

Nhưng tôi buông bút, nhìn ra bốn bên, chỗ nào cũng thấy bóng u. Cái bóng lằm lũi, hoà với bóng tối, vẽ nên một khuôn mặt trắng trắng với đôi mắt nhỏ lòng đen nhuộm một màu nâu đồng. Cái bóng mờ hồ bên cạnh lớp lớp những ngậm ngùi những thắc thỏm đợi chờ dài dặc trong ngần nước mắt và tiếng thở dài. Người ta, nhiều lúc nhàn, quây quần bên người thân không mấy khi lại tỉ mỉ vẫn vơ nhìn ngắm những người trong nhà. Thỉnh thoảng, như sực nhớ tôi chợt nhìn u, tôi bỗng giật mình. Tôi ngờ ngợ như *người ngồi trước mặt đây không phải là u tôi*. Có đâu u tôi lại thế kia. Tóc đường ngôi của u tôi lốm đốm rụng, chỉ còn thưa thưa. Mới năm nào, u tôi thuê tôi nhỏ, một chinh hai chiếc tóc sâu. U tôi cười, nếp nhăn ở đuôi con mắt nheo lại, xếp lên nhau, đến khi hết cười còn hằn những vết rạn khía quanh xuống hai bên gò má.

Hàm răng trên của u tôi khuyết hai chiếc đã mấy năm nay. U tôi già đi từ bao giờ? Từ lúc nào? Khi tôi ngậm ngùi như thế, tôi lại ngẩn ngơ tưởng tượng rằng có một hôm tốt trời nào đó tôi có tiền. Tôi sẽ đưa bà tôi, u tôi ra Kẻ Chợ. Rồi vào một hiệu cao lâu, ăn một bữa thực sang. Ăn xong, có khăn mặt ướp nước hoa lau tay. Lúc tính tiền, cho hằn bồi bàn hai hào bạc. Không hiểu bà tôi, u tôi sẽ nghĩ ngợi thế nào? Chưa bao giờ tôi dám nghĩ rành rọt về cái đoạn kết ngạc nhiên lý thú đó. Mà tôi chỉ tưởng tượng như đây là một cử chỉ rửa một cái gì hằn hận. Cũng như chưa bao giờ tôi đã làm ngon lành được cái việc trẻ con ấy chỉ vì tôi không có tiền. Và cũng chưa có đâu thì giờ của mình. Trong đôi mắt dịu hiền của u tôi, tôi mới có thể là hy vọng của một tương lai mong đợi sáng sủa hơn. U ời u, *chị ơi! chị, cháu(1)* hiểu, không bao giờ *chị* biết đến những hàng chữ tắt mắt *cháu* đương viết đây. Cái thế giới tân kỳ mà *cháu sống*, chẳng bao giờ *chị* tìm biết. Người mẹ kín đáo giấu đứa con ngày một

khác lạ, lạc mãi vào những cuộc sống xa xôi nào. Mẹ âm thầm sống. Mẹ là cái bóng đi bên cạnh tháng ngày của con. *Chị* ơi! Chưa bao giờ *chị* dám muốn có một ý đổi thay mong ước. Cái nghề có một của u tôi vẫn là nghề làm giấy phèn đem bán rong cho người ta gói hàng. Ngày hanh hao có những đêm đông lạnh lẽo, bên ánh một ngọn đèn hoa kỳ hiu hiu, u tôi ngồi *xăm giấy*. Tôi nằm trong lòng váy u tôi, mắt ngược lim him nhìn thoáng hai cánh tay u tôi đưa đi đưa lại nhịp nhàng, tai nghe tiếng những chiếc *que dò* chạy lạt xạt, lệt quệt dưới lòng những tờ giấy dài nháng keo. Rồi tôi ngủ khuấy lúc nào không biết.

Cho đến bây giờ, những đêm ngồi viết khuya, trông ra ngoài đầu hè, vẫn thấy u tôi lặng lẽ ngồi *xăm giấy* bóng đổ chập chờn trên vách. Đã bao nhiêu năm qua.

Thực vậy. Còn nhớ năm nọ, có một buổi chiều, không biết u tôi đi đâu về. Ngoài ngõ chó sủa inh ỏi. Tôi chạy ra, thấy u tôi đương rối rít xua con chó vận của nhà cứ lẫn xả vào chân. Tôi quát thực to, dọa đánh, nó mới chịu lùi vào trong sân. Con chó vận hoảng mắt bị tôi cho một trận đòn kịch liệt. Nhưng đánh xong con chó, mới biết rằng chó bị đánh oan.

Hôm đó, u tôi mặc cái áo cánh trắng. Từ thuở chó vận lọt lòng mẹ ở trong gằm phản ra, chưa bao giờ được thấy u tôi mặc áo cánh trắng. Con chó trông mãi màu nâu đã thành quen mắt.

Đến đổi thành linh ngó u tôi mặc áo trắng nó không nhận biết là ai, vội sủa um sùm. Chưa bao giờ u tôi dám có một cái áo trắng. Cái màu cổ hữu trên lưng áo là màu nâu vỏ xó, màu nâu bùn đen sẫm.

Khi sinh tôi rồi u tôi ở hẳn bên ông bà ngoại tôi. Tôi chưa về ăn cái tết nào trong quê nội. U tôi sinh tôi tại nếp nhà của ông bà ngoại tôi. Rồi thì khai sinh, vào sổ làng, mua quan viên, đóng góp phần việc

hàng giáp, nhất nhất mọi thứ nhiều khê đều ở làng ngoại. Tôi nghiêm nhiên là một quan viên kẻ Bưởi. Ngày còn nhỏ trong những sách vở học trên chữ tên tôi viết hai chữ *Lại phú, Lại Nguyễn*. Họ Lại là họ u tôi. Tôi chẳng vắn vác rồ đi lấy phần việc họ, chẳng chặc lẽ bốn lẽ hai vái cẩn thận đó sao. Khi lớn khôn hơn, thấy việc trộn những chữ ấy là ngô nghê quá, tôi phải bỏ bớt chữ *Lại* đi. Mặc dầu tôi vẫn nhớ, tiếc một mình rằng sao tên tôi chẳng được có chữ *Lại* kia đội ở trên. Tôi không thích về quê. Tôi tưởng tượng về làng nội như bị ném về một nơi rất người xa lạ. Thày tôi đi vắng biệt hàng bao nhiêu năm, tôi yêu quê tôi sao được. Hơn nữa, khi nào ở làng ngoại về làng nội, thực ra u con tôi đã phải làm một công việc khó nhọc lắm.

Tôi chỉ về quê nội như đi chơi. Tôi thường về quê vào cuối xuân khi làng vào đám hoặc đầu mùa đông, dịp đồng áng gặt hái. Đầu tôi đội cái mũ bắc bọc vải nâu đỏ. Chân tôi đi giày tây có cổ Tắm áo lĩnh đen bóng trong lót vải hoa vàng. Cái áo tết ấy thực quý, bởi bà ngoại tôi hay nói pha rằng: "Áo này hàng sa tây lót màu vàng anh Thượng Hải dệt hoa đại đoá. Bây giờ hết, không đâu có bán thứ hàng ấy nữa". Tôi sung sướng đỏ hai tai mỗi khi được gượng nhẹ xỏ hai bàn tay ếch vào cánh áo lưng thụng, tự hãnh diện với cái giá trị ghê gớm của nó. Không hề hay rằng cái danh giá mặt ngoài nó là cái danh giá của một mảnh lĩnh lẻ nhuộm thâm nhà dệt lấy và mặt trong thứ vải hoa vàng hạng mềng ba hào rưỡi một thước khổ lớn mua ở hiệu tây đen đội mũ lông oản ngoài phố hàng Ngang.

U tôi mặc váy vải thâm thắt lưng nhiễu tam giang ra ngoài. Trên đầu kèn càng chiếc nón Kẻ Chuông tròn vành. Bên nách, cắp cái thúng to trong đựng mấy cái quần áo, một cặn chè mạn, đôi ba phong bánh khảo với một hộp dầu bạc hà, cái ve dài ngoẵng và một gói

trầu cau. U con dắt nhau đi từ tờ mờ sáng ra Bờ Hồ đứng chờ tàu điện trên bến vào Hà Đông. Con tàu kéo những mấy chiếc toa rít u u trên đường sắt, lôi nhau ra khỏi thành phố. Vào đến tỉnh lỵ lại đón ô tô đường Vân Đình.

Chiếc ô tô hàng to như con lợn kéch sù vàng khè, hục hặc qua cái cầu xi măng chạy ra khỏi tỉnh lỵ. Tôi ngồi nép sát bên cạnh u, ngơ ngác ngó ra lỗ cửa sổ, cái lỗ che mảnh vải nâu gió đánh bay tốc lên phật phật. Hai mắt tôi nheo lại, nhưng vẫn ngoẹo cổ nhìn sang bên đường cái. Chẳng bao lâu, đã quên những tiếng chuyển động xình xình của xương cốt cái xe cùng những người ngồi chung quanh. Tôi mê man nhìn cảnh đường sá, ruộng nương, cây cối cứ thay đổi tiếp nhau ngoài cửa sổ. Đến Bông Đỏ, nhà cửa đã thưa thớt. Giữa Ba La, đường cái chia hai, một về chùa Trầm, một sang ngã chùa Hương.

Tôi ngoái cổ lại, xa xa rặng núi Trầm đen sì đầy vẻ huyền bí lờm chờm nhô lên. Rồi thì qua Xóm với hai rặng tre tối um rủ bóng rợp kín lối. Đường cái đã xẻ qua cánh đồng chỗ xanh chỗ trắng. Làng Thạch Bích có cái nhà thờ chót vót hai tháp mốc trắng. Những quán cơm cầu Khâu, cái đuôi chó đen nhấy treo lủng lẳng trong chiếc tủ vuông. Lũy tre bọc đằng xa. Vạt cỏ viền hai bên lề. Con trâu gò vai kéo cày. Có chỗ tùm tùm ba bốn người queo cổ kéo bừa thay con trâu. Kìa đến cổng Lối - hai thành cầu sắt quét vôi trắng tinh. Cột dây thép liên tiếp, chạy đuổi nhau dạt theo đuôi con mắt tôi lé ngang. Một... hai... ba... bốn... chín... mười một... tôi đếm không xuể. Những cái nùm trắng trên mỏm cột bay vun vút. Toe... toe... toe... sắp tới phố huyện Thanh Oai. Đàng chân trời, lờ mờ màu xanh rặng núi chùa Hương cuối đồng chiêm, gần Hoà Bình. Đến huyện rồi. Đường cái, lác đác mấy chiếc xe sắt chống đuôi lên đồ nổi nhau. Hai bên,

hiện ra những căn nhà gạch so le, khắp khênh. *Poste rurale... Ecole de Tha...* Máy quán nước chè tươi... Hai hiệu khách bán thuốc bắc và tạp hoá, ngoài cửa, tòn ten đôi câu đối gỗ màu vàng đất thó. Bụi đường bốc lên, cuốn ào sang hai bên. Lại ruộng. Lại cột dây thép. Một đàn cò nhịp nhàng bay ngang cánh đồng chiêm trắng nước. Con chim cà cưỡng đậu trên cành gạo hót riu ran. Đôi chốc, xe vụt qua những bụi tre nhỏ lả lướt có một quán hàng nước tiêu tụy. Toe... toe... toe... Cầu Nảy Cầu Nảy! ông ơi, ông cho tôi xuống Cầu Nảy. Xe đỗ. U tôi bê cái thúng và bế tôi xuống đường. Chiếc xe chồm lên, lại gầm gừ chạy. Con đường hút lòm, xa thẳm khuất vào bóng tre với những cột dây thép nhấp nhô.

Bao giờ cũng vậy, vừa đặt chân xuống mặt đường và khi cái xe ô tô đã xình xịch đi khỏi, tôi chợt có một cảm giác lo lắng lạ thường. Tôi vừa qua Hà Nội náo nhiệt, tôi vừa ngồi tàu điện âm ỉ, tôi vừa đi ô tô ồn ào. Bây giờ xuống đây, sao mà hoang vắng. Không một tiếng châu chấu động cánh. Con đường lạnh lùng câm nín một vẻ ghê rợn. Gió dưới đồng sâu đưa lên, những cột dây thép cứ rên rỉ âm ù hằm hừ. Sự lo sợ lẻ loi với nỗi buồn sắp phải đi đâu xa.

Chúng tôi rẽ vào trong cánh đồng. Làng tôi ở cuối xa, bên cạnh bờ tre là một vệt đê dài. Trên con đường gập ghềnh băng qua cánh đồng mùa xuân, u tôi kể cho tôi biết tên những gò đồng, làng xóm xung quanh. Ngay lối gần nhất là cầu Chim. Lối kia rẽ về Nga Mi, làng Nga Mi có cái chợ Mai hạp ven sông. Cứ thẳng lối này thì tới nhà. Con đường mù trắng hoa cỏ may. Về nhà tha hồ được bữa nhỏ mỗi, hoa may tua tua bám vào ống quần. Cái gò gì mà đất cát lở tở nằm dài bên lề đường? À, gò ông Đống. Hàng ngày mỗi người qua lại ném vào lưng ông Đống một hòn đất, ông Đống phù hộ cho đi đường được dẻo chân, chóng đến nơi. Ngang trước mặt, lũy tre

chạy tiếp ra đường cái tây, là làng Kim Bài. Con đường đi nghiêng dần vào trong cánh đồng. Đến cầu Ngõ, rồi Ba Cây rồi đến Một Cây. Những gốc muỗm thực lão, cành lá xum xuê. Tới Một Cây đã ngó được những mặt ao lấp lánh sáng. Cái tường đất xù xì dưới lũy tre hiện ra. Tôi đã ngửi được mùi đất quen thuộc. Quen thuộc lắm, chỉ thoáng qua là biết sắp về tới quê. Ờ, mà lạ. Không bao giờ tôi biết phân biệt được rõ ràng cái hương vị phảng phất kỳ dị ấy. Nó thoang thoảng trong cánh đồng hoặc vẩn vơ trong rặng ô rô xanh rì. Tưởng như đây là mùi cỏ khô, mùi đất ải, mùi khói rơm bếp. Không phải. Đích nó là mùi lá muỗm nấu lẫn với lá vối, mùi rau nháy mùi lá trang, mùi lá cải, mùi có bồ mùng, mùi mái rạ chuồng bò. Cơ chừng chẳng rõ ràng mùi gì. Nó là tất cả, từ mùi tóc hôi trên đầu đứa trẻ cho tới mùi nồn cỏ gấu đặng mới nở hương đồng cỏ nội hoà vào nhau, bốc trên một miền quê. Cái mùi quê đặc biệt, mỗi khi về gần đến làng, là thoảng biết.

Cũng như, đứng ngoài đường cái tây, trông mờ mờ thấy mảng tường đất, tôi đã biết đây là lũy tre bên cạnh nhà bà Ba tôi. Quê nội tôi cũng thật là nghèo. Từ khi ông nội tôi mất nhà sút dần.

Bà Ba tôi là bà sinh ra *mẹ già* tôi. Người vợ trước của thầy tôi - *mẹ già* tôi - tuy mất đã lâu, nhưng bà Ba vẫn quý mến thầy tôi và yêu chúng tôi lắm. Về quê, bao giờ u tôi cũng mang tôi ra nhà bà. Trong những ngày về quê thuở ấy, tôi chỉ có thể tìm được một chút vui vui dịu dàng, mỗi lần ra ngoài nhà bà Ba. Ông Ba mất từ lâu. Thấy bảo ông đi rừng Hoà Bình về rồi chết bởi con ma gà làm. Rồi đến *mẹ già* tôi, hình như cũng chết vì con ma gà. Bà Ba chỉ có mỗi mình *mẹ già* tôi. Từ khi *mẹ già* tôi chết đi, bà ở quanh quẽ một mình. Một mình một nếp nhà nho nhỏ, đằng trước có căn vườn xinh xinh. Lối ngõ vào, lúa thừa một hàng dâu xanh. Vào nhà cái gì cũng bé bỏng, cái

gì cũng xinh xắn. Từ chiếc niêu đất thổi cơm cũng bé tí nheo. Chỉ riêng có con lợn trong chuồng là to kềnh, bụng như bụng chum bốn cái chân ngắn cùn, cả ngày nằm ủn ỉn. Tôi còn nhớ hể cái đầu trọc to thô lỗ của tôi thò vào ngõ thì tôi phải cầm gậy gõ cạch cạch trên tấm phen nứa. Con chó vàng xích tận đằng cuối cối xay. Bà Ba tôi chạy vội ngay ra. Bà cầm lấy tay tôi, dắt vào. Và đến lúc bà ngồi xuống bậc cửa, thì tôi đã nằm gọn lỏn trong lòng váy bà. Tấm váy nâu già, tuy chưa rách, nhưng đã bạc ra màu đất. Mảnh yếm lụa nâu nhò, hai giải buộc quặt ra đằng sau lưng. Tôi luồn một tay ra nẻo lưng để trần của bà tôi, làn da dịu lạnh mát ngược nhìn đôi khuyên bạc đánh lắc lư trong hai lỗ tai chảy thống. Thuở trẻ, hẳn bà tôi vạm vỡ, mặt vuông vắn. Bây giờ mà nước da bánh mật còn đỏ hồng màu hạt vải già. Ở hai bên cánh tay, thịt teo lại, chảy rạt xuôi xuống một phía, mát rượi. Tôi ngoan ngoãn, him hai con mắt, nghe bà tôi nói. Bà nói rằng bà nhớ tôi. Buổi chiều đi chợ về, bà hay đứng ngóng tôi ngoài đầu vườn. Có cái oản lộc chùa hôm thượng nguyên bà cất dưới gậm mâm bông. Lại có bát chè kho tuần rằm bà vẫn dành cho tôi trong hòm phở. Ấy, bà cứ để dành đợi hóng. Bao giờ oản và chè kho lên mốc xanh thì bà tôi lại khuôn ra ăn dần. Những bữa cơm ăn với bà Ba ngon trong đời tôi, lắm khi chỉ có rau khoai. Rau khoai tím ngắt, chấm vào bát dấm mẻ cà chua ta dỏ ngòn lấm tấm mấy lá hành xanh rờn. Vậy mà ngon miệng lạ. Cơm nước xong, buổi tối, u tôi và tôi thường ngủ lại ngoài bà. Những buổi tối mùa đông giá lạnh cửa liếp buông xuống kín bưng. Trên cái giát nứa cật trải mấy lượt lá chuối khô. Tôi nằm giữa giường, mặt chiếu bông bình sóng như mặt đệm bông. Buổi sáng, tôi còn nằm to vo lé mắt nhòm ánh sáng, chốc chốc lại thử thò một tý chân ra ngoài mép chăn xem có còn rét không. Tôi cứ nấn ná oằn oẹo như thế cho tới lúc u tôi bưng mâm

lên và bà tôi gọi tôi dậy ăn cơm sáng. Cơm xong, bà tôi quẩy gánh hàng đi chợ. Hai bồ thuốc Lào và mẹt cau khô lồng vào đôi dây quang mây, bên cạnh gài chiếc ghế cao chân. Bà Ba tôi bán cau khô và thuốc Lào ở chợ làng. Nhưng có tôi về chơi, ít khi bà tôi đi chợ.

Cái thuở xa xôi ấy không còn nữa. Bà Ba tôi mất đã năm sáu năm nay rồi. Khi bà tôi nhắm mắt, tôi không được ở gần.

Mấy năm liền tôi không về quê. Tôi đã xa nhà luôn, khởi đầu những ngày long đong của một cuộc sống vất vưởng. Mùa đông năm ấy bà Ba tôi mất, tôi đang rời ren về sinh kế ở một tỉnh miền xuôi.

Từ ngày đó, tôi càng thưa về quê nội. Con đường càng ngại. Con đường càng xa. Sao con đường trở về quê lại xa quá thế! Trong đời, tôi đã qua những đoạn đường dài gấp trăm ngàn nó mà không hề nghĩ ngại đến nỗi xa xôi như khi tôi bước trên đường về làng nội. Con đường ấy xa hơn hết và xa mãi mãi. Như vẫn dài thăm thẳm từ thuở tôi còn nhỏ, mỗi lần theo u về quê.

Chú thích:

(1) Nhà hiếm sợ ma bắt phải gọi tránh: bố là anh, mẹ là chị và con xưng là cháu.

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 4

U tôi sinh được một em gái tôi. Em kém tôi ba tuổi, tên nó là Hồ. Cái Hồ.

Em tôi đây. Nó đương đứng trước mặt tôi, trong bức ảnh nhỏ mà chúng tôi chụp với u, từ năm tôi lên tám. Bức ảnh xung quanh in hình hoa nổi. Mười mấy năm trước ảnh đã đổi sang màu vàng nhạt. Những vết ố mất thuốc nhuộm nhệt xung quanh sắp ăn hoen cả vào hình chúng tôi. U tôi ngồi giữa. Tôi đứng một bên, lễ mễ những áo lĩnh, giày tây, vòng bạc, cá bạc thừng lẳng đeo cổ. Hồ đứng ngang với tôi, phía tay trái u. Một bàn tay nó đặt trên lòng áo u tôi cho u tôi nắm lấy. Nó thấp lùn chũn, cũng đóng áo thùng lùa chuội đen nghiêm chỉnh, thông trước ngực một chìa khoá bạc. Bộ nó có vẻ thẹn. Vàng trán rộng dưới làn tóc tơ mượt mịn xén đều.

Mặt nó hơi cúi, nhác khuôn mặt nhẹ nghiêng như hình một trái mơ non. Nhưng mắt nó nhìn gườm lên. Đôi mắt đen láy nổi ngời trong khổ mặt rất đối đỉnh ngộ. Đôi mắt quăm quăm rất quái, tôi cũng hãi đáo để.

Cái gì mà tôi chẳng hãi. Tôi sợ cả cái mặt đất lồi lõm dưới hai bàn chân. Lên năm tuổi, tôi chưa dám bước chân xuống đất. Suốt ngày, tôi ngồi nhòm nhỡm trên tấm phản trước hè. Ngồi chán, thì nằm. Tôi nằm ngửa, xem những con nhện gầy bé mà chân rất dài, đang rung tơ mạng trong hóc cột.

Những buổi tối, những buổi tối mà ánh sáng ngọn đèn ba dây sáng trưng mọi người trong nhà ngồi quây quần trên ghế và trên phản.

Tôi nằm khoèo dưới chân bà ngoại tôi. Tay tôi mò máy xem cái chân của bà tôi một cách hết sức vớ vẩn. Bàn chân bà tôi, kể cái chân cũng quái thực. Gót thì bè ra, nẻ từng khía từng múi như múi quả cà bát. Bà tôi đi chân đất từ thuở bé cho đến già, hèn chi bây giờ có những vết nứt nở. Thế mà những buổi tối mùa đông rét mướt, bà tôi vẫn dầm cả hai chân vào chậu nước lá cải rừng đun nóng để ngâm nẻ. Bàn chân răn reo khô xác, gờ mốc trắng. Hai chiếc ngón chân cái ngoẹo ngang chìa đầu sang nhìn nhau. Ông tôi vẫn bảo bà tôi là giống đời cổ, “người đời Giao Chỉ”, nên mới có hai cái ngón chân kỳ quái này. Do hai ngón chân ngang ra ấy, không đôi guốc nào vừa được chân bà tôi. Người đi guốc cuộc cuộc, nửa gót lồng trong quai, nửa gót nằm ngoài đất. Tôi cũng chẳng thấy bà tôi đi guốc mấy. Buổi tối, lúc sắp đi ngủ, bà tôi mới rửa chân. Những khi tôi nằm xem chân bà, các dì tôi hay rang ngô rang để cả nhà cùng ăn nhấm nhót cho vui. Tôi ham ăn ngô rang lắm, nhưng lại không thích nhai. Dì Niêm cứ nhá từng búng ngô lớn, lè ra tay rồi bỏ vào miệng tôi. Tôi há hoác mồm, đớp từng nắm ngô nát nhuyễn như chú quạ con há mỏ nuốt mồi của mẹ mớm. Ngồi bên trường kỷ, ông tôi cười tùm tùm, nói: “Tướng đại lãn như mày thì ngày sau chỉ đến đi làm cái nghề làm mỗ tay phải đập tay trái thôi, con ạ?” Ăn chán, tôi ngồi tôi hát nghêu ngao:

Con ngồi mày chòi cây cau

Hỏi thăm chú chưa đi đâu vắng nhà.

Chú chưa đi chợ đường xa

Mua mắm mua muối giỗ cha chú ngồi.

Lưỡi tôi ngọng líu, đến năm lên mười tôi vẫn chưa nói sõi nổi hai tiếng anh em. Cứ *ăn nhem, ăn nhem* ời! Một hôm u tôi cho tôi nửa

xu. Tôi buộc đồng xu vào giải rút, rồi ngồi đầu tường đợi hàng kẹo xóc.

Ngày ấy có những người bán kẹo xóc đi rong các làng. Bác mặc quần áo nâu bạc, mặt mày rám nắng đen thui. Một bên nách, cắp một cái mâm gỗ vuông, trên phủ kín tờ nhật trình. Lưng bác đeo bốn thanh gỗ buộc thừng dằng vào nhau như kiểu bốn cái chân ghế treo. Túi bác đựng nhiều mảnh giấy vụn cắt vuông. Một tay bác cầm chiếc ống bằng sắt tây tròn dài tựa ống nứa, trong đựng mấy chục cái tăm tre to, dài thò lên miệng. Vừa đi bác vừa lấy điệu tay nhịp nhàng xóc chiếc ống. Những chiếc tăm nhẹ nhẩy lên thụt xuống, rổ vào đáy ống, phát ra nhiều tiếng xô động, rền rền, ròn ròn, lao xao.Xóc...Xóc...

Tai trẻ nghe đã quen, hiểu. Hàng kẹo xóc, hàng kẹo xóc đã vào. Chúng chạy ra. Bác hàng kẹo xóc còn đứng lại trước ngõ, xóc liên mấy xóc nữa đánh tiếng rõ ràng cho cả xóm thực biết là ta đã đến đây. Rồi bác đút cái ống vào túi áo: hạ thanh gỗ trên lưng xuống. Bốn thanh gỗ liền khoạo ra một cái gong. Bác hàng kẹo đặt chiếc mâm gỗ lên.

Mấy cái mặt trẻ ngơ ngác, láu lỉnh đã lấp ló, ngấp nghé xung quanh vành mâm. Bấy giờ bác ta mới mở tờ nhật trình dậy mâm ra. Ôi trời, gớm sao mà lắm kẹo? Các thứ kẹo! Góc bên này ngồn ngang một đàn kẹo vịt. Những con vịt trắng viền đỏ, trên lưng còn thêm một nhách vịt con. Ở giữa, một đồng kẹo bi, kẹo đạn tròn xoe, vàng óng và trong suốt như thủy tinh. Ở bên, rất kẹo dồi chó. Những miếng kẹo vỏ trắng lòng đen, tựa miếng dồi chó, thỉnh thoảng điểm một củ lạc thật bụi, nhá ngọt quánh rã. Kẹo đạn thì ròn tan, kẹo vịt cũng con để ngắm cũng thích, ăn nhấm từng tý lại ngon hơn.

Thứ nào cũng chinh một, xu đôi. Xóc... Xóc... Tôi nghe đích tai lắm rồi.

Tôi chạy ra đầu ngõ, thấy bác hàng kẹo xóc thực. Nhưng bác ta cấp cái bàn kẹo đương lừng lững đi ra, tôi réo:

- *Coi coi!*

Bác hàng kẹo không biết tôi gọi, cứ đi tự nhiên. Rồi bóng bác khuất bên những bụi cây cúc tần. Tôi chưng hửng. Tôi lụi cụi chạy vào, oà khóc.

- Có thể mà cũng nhè!

Tôi ảm ức không nói được. Có thể mà cũng khóc. Không những thế, còn quá vậy nữa. Một buổi kia, dì Niêm dẫn tôi xuống ao. Dì cháu đứng trên cầu. Dì tôi trở xuống mặt nước:

- Cu kìa, có trông thấy gì dưới nước không?

- Không.

- Cái ngo ngoạy ngoằn ngoèo đấy.

- Con gì thế?

- Con thường luồng.

- Hứ?

- Con thường luồng nó uốn khúc lên cầu ao cắn chân thằng Cu. Kìa nó lòi chân thằng Cu kìa.

Con thường luồng là bóng cây dừa. Mặt nước sóng sánh con thường luồng rung rinh, quấy cựa theo đợt sóng. Nó đen trùi trùi dài ngoằng ngoẵng. Nó đương vào cắn chân tôi. Tôi khóc thét. Hai tay tôi bấu chặt áo dì Niêm. Từ hôm sau, tôi không dám mon men xuống ngắt lá xanh tảo dưới bờ ao nữa.

Ai dọa đem tôi cho con thường luồng dưới ao cắn chân, tôi kêu lên chu chéo.

Cái Hồ thì hóm lúm. Nó lau láu như bà cụ non. Hồ ưa mặc áo dài và rất thích đi guốc. Lúc nào, nó cũng đi guốc. Đôi guốc gỗ bé tí tẹo, gót gỗ lẹt xẹt. Nó bước lù khù, hai bàn tay nắm nhau, chắp ra sau lưng. Khi nào ông tôi cầm chổi quét lá ngoài sân đất, nó cũng đi theo. Nó thơ thẩn hỏi ông. Ông quét đến đâu, nó đứng theo đấy. Lúc ông tôi quét xong, đã vun gọn đống rác lại. Hồ lễ mễ vác cái chổi sẽ cùn cát ra một góc sân.

Buổi chiều, Hồ đòi u tôi rửa chân tay kỹ lưỡng. Nó đi ra đầu ngõ. Nó nói:

- Cháu ra ngõ đón “anh” cháu đây.

Anh tức là thầy tôi. Chúng tôi gọi thầy u bằng anh với chị. Thường thường các nhà hiếm không dám gọi nhận thẳng cha mẹ, sợ ma quỷ bắt nên cho trẻ gọi chệch ra như thế.

Trong nhiều gia đình, con cái kêu cha mẹ là chú, thím, bác... Chúng tôi được bảo thuộc những tiếng anh, chị và xưng là cháu, từ thuở bập bẹ biết nói.

- Anh Cu có ra ngõ đón *anh* không?

Sâm sẫm tối, thầy tôi đi làm về. Hồ đã quen lệ ấy. Nó ra lấp ló ngoài đầu ngõ, ôm hai tay lên bờ tường gạch, nhòm đường cái.

Chẳng mấy khi tôi dám thò đầu ra ngõ. Tôi sợ những đứa trẻ trong xóm. Tôi khiếp nhất con mẹ mìn mà bà tôi vẫn tả hình dạng nó. Nó đội chiếc nón rách. Nó đeo cái bị to, trong đựng toàn kẹo bột. Gặp trẻ con, nó giơ kẹo, cười cười: "Em ơi em, lại chị cho cái kẹo này, ngon thật ngon". Ăn kẹo vào, mê tí, mụ dất đi đâu cũng theo. Mụ đem sang bên Tàu, bán trẻ con cho chú khách thuốc ê. Khách thuốc ê làm thịt, cắt hai cái tai, quay lên như lợn quay... Cái Hồ đứng ngõ, tôi chỉ luẩn quẩn trong sân, ngồi bên hòn đá trước hè, nhìn vắn vơ.

Hồ đứng ngoài ngõ cho tới lúc trong nhà mọi người nghe thấy tiếng guốc nó lạch cạch trên lớp gạch vỡ lơn nhón đầu ngõ. Ai cũng biết hiệu: thế là thầy tôi đã về. Nó chui đầu vào cái vạt áo sau của thầy tôi, vừa lạch cách chạy, vừa reo inh ỏi trong khi thầy tôi cởi áo, trật khăn treo lên mắc. Đến lúc thầy tôi ngồi vào mâm, thì Hồ đã chồm choẹ bên cạnh, nói chuyện tíu tít. Tôi thì ngồi im thin thít ngoài hòn đá. Chán hòn đá tôi vào đứng góc nhà, ngó quanh quất tìm đôi guốc, rồi đem guốc ra sân, dì Niêm đến rửa chân cho. Chân đã sạch, tôi linh lĩnh leo lên giường nằm hát. *Con ngồi... con ngồi mà chòi cây cau...*

Cái gì Hồ cũng láu. Ai cũng yêu nó. Động một tý, nó nói: “Nghịch rác sân, ông lại đánh cháu bây giờ!”. Tôi chỉ ngắt lá cây si quẩn lại làm kèn thổi te te. Thế mà nó cũng mách. Ai cũng chỉ yêu nó. Chẳng ai chơi với tôi. Tôi chỉ chơi một mình.

Tôi chơi một mình...

Ngày tháng lần lữa, lặng lẽ trẻ con quanh quẩn thế không biết đâu những việc của người lớn.

Cho tới độ ấy, thầy tôi đã thôi việc. Tại làm sao thôi việc hay mất việc hàng "bánh tây ngoài Kẻ Chợ" tôi không được rõ. Hình như thầy tôi sắp đi đâu xa.

Rồi thầy tôi đi. Nhưng đi lúc nào, tôi cũng không biết.

Chỉ còn nhớ như buổi hôm ấy, một buổi chiều mùa hạ. Hồ và tôi rửa chân rồi, hai đứa vào ngồi trong phản. Bên khung cửa đã lên đèn đầu hôm, tiếng thoi đưa lạch cạch. Chiếc đèn ba dây giữa nhà ló ngọn sáng loè. Ngoài sân, muỗi bay như chấu tấp vào mặt, kêu o o vang vào tận trong nhà.

Bỗng Hồ trở tay lên khe cửa hỏi u tôi.

- Cái áo của "anh" cháu treo kia đâu rồi?

Trong hóc cột, trên mẫu cuộn chỉ gỗ, không có tấm áo the thâm. Thường đi làm về bao giờ thầy tôi cũng treo áo vào chỗ ấy, rồi lồng cái khăn xếp lượt lên trên. Bây giờ, lạ, không thấy. Hồ hỏi. U tôi bảo:

- Bố mày đi Kê Chợ. Mai về.

Nhưng cứ "mai" mãi, không thấy bố về. Thỉnh thoảng chợt nhớ. Hồ lại trở tay lên khe cửa, hỏi:

- Cái áo đâu?

Rồi cũng quên dần. Hồ mãi mê đi theo, xem ông quét sân. Tôi ngồi bậc đá, quán kèn tổ sâu, thổi te te. Vài năm sau tôi mới biết là hồi đó thầy tôi vào làm ăn trong Sài Gòn.

U tôi kể rằng, đêm trước hôm thầy tôi đi, chúng tôi cũng có biết, - nói là Hồ biết thì công bằng hơn, bởi vì tôi đã ngủ lâu rồi. Hồ cứ hỏi: "Mai *anh* đi đâu?" Thầy tôi trả lời: "Con ở nhà ngoan nhé? Chóng về mua quà cho". Đến lúc đi ngủ. Hồ nằm cuộn tròn ngay dưới chân thầy tôi. "Giữ chân không cho mai đi. Giữ được chân đây rồi?". Một lát Hồ ngủ, hai tay buông chân bố lúc nào không biết.

Gà gáy, thầy tôi đi, chúng tôi đều đã ngủ yên. Thầy tôi nhổ trên lòng bàn tay mỗi đứa một bãi nước bọt. Để đi xa, đỡ nhớ chúng tôi. Thầy tôi xuống Hải Phòng rồi đi tàu thủy vào Nam Kỳ.

Năm ấy, tôi lên sáu.

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 5

Sang năm sau, tôi phải đi học. Nhiều khê lắm, cái sự đi học.

Vào quãng tháng ba tháng tư mùa mưa rào, mùa đom đóm và mùa ma trôi. Chập tối, lũ trẻ thập thò đầu xóm, đứng búi nhau chơi trò gọi ma. *Hú ma trôi! Mặt giới đã lặn. Chó cắn đã khuya. Ba thằng râu ria. Về ăn cơm sốt! Hú... ú... oà.* Rồi tiếng hú lẫn trong tiếng mưa.

Cái đêm hôm trước tôi đi học buổi đầu tiên cũng có trận mưa thật to. Mà cái việc đi học, đối với một thằng tôi nhát như cáy, cố nhiên là một việc ghê gớm mới mẻ nhất trong tâm tưởng đứa bé bảy tuổi. Bởi thế, mỗi lần nhớ lại thuở ấy, ký ức tôi bao giờ cũng phảng phất cả trận mưa rào.

Những trận mưa lớn đầu mùa hạ. Đột nhiên một buổi những đám mây lớn đen xịt, lồm ngồm vằn vãi đầy trời. Gió nam giật mãi, bỗng mát lạnh hơi nước. Đắng xa miên man rạt rào khua động. Mưa đã xuống bên kia sông.

Gió càng điên đảo trong cành cây. Ngoài đường cái, người chạy táo tác. Trẻ con la ới ới. Có lẽ sắp được xem mưa, các chú bé thích quá kêu rối rít. Cùng chung với chúng tôi một nỗi vui ngơ ngẩn, mấy con chó cũng nhảy cẫng, nhay xích ống, ăng ăng sủa.

Lẹt đẹt... Lẹt đẹt.. Mưa giào đầu. Những giọt nước to lăn xuống mái phen nứa. Vừa mấy giọt nước lách cách, bây giờ đã bao nhiêu nước rào rào xiên xuống, lao vào bụi cây. Con gà trống ướt lướt thướt hai đầu cánh nhấp nhô chạy tìm chỗ trú.

Mưa buông sầm sập, giọt ngã, giọt bay, bụi nước toả trắng xoá. Trong nhà, bỗng tối sầm. Mùi âm ẩm ngòn ngọt lại như ngai ngái. Cái mùi là lạ, man mác của những trận nước mưa mới đầu mùa. Tiếng giọt gianh đổ ồ ồ, ào ạt ọc lên trong những rãnh nước sâu. Mảnh sân đất đã ngập mấp mé. Nước chảy đổ bốn bề sân, được một lúc bỗng trong vòm trời tối thâm, vang một hồi âm ừ rền rền. Tiếng sấm, tiếng sấm mưa mới. Ngoài ngõ xóm, nghe có tiếng chân người lép nhép chạy, vác thúng đi bắt cá rô rạch trên các bờ ao.

Trời bớt xám, rạng dần. Đến khi chim chào mào bay ra hót ríu ran, thì lại quang quẻ như lúc nãy. Vòm trời dịu trong vắt, mới mẻ hơn. Mặt trời chói lọi trên chòm lá bưởi ướt lấp lánh. Trận mưa to chỉ còn sót lại ở mảnh sân lênh láng và những giọt gianh vàng khè lích rích nổi nhau từ các mái rơm xám rỏ xuống đất.

Những trận mưa mới cho tôi một cảm giác bỡ ngỡ những ngày đầu đi học.

Việc học của tôi được định từ trong tết Nguyên Đán, có một lá thư của thầy tôi từ Sài Gòn gửi về. Thầy tôi bảo u tôi cho tôi đi học, nhân tiện đương có một ông giáo quen dạy ở trường học làng trên.

Trước hết tôi cho cái việc đi học làm thường nhưng rồi cứ lo dần. Tôi đã biết có mấy người lớn cùng trẻ con trong làng đi học. Cố nhiên, rồi tôi cũng cấp sách và mặc áo dài. Nhưng tôi ngẫm nghĩ, tôi vẫn có điều khác họ vì đầu tôi chưa bờm nuôi để tóc rẽ đường ngôi. Đầu tôi cạo nhẵn xung quanh. Phía đỉnh, xé ra đằng sau, lê thê một chòm tóc hoa roi dài đụng xuống vai. Từ độ biết sắp đi học, tôi mới nảy ra so sánh. Cuối năm ấy, có người thợ bờm đầu xách hòm vào xóm, u tôi gọi vào cạo đầu cho tôi.

Tôi ngồi xoạc chân trên chiếc ghế đầu bắc giữa sân. Lần này, bác thợ không lấy cái bình sắt có quả bóng cao su bơm nước phun phè

phè trên đầu, trước khi đưa lược dao cạo sồn sột. Tôi được đổi một mới. Bác xoa phấn quanh cổ tôi, rồi cái kéo tóc tách, chiếc tông đơ tành tạch, tành tạch cùng hai bàn tay uốn éo. Tôi ngồi yên, nghe sự ngạc nhiên mới lạ trên thóp.

Một chốc, bác giơ một miếng gỗ tròn có răng cưa xát thực mạnh, quanh chòm đầu tôi, nhiều không biết là bao nhiêu lần. Bụi gàu bay trắng lộp. Tôi xệch miệng, nhẹ mặt, đau nghiêng ngả theo đà tay bác xát. Đến lúc bác buông đầu tôi ra, tôi mở mắt, bác lấy cái gương cho tôi soi. Tôi ngơ ngác dần dần mới nhận được mình. Đầu tôi trọc hều, rớm mấy vết máu, mất hẳn cái núm tóc quen thuộc trên đỉnh. Tôi sờ tay ra đằng sau gáy, thấy thiếu một cái gì. Luôn mấy hôm bần khoản vợ vẫn nhớ cái tóc hoa roi.

Qua Tết, chần chừ mãi, ăn hết cả bánh chưng, tôi vẫn chưa đi học. Vì chưa có sách. U tôi bảo còn đợi ông lão "đổi sách, bán sách". Tôi cũng biết lão "sách, sách" ấy rồi.

Lão có chòm râu rườm rà vàng ệch. Lão đội nón mê và cầm quạt mo nang. Tấm áo nâu của lão ngắn ngắn, nhưng rộng thùng thình, có giải bơi chèo buộc hai vạt. Lão quảy đôi bồ lớn sơn đen. Không hiểu ở đâu đến, cứ lâu lâu, lão lại qua xóm tôi. Lão rao: "Ai đổi sách, bán... sách". Nhưng chúng tôi chỉ nghe được hai tiếng "sách, sách" thực to. Có khi, đã đi xa hoặc mới vào đầu xóm, ở ngoài cánh đồng đã nghe tiếng lão văng vẳng:... sách... sách...

Ông lão "sách, sách" quảy đôi bồ bí mật vào nhà tôi, một buổi trưa. Lão đổ xuống, mở cái mẹt nắp ra. Có biết bao nhiêu giống sách. Sách xếp từng lớp cao. Những cuốn sách chữ nho bìa nâu, xung quanh mép đen. Những quyển sách quốc ngữ mới, bìa xanh, bìa vàng, đặt thứ tự, chồng lên nhau. Ông lão cúi xuống bồ, lấy một

quyển sách nhỏ, mỏng, đưa cho u tôi và nói giá sáu xu. Nhưng rồi cò kè, ngã đúng giá, chỉ có năm xu.

Cuốn sách vẽ hai cái cột trụ thực to, giữa có đủ mấy mươi trăm học trò đội mũ cặp sách nghiêm chỉnh đứng thành dãy dài, từ hình to bằng ngón tay đội mũ cho đến hình bé chỉ như chiếc tăm.

Cho đến tháng ba tháng tư thì u tôi đã sắm cho tôi được đủ mọi thứ để đi học. Một quyển sách mở lòng. Một tập giấy lớn đóng bìa đỏ choé. Một lọ mực tím vẽ con giới dang hai cánh với một cái bút có ngòi mới tinh tươm. Và, oai nhất là cái mũ. Mũ bọc vải màu đồng bóng loáng từng múi xung quanh chóp. Vành bên trong, lót một lượt vải xanh biếc. Úp mũ vào mặt, ngửi thơm những mùi mới hăng hắc. Mũ ấy, u tôi mua ngoài Kẻ Chợ.

Thế là, mấy hôm nữa, tôi đi học. Các dì luôn luôn giễu tôi. Dì này bảo học "a b c không có nhà đi ở thuê". Dì kia hỏi tôi rằng đi học, ngày sau đỗ làm thông phán, ngồi trên xe cao su nhà, trông thấy dì rách rưới đi bên đường, bấy giờ có nhận dì hay không? Tôi nhận ngay chứ. Chẳng những vậy, tôi lại làm cho mỗi dì một cái nhà, dì Niêm cũng như dì Bảy, dì Tư.

Riêng tôi làm cho ông bà và u tôi ở một cái nhà tây ba tầng cao chót vót. Tối hôm ấy, tôi nằm khoe những chuyện "ngày sau, bao giờ cháu làm thông phán"... dó dẩn. U tôi bảo:

- Tối nay, Cu đi ngủ sớm, mai đi học.

Đêm đó, trời lại đổ trận mưa rào lớn. Sáng hôm sau đường làng còn đọng những vũng nước đỏ ngầu. Trong cái ao đầu xóm trứng cóc chẳng từng dãy dài trắng cả bãi cỏ ngâm nước và các gốc đám cây chút chút. Cóc mẹ ngẩn đầu lên mặt ao, kêu ộc ộc vang ầm.

Cả nhà xúm lại, như ai cũng chỉ có mỗi một việc sắm sửa cho tôi đi học. Làm cho tôi sợ. Tôi đi đôi giày tây có cổ, dây quấn chẳng chịt

lên tận cằm. Tay tôi cắp hai quyển sách. U tôi vận áo nâu dài tề chỉnh. U cầm lọ mực và cái bút. Ông tôi bà tôi, các dì tôi và cả mấy người thợ cửi, thợ hồ trong nhà và hàng xóm đều đứng lối nhỏ đầu ngõ, như để tiễn tôi đi học, ai cũng cười cười. U tôi dắt tôi. Đôi giày tôi kết kết bước ra.

Nhưng, kể từ lúc dì Niêm xỏ hai tay tôi vào cánh áo chéo go và u tôi đội cho cái mũ lên đầu, tôi nghĩ ngợi càng sợ. U tôi đưa tôi đi đâu bây giờ? Học hừ? Học à? Học thế nào? Phải đi lên trường học xa mãi tận trên chợ. Độ trước u bảo đi học, tôi vâng. U mua mũ, lại càng thích đi học. Bây giờ tôi thấy sợ.

Đội mũ, cắp sách, sợ hơn nữa. Đến đi giày bước ra ngõ thì sợ quá. Song tôi vẫn bước theo cánh tay u dắt. U tôi không hay biết nỗi lo sợ của tôi, vừa đi vừa chào hỏi những người quen hai bên đường cái. Ra khỏi xóm là đầu làng, men theo con đường dốc nhỏ lên chợ. Bên trái lũy tre xóm Ngoài. Tay trái con sông Tô Lịch như cái rãnh bùn, trên bờ mấy bụi tre cần thưa thớt. Kề sát mặt sông, túp lều gianh nhà lò rèn ở cầu Dừa. Lão phó già kéo bể phì phò và tiếng đập sắt kỳ cạch. Tới đầu chợ, sắp đến trường học. Trường học ở trong tam quan cửa đình. Tôi rụt bước, đi chậm lại. U hỏi:

- Sao thế?

Tôi mếu máo:

- Không đi học...Không đi học... hi hi...

U tôi nắm tay tôi, lôi tuột vào trong sân. Nhưng tôi càng hãi, lại cong người lại. Sách rơi lả tả xuống đất. Những người xung quanh đẩy túm lại. U tôi nhặt hai quyển sách, dùng dùng kéo tôi trở về. Kéo về thì tôi chạy theo. Về đến đầu chợ u tôi đứng lại. U tôi dẫn một ngón tay vào trán tôi, nói rít hàm răng:

- Mà không đi học thì tao đuổi lên đường Thành cho đi ăn mày?

Tôi khóc rưng rức.

- Được, cứ đứng đấy mà khóc. Khóc xong, lên đường Thành tìm thằng Bòi Cẩu tao cho đi ăn mày từ ngày hôm nay.

U tôi xuống dốc chợ, đi về. Tôi lịch kịch giầy tây, chạy theo, vừa chạy vừa kêu:

- Cháu chừa rồi.

- Thế bằng lòng đi học chứ?

Vâng ạ... hi... hi...

Nhưng quay lên, sắp đến cửa trường, tôi lại co lại. Lại khóc rầm lên.

- Thôi thôi, *cá không ăn muối cá ươn*, bước ngay lên đường Thành kia với thằng Bòi Cẩu.

Tôi khóc sụt sùi chạy theo. Hai u con cứ đuổi nhau lên xuống như thế. Đến đầu làng, tôi trông thấy bà tôi ở bờ ao chạy ra. Dáng hẩn có ai đi chợ về qua ngõ, mau miệng, đã mách với bà tôi. Thấy bà, tôi bỗng khóc to hơn.

- Đấy, bà lại "binh" nó.

Rồi u tôi bỏ về, mặc tôi thút thít với bà. Nhưng không phải u tôi đi hẩn về nhà. U tôi ra đứng sau gốc đa, ngó lại. Bà tôi nói:

-- Bây giờ đi, *nhớ?* Bà đưa lên trường học, *nhớ*.

Tôi mếu máo thở không ra tiếng.

Tôi im, xiêu xiêu vì những lời dịu dàng của bà. Bà cầm bút mực, dắt tôi quay lên đầu chợ. Tôi lại lễ mễ, cấp sách đi.

Chốc chốc, tự dưng mũi lòng, thút thít khóc to mấy tiếng. Bà tôi nhẹ nhàng dỗ. Đã vào quá tam quan đình, bà tôi đứng lại lấy giải yếm chùi mắt cho tôi.

- Nín đi không có vào trường thì thầy giáo cười cho.

Tôi cố nuốt mãi mới tạm nguôi cơn ghen. Bà tôi đưa tôi vào trường. Sau cùng ở giữa là đình làng hai con rồng đá chầu hai bên.

Dọc theo con ròng đá xuôi ra ngoài - ngăn một nền sân gạch rộng - đối mặt nhau thông luôn hai hành lang. Một hành lang để cỗ đòn đám ma sơn then và một chiếc võng vong gỗ mộc, những đồ tổng chung của hàng thôn. Bên kia là trường học.

Vừa đến sân, đã trông thấy lối nhỏ học trò áo dài đen trắng ngồi bàn trên, dưới thứ tự, dọc theo hành lang trường học, không có cửa, cũng không có bờ rào. Như cái quán cúng quan ôn.

Bà tôi vừa nhắc tôi lên thềm trường thì, trên các hàng ghế, học trò khoanh tay một loạt, lồm nhồm đứng dậy. Thầy giáo Đức đi ra. Thầy giáo mặc áo the dài, chít khăn lượt đen.

Không bao giờ tôi có thể nhớ được thầy giáo Đức rõ ràng hơn hình ảnh ấy. Từ đấy, mỗi khi ở làng ngoại tôi, trong dịp đình đám hể đèm hát chèo mà phường diễn trò Kiều, cứ vai Kim Trọng ra là tôi nhớ đến thầy giáo Đức. Chàng Kim Trọng phong tình, mặt dôi phấn, áo the khăn lượt, tay xoè quạt đủng đỉnh tẩm tẩm dạo quanh chiếu sà n rap.

Bà tôi nói gì với thầy giáo Đức, không biết. Chỉ mang máng cái mỉm cười của thầy giáo Đức và tiếng ồn ào cả lớp học đầy hai con mắt thao láo. Bà tôi dẫn tôi lên đầu bàn nhất rồi bảo tôi:

- Cháu ngồi xuống đây.

Tôi phụng phịu trong nếp áo bà:

- Bà có ngồi thì cháu mới ngồi.

Và tôi đứng yên. Bà tôi phải ngồi xuống cùng ghế, tôi mới dám nép một bên. Trống tan học, bà tôi dắt tôi về. Buổi học chiều, cũng lại cảnh hai bà cháu ngồi cạnh nhau. Hôm sau lại những hôm sau nữa, sau nữa. Mỗi sáng, tôi tề chỉnh sách mũ và lọ mực, bà tôi lại đưa tôi lên trường và ngồi cùng một bên. Cái lệ ấy kéo dài đến nửa tháng.

Tuy vậy, tôi vẫn chưa quen anh bạn nào. Tôi nhai hai mươi bốn chữ cái trong miệng đủ cho tai tôi nghe. Bốn mép sách cong dần như những chiếc lá đa khô. Tôi ngồi, mắt gườm mặt bàn, thỉnh thoảng mới dám lé nhìn lên tường có tờ giấy dài kẻ dòng chữ: "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân" mà đến bây giờ tôi cũng chẳng hiểu nghĩa là gì. Ngoài sân, cây cối um tùm. Ngay chỗ tôi ngồi, qua ngoài mấy bước, mấy cây nhãn lớn. Một cây ngã dài đầy nghiêng cả một quãng tường gạch vồ. Đằng cuối, một cây nhót tây lá to như lá bàng đứng cạnh một cây ngâu hoa li ti vàng lợt lợt. Những anh học trò lớn cứ truyền cành ngâu sang cây nhót nhanh thoăn thoắt. Quá trước cửa bên kia, thon von một hàng cau và mấy cây đại cổ thụ, không lưng, đàn dê ngoài chợ vào trèo lên đứng ngẩn ngơ. Vào những ngày mùa, hoa đại rải rác rụng trắng sân. Nhưng không bao giờ chúng tôi dám nhặt. Vì hoa đại ấy của bà Tú Hin. Bên cây đại già dựa cuối hành lang có một tấm bia đá to, đấy là bia bà Tú Hin. Bà Tú Hin là một con ma to lắm rất hay trêu trẻ con. Không đứa nào dám lảng vảng lại gần bia bà Tú Hin. Góc sân phía ấy, rau sam và cỏ gấu mọc xanh um. Những chiếc hoa đại thơm phức cánh xoè trắng nõn, vàng phớt, mỗi buổi sáng lại rơi đầy trên cỏ. Những lúc học trò vào lớp, sân hết người đứng, từng đàn chim sẻ trên hai mái nhà, trong hóc đình lại ríu rít xuống nhảy nhô nhóp đuổi nhau chí choé.

Tôi ngồi đã thuộc những hóc mái nào nhiều chim sẻ hay đứng cãi nhau. Tôi đếm trong sân có mấy cây cau, cây nhãn cây đại. Tuy thế, tôi vẫn chẳng dám quen ai. Một buổi kia ngồi trong lớp, tôi chợt nghe mình buồn buồn đi đái. Ồi, đích thực. Thôi chết! Có những đứa lên khoanh tay, thò đầu bên bàn thầy, thưa xin thầy cho con đi giải. Thầy cho đi ngay. Nó chạy tít cuối sân, phía mấy nhà đầu xóm, đứng dạng xuệch hai cẳng. Tôi chỉ việc lên thưa thầy một câu, cũng sẽ được hả

hê như vậy. Nhưng tôi không dám. Tôi ngồi yên, đôi chốc nheo mắt nhìn trộm thầy giáo. Và tôi đành chờ đợi nhẫn nại chịu khổ như thế cho tới lúc trống tòm tòm tan học.

Tôi loi thôi cấp sách về. Thường lệ, đi học về, tôi để sách xuống phản, rồi đứng dang thẳng hai tay. Biết hiệu, dì Niêm chạy lại cởi khuy áo cho tôi. Nhưng hôm ấy, đặt sách trên phản rồi tôi xuống bếp. Dì ngồi quay tơ trong nhà gọi:

- Cu lên dì cởi áo cho nào.

Không thấy Cu lên. Dì xuống bếp thấy Cu đứng bàn thần ngó ông đầu rau. Dì nhắc vạt áo sau của Cu thấy ướt sũng. Dì hỏi:

- Sao áo Cu ướt thế này?

Cu ta oà khóc.

- Thằng Cu đái ra quần rồi, cả nhà ơi?

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 6

Dù sao, tôi cũng đã trở nên một chú học trò hần hoi. Tôi vụt biết chữ lúc nào, tôi không biết. Những ngày chủ nhật, tôi đem sách nằm bò ra phản hè, viết lằng nhằng trên bốn mặt bìa, và suốt ngày tôi nói bì xì rặt tiếng tây với cái Hồ. Không kém, nó cũng bì xì tiếng Tây đối lại! Các dì tôi thỉnh thoảng hỏi xem tôi học được bao nhiêu chữ: Một mẹt chữ? Tôi vâng. Rồi tôi cứ nhân dần mẹt chữ đó lên. Lâu lâu, tôi lại khoe với cả nhà tôi đã học được những ba mẹt, bốn mẹt chữ. Bao giờ tôi học được đầy thúng chữ thì tôi thành thầy giáo. Những ngày nắng, mọi người giục tôi đem chữ ra phơi kéo chữ mốc mát. Tuy không biết phơi chữ ra sao nhưng tôi ưa được nghe nói đùa kiểu ấy. Tôi cũng thích nghe các dì tôi nói chuyện về thầy giáo dạy tôi. Làm sao mà các dì tôi biết được thầy giáo tôi là người ăn chơi. Cũng lại vẫn trong câu chuyện buổi tối bên ánh đèn quay tơ của mấy dì, tôi biết hai con mắt thầy giáo tôi rất lẳng. Thầy giáo Đức hay cười...

Thầy giáo tôi có nhiều cô nhân ngãi. Thầy giáo tôi thế này... thầy giáo tôi thế này... Các dì giễu cười thầy giáo tôi. Nhiều lúc bệnh thầy, tức quá tôi khóc.

Một buổi sáng, vừa ra chơi vào. Bên ngoài tam quan tiếng ngày phiên chợ Bưởi ồn ào vang động. Trong con đường xé một mé sâu vào cái xóm nách đình, người qua lại tấp nập. Một gánh chuối lếch nhếch. Thằng bé ôm chó đi bán. Gà, vịt kêu quang quác. Bỗng thầy Đức xuống cuối lớp, dặn nhỏ anh học trò lớn, rồi thầy đi ra cửa đình. Ngoài sân lấp ló bên cạnh cột trụ, một người đàn bà áo đen, quần

lĩnh, quàng khăn tua đen. Thầy giáo tôi cùng người đàn bà ấy đi khuất ra ngoài đường chợ. Học trò đợi mãi không thấy thầy về. Lớp ồn dần sôi dần. Sốt ruột, một anh ra đánh trống tan học. Có lần người đàn bà ấy lại đến. Thầy giáo tôi lại bỏ lớp, đi theo. Lại được tan học sớm.

Tôi học được ngót một năm thì thầy giáo Đức bỏ đi biệt không trở về nữa. Tôi không biết vì có gì mà thầy Đức bỏ trường. Chỉ nghe phong thanh thầy giáo Đức đi theo một người đàn bà. Có phải cô nhân ngãi quàng khăn tua đen kia chăng? Lại nghe nói, rồi thầy chết ngã nước ngoài Cẩm Phả.

Thỉnh thoảng có thư thầy tôi ở Sài Gòn gửi về. Bác phu trạm tận phủ Hoài vào nhà tôi đưa thư. Bác còn trẻ, hay cười răng trắng tênh. Bác đi bộ suốt ngày hai bàn chân mốc trắng hai vai áo dài thâm bạc rách bươm. Lưng đeo cái túi vải xám có quai vòng lên vai. Mỗi lần vào đưa thư rồi chính bác lại ngồi xuống đầu phản hè bóc phong bì, lấy thư đọc cho cả nhà tôi cùng nghe.

Bác đọc liền lấu, độn nhiều chữ i, a, nhi a trong câu. Tôi đứng trông vào tờ giấy, chữ viết nhằng nhịt, chưa hiểu. Tôi mới thuộc các mặt chữ trong quyển sách mở lòng của tôi.

Đọc thư xong, bác trạm uống bát nước vối, hút thuốc Lào sông sọc. Bác ngồi nói pha trò cười một lúc, đến khi u tôi đưa bác đồng hào bạc trắng, bác mới đeo túi đứng lên, hai mắt chớp chớp đến hay, nhưng bác chưa đj. Bác trạm tráng bắc cái ghế đầu ra sân, hái mấy chiếc hoa ngọc lan giắt vào vành khăn và gài vào khuya cái nón dứa đã rách lợp tướp. Bác kính cẩn chào cả nhà. Bóng bác đã ra ngõ, bên rổ tơ, dì Niêm và dì Bẩy còn cười rinh rích.

- Người đen như củ súng thế mà lại định chim con gái làng này!

Lần nào có thư, thầy tôi cũng giục u tôi mang chúng tôi đi chụp ảnh gửi vào Sài Gòn.

Nần ná mãi, đến tháng Giêng năm ấy, u tôi mang tôi và cái Hồ ra Kẻ Chợ chụp ảnh. Bấy giờ tháng giêng, phong vị tết nhất còn phảng phất trong thôn xóm, quần áo tốt chưa dứt vò hay cất vào hòm.

U tôi mặc the thâm đốm hoa lót nền xanh cánh chả. Vành khăn sa tanh láng hoa dâu vắt vẻo rủ tóc lông đuôi gà. Cái yếm cổ xây cát bá trắng bong với cái thắt lưng nhiều thắt ra ngoài, lộ một mẩu lưng bao xanh buông chùng bộ sà tích bạc reo lách tích. Hôm nay u tôi mặc váy lĩnh xùm xoè, dưới chân lấp ló đôi dép cong. U tôi ẵm cái Hồ. Tôi súng sính bước bên làn sóng váy u.

Từ làng tôi, qua một chặng đường thì lên đến bến xe điện. Trẻ con chúng tôi chỉ mơ được đi xe điện. Trong các làng xóm, trẻ con ru em hát những câu tả cảnh và tán tụng tàu điện rằng:

Ông Tây ngồi nghĩ cũng sành

Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường

La ga ở giữa Thuy Chương

Dây đồng cột sắt tìm đường kéo ngang

Bồi bếp cho chí bồi bàn

Chạy tiền ký cược đi làm thợ vơ

Xưa nay có thể bao giờ.

Có chiếc tàu điện đứng chờ ngã ba.

Liên ông cho chí liên bà

Ai mà sang trọng thì là nhảy lên.

Ba xu cũng đáng đồng tiền

Một thôi về Bưởi bằng tiên non Bồng.

Năm xu ngồi ghé đệm bông.

Hỏi mình có sướng hay không, hỏi mình?

Trẻ con thuở ấy thèm đi tàu điện lạ lùng. Đứa nào được đi một chuyến tàu điện về, kể mấy ngày không cạn chuyện.

Tôi đứng đợi xe điện bên cạnh đường cái, dắt tay em Hồ. U tôi nhai tràu tóp tép, chốc chốc lại quét tràu bôi lên gốc cây.

Chẳng bao lâu, xe điện đã tới. Từ đằng xa, nghe những tiếng quẹt quẹt trên lằn dây điện. Bánh tàu nghiêng ken két, lượn nghiêng vào bên, rít u u vẳng lên. Đôi khi, tàu điện lại kéo thêm chiếc toa đằng sau. Cái tàu cái toa cùng sơn màu vàng thẫm, nối đuôi nhau chạy như thể bò con đuổi bò mẹ đòi bú.

Một lát sau, tàu lại chạy trở vào thành phố. Người *vát man* mặc áo tây vàng đứng đầu tàu vận máy. Trước mặt ông có một cái thùng to như cái bể rền. Hai tay ông cầm hai cái khoá đồng, vặn đỉ vặn lại trên mặt bể. Tàu từ từ đi, khoá đồng mở số 2, số 3 rồi mở 7, chạy nhanh nhất. Vùng tôi có tiếng "chạy mở bảy" là vì thế.

Cái tàu chạy vui quá. Bánh lăn, chuyển rập rình, rập rình. Tiếng gù dài dặc liên miên như tiếng mưa rào. Chuông kéo reeng reeng. Đàng cuối, còi đáp lại huýt huýt. Gió lùa vào trong cửa phản phật. Ôi chao, tàu đã lượn đến bờ hồ Tây. Gió mát thổi nhẹ người, bay mát cơn buồn ngủ. Ngoài xa, mênh mang một rừng cây lá rút xanh ngòm. Bên trên, giải dài một lưỡi nước trắng tinh. Trong khung cửa tàu, hiện lên nền trời xanh lơ lửng, ngọn núi Tam Đảo màu lam già, như vừa mới nhô ra. Kề bên mặt nước, lô xô những mái đỏ và mảnh tường sang sáng. Hà Nội ở phía đó.

Lác đác đã hiện ra vài con đường phẳng rẽ ngang, rẽ dọc chập vào nhau. Xe cao su ngắn ngơ cu-li kéo. Rồi những toà nhà hai tầng sát cánh đứng liền dãy. Người đi ùn ùn, xô nhau bước. Cái tường chợ Đồng Xuân lổ chỗ như mặt tổ ong bò vẽ.

Xuống tàu, người lên xuống đông quá, tôi không chen được, đứng bẹp một chỗ, hai tay ôm mũ. Người đầu mà kéo ra lắm thế. Còn gì uôm uôm như ểnh ương ngày mưa. Nổi vui sướng được ra Kẻ Chợ vợ vẫn với nỗi lo vẫn được nghe nói hàng ngày về những cái tai quái ở nơi đô hội. Kẻ cắp, nặc nô, ô tô, đội xếp, hàng rong, bài tây. Trẻ con Hà Nội trèo me trèo sấu nhanh như chuột. Đủ các thứ sợ. Tôi đi nép bên u, mắt liếc nghếch ngơ ngác. Hồ Gươm xanh rờn như nước lợ, nước rau muống trong chậu. Phố Hàng Đào có đôi giày và cái mũ khổng lồ treo lơ lửng. Cái gương soi vào thì lùn người. Cái ô to tướng, móc lủng lẳng. Con trâu vàng. Cờ xanh cờ đỏ phấp phới. Những tấm bảng cửa màu vàng lớn, nhỏ, nhấp nhô rối mắt. Rừng người nghìn nghịt, xôn xao...

Người thợ ảnh bảo u tôi ngồi ra cái ghế giữa nhà. Chúng tôi mỗi đứa một bên cạnh. Bống bác chụp ảnh đẩy cái máy to cao lù lù như con trâu, lặn từ đằng góc phòng lại tới trước mặt chúng tôi. Cái Hồ khóc thét. Tôi, bình tĩnh hơn nó, lơ láo ngó con quái vật. Nó không phải là con trâu. Nó tựa một cái thùng gì bí mật, trùm miếng vải đen rủ lê thê xuống hai cẳng chân gỗ có bánh xe. Phía trước lòi ra cái mõm nhăn nhở đen xỉn. Đầu mõm, lóng lánh một miếng kính tròn nhìn chúng tôi.

Bác thợ ảnh chui đầu vào trong bụng máy. Mảnh vải đen bụng nhụng trên đầu bác. Bộ như bác sắp làm trò quỷ thuật.

Bác thợ ảnh nhấp nhô nắp trong bụng máy, thò một bàn tay cầm cái chuông đồng. Bác lắc. Bác nói:

- Ê ê Trông vào đây... *Loong... coong...* Trông vào đây... *Loong... coong...* Cười đi, cười đi...

Tôi ngoái đầu lại xem. Bác thợ ảnh tung vuông vải đen chui ra, bác cười toe toét:

- Xong rồi. Góm, phải làm mẹo chuông loong coong mới chụp được nổi cậu này.

Ở hiệu ảnh phố Hàng Bò ra, u tôi đem chúng tôi ra Bờ Hồ.

Phố đông, cái Hồ không đi bộ được. U tôi ẵm Hồ đi trước.

Tôi nhếch nhái theo sau. Đôi chốc, tôi lại ngó sang hai bên bờ hè ngắm cái tủ gương loang loáng cùng người, xe chuyển vùn vụt. Mắt mãi ghéch, đôi lúc trông lên, thấy u tôi đã bỏ xa một quãng, có đến mấy lần như vậy.

Tới đầu một phố nhón nháo đông người. Chỗ cái máy nước thùng sắt tây va xoang xoảng, người tranh lấy nước như sắp đánh nhau. Bỗng một gã áo trắng, quần thâm, đầu đội mũ nồi đen xông xáo từ đám đông, trong nháy mắt bước theo u tôi. Trước còn cách một bước, sau sát đến tận nơi. Hai tay gã giơ lên vai u tôi, nắm cái dây khoá bạc trong cổ cái Hồ, gỡ ngay xuống nhanh như lấy cái dây khoá để sẵn trên vai u tôi.

Rõ ràng tôi trông thấy gã bỏ cái dây bạc vào túi áo. Gã quay ngoắt lại, mặt trông nhâng nhâng, thản nhiên trở về chỗ máy nước. Tôi rảo bước chạy theo u. Rồi tôi đi như thường.

Một lúc sau, u tôi nhìn không thấy cái dây chìa khoá bạc ở cổ cái Hồ. Mặt u tôi xám lại, ngơ ngác nhìn tôi. Tôi bần thần bảo u:

- Lúc nãy trông thấy thằng đằng kia lấy cái khoá.

U tôi rối rít, loanh quanh. Hồ ngơ ngẩn, nước mắt vòng dưới mi. U tôi cuốc tôi một cái vào đầu, nói xít trong răng:

- Trông thấy thằng kẻ cắp sao không bảo?

Tôi hu hu hu hu.

- Cầm cái mồm, không tao giết bây giờ

- Vâng... Hức?

U tôi hỏi:

- Thấy thằng kẻ cắp lúc nào?

- Thấy ở chỗ đằng kia.

U tôi quay lại chỗ máy nước đầu phố.

Xung quanh máy, ràn rạt người. Người ấn vòi. Người đặt thùng. Người quẩy. Đâu thằng kẻ cắp? Tôi không biết. U tôi đành ẵm Hồ đi. Tôi cúi mặt như đứa chịu tội. U tôi làu bàu lảm bảm nói, tôi không nghe rõ. Chỉ thoáng văng... về bà bảo cho... Con nhà lơ ngơ như gà toi... bà để tội cho mày về nhà...

U tôi rẽ xuống một phố sâu, đường lảm và rác rưởi, rồi vào một cửa hàng bán đồ vàng bạc. Chỉ một chốc, u tôi ẵm Hồ ra. Cổ áo nó, sáng trắng cái dây chìa khoá bạc, như cái dây mắt lúc nãy. Tôi đứng thập thò ngoài cửa hiệu. U tôi dặn dò:

- Về nhà không được nói với ai là mất dây chìa khoá. Ai mà biết, tao đánh mày chết.

Tôi chẳng bao giờ dám nói cái chuyện mất cắp và chuyện mua vòng mới ấy với ai.

Trong kỷ niệm tôi mang bao nhiêu chuyện ra Kẻ Chợ.

Những lần dì Niêm đem đi xem hội Tây, xem rước Săng Ty xem tuồng Quảng Lạc. Nhưng nhớ hơn cả là nhớ lần đi chụp ảnh lảm cái rắc rối đó. Hôm lấy ảnh về, cả nhà xúm vào xem cùng trầm trồ khen là hết. Ai cũng cười cái mặt ơ ơ của tôi.

Riêng tôi, tôi nghĩ luẩn quẩn lấy làm lạ làm sao tôi lại đứng trong ấy, rõ ràng là hình tôi.

Đầu tháng tư, Hồ và tôi, hai anh em cùng lên sởi. Tôi sốt trước, phải nghỉ học. Người tôi mẩn đỏ, lẩn mẩn, người như rôm. Được mấy hôm, sởi lặn. Mặt tôi khô se, róc từng đám gãi ra những vảy trắng lả tả. Giữa lúc ấy, bệnh sởi của Hồ bắt đầu.

Tôi không nhớ rành rõ được những ngày đau yếu của Hồ thế nào. Cả nhà ai cũng yêu Hồ hơn yêu tôi. U tôi hay ẵm nó. Nó nói leo lẻo. Mà ông tôi thì mắng tôi chẳng hề bao giờ mắng nó. Tôi biết Hồ ốm nằm trong giường u tôi. Nó vẫn nằm ngủ giường u trong buồng. Nó lên sởi nhưng không ai dám nhắc đến hai chữ “lên sởi”. Tôi cũng không biết nó lên sởi.

Một buổi sáng, mặt trời đã lên ngọn dừa, tôi chạy gọi dì mặc áo cho tôi đi học. Bà tôi khế bảo:

- Hôm nay Cu nghỉ học.

Có một cái gì khác lắm. Tôi đem sách ra ngoài đầu hè định đọc. Ông tôi chỉ tay, cấm. Mọi người chạy ra, chạy vào cửa buồng. Tôi cũng lén vào. Nhưng dì Niêm giữ tôi lại. Tuy vậy, tôi cũng ghé được mặt nhìn vào, thấy cái Hồ nằm trên giường. Mắt nó nhắm, như ngủ. Mặt nó trắng xanh xanh hơn ngày thường. U tôi ngồi cuối giường.

Vào quãng mười giờ sáng, cả nhà tôi khóc ầm lên, xúm lại cửa buồng. Bà tôi mếu máo chạy xuống bếp, lại chạy lên.

Ông tôi ẵm Hồ ra nhà ngoài. Ông tôi đặt Hồ xuống đất, ngay gian giữa. Mắt nó vẫn nhắm. Mặt nó xanh như ban nãy. Tôi không hiểu là nó đã chết. Ông tôi vuốt mắt nó, bảo:

- Hồng rồi.

Dì Bảy lật đặt cống tôi ra ngõ. Tôi cũng khóc. Dì Bảy cống tôi vào trong xóm Trong, không cho tôi ở nhà, giữa lúc nhiều người trong xóm chạy đến.

Đến trưa tôi được về. Đến bờ giếng thấy hai người khiêng cái săng gỗ trắng bạch tròng hai dẻ mảnh thừng ra đằng cổng đồng. Trên nắp áo quan, có bát cơm thấp hương. Dì tôi cống tôi, cung cúc chạy. Vừa chạy, vừa khóc rưng rức. Tôi ngơ ngẩn sợ nép xuống lưng dì.

Tôi cứ ngờ ngợ không bao giờ tin buổi sáng hôm ấy, cái Hồ chết. Chết là thế à? Tôi cứ tưởng hình như rồi một buổi chiều nào, Hồ lại lủi thủi trở về. Nó rón rén đi vào đầu ngõ cái mặt xanh xanh hời cúi, như mọi ngày.

Nằm trong buồng, u tôi quay mặt vào tường, khóc buổi sáng và buổi tối. Được mười ngày, ông tôi kê giường cho u tôi xuống nằm nhà dưới. Gian cũ ấy khiêng vào một cái án thư để làm bàn thờ. Buổi chiều nào cũng thắp hương. Dì Bảy sang bên vùng *Bắc gọi hồn* cái Hồ mấy lần. Thỉnh thoảng u tôi nói rằng: "Độ đầu năm, mở quẻ Kiều có hai câu: *Thiếp như hoa đã lìa cành, Chàng như con bướm liệng vành mà chơi*. Nghiệm quá... ời con ời a...". Lại khóc.

Ở trong Sài Gòn thầy tôi gửi thư về, lá nào cũng hỏi con Hồ có ngoan không? Hồ đã biết "xăm" giấy đỡ u chưa?

U tôi nhờ người viết cho thầy tôi biết ở nhà trẻ con vẫn ăn chơi như thường. Mỗi lần gửi thư đi, u tôi lại khóc.

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 7

Mấy năm sau, thầy tôi trở về.

Tôi đã vọc vạch, đọc thông được quốc ngữ. Biết làm tính cộng, cũng thử được tính trừ, thầy giáo Đức đi rồi, trường bỏ không. Tôi cất sách bút vào gậm giường thờ, ở nhà. Tôi *làm giấy* đỡ u. Chiều chiều, đem cái cút con đi mua rượu cho ông ngoại. Trong nhà quê, ông nội tôi cũng mất rồi.

U tôi đem tôi về quê nội mấy hôm. Buổi trưa nghe ngoài cửa ngang vắng tiếng chó sủa. Tôi trông ra ngõ, thấy đi vào một người mặc áo dài đen bóng nhoáng, xương xương, da ngăm đen, mắt đeo kính rộp, một tay cắp một gói lớn bọc giấy nhật trình. Đứng trong cửa buồng, bác cả Gái tôi reo to:

- O', chú Hai?

Trong nhà, bác Cả giai chạy ra:

- Kìa, chú. Chú về. Cháu kìa...

Tôi đứng ngẩn. Bác Cả tôi vốn tính nói nhanh, hấp tấp tiếng nọ cười lên tiếng kia.

- Bố cháu đấy. Bố cháu ở trong Sà Goòng về đấy. Chú về bao giờ? Chú về thẳng nhà hay chú đã tạt lên Bưởi?

À, thầy tôi ở Sài Gòn về. Năm thầy tôi đi, tôi mới lên sáu tôi không nhận lại được. Thầy tôi nói với bác Cả:

- Con vện nhà ta khôn quá. Lâu ngày thế mà nó thấy tôi chỉ cần một tiếng rồi ve vẩy đuôi, lẳng vào gốc cam.

Thầy tôi đặt cái bọc nhật trình xuống ghế. Thầy tôi hỏi bà tôi đâu? Rồi thầy tôi bỏ mũ lên trước bàn thờ ông tôi, thì thụp lể. Ở trong buồng bà tôi che vạt áo lên mặt, khóc lu loa...

Hờ anh ơi, anh bỏ nhà cửa anh đi đằng nào, bây giờ con anh về đây cháu anh về đây, anh ở đâu anh không về... hờ ơ ơ...

Nhưng chỉ khóc hai ba câu, rồi bà lập cập đi lần ra ngoài.

Nước mắt tuôn ròng xuống mảnh yếm nâu. Bà nội tôi mắt kém. Về mùa rét, rận bò ra cả áo không biết. Trên khuôn mặt nhăn nheo xộc xệch, lèm nhèm hai con mắt lơ lơ cùi nhăn.

Xung quanh vành mắt lầy nhầy, lông mi đã rụng hết. Lông mày thì bạc phơ. Chẳng mấy lúc nhà đã đầy người. U tôi ở dưới bếp lên. U tôi nhòm cửa bếp, biết thầy tôi ở Sà goòng về nhưng nấn ná lên sau thím Ba. Chị Cóc con bác Cả chạy đi gọi chú Ba. Chú Ba ở ngoài đồng. Anh Đọt, cũng con bác Cả đằng sau vườn nhào vào. Bà Ba tôi, đến lúc chiều vàng vàng mặt trời, mới ở chợ về, quảy cả một gánh cau khô, thuốc Lào lù lù vào sân. Bà về chợ, thấy người ta nói "Bác Quý nhà ông phó Giáo trên xóm Đồng ở Sài Goòng về". Bà tất tưởi chạy vào chưa kịp về nhà.

Mọi người xông xao mừng rỡ, tôi lùi ra đằng đầu nhà. Tôi cúi đầu, ngắt những cánh hoa cải vàng. Một ý gì buồn bã đến tôi. Tôi thường có những nỗi buồn vẩn vơ rất đột nhiên. Xỏ tay mặc một tấm áo mới hay một cái quần chúc bâu còn xột xạt hồ tôi cũng tàn ngần buồn một lúc thật lâu mới quen.

Thầy tôi ở Sà Goòng về. Thầy tôi đi lâu ngày như thế. Thầy tôi đi từ khi còn cái Hồ mà u tôi thường nói rằng đêm hôm ấy thầy tôi nhổ hai bãi nước bọt vào lòng bàn tay chúng tôi.

- Mày ra đây làm gì?

Tôi ngẩng mặt lên giữa những tiếng cười khúc khích của Đột. Đột đứng cạnh từ lúc nào. Bỗng Đột kêu:

- O, thằng này khóc. Thím Hai ơi, nó khóc...

Tôi cũng không biết tôi đã khóc. Tôi đưa tay lên mắt.

Nước mắt đã đọng sẵn, chảy tràn ngay xuống má. Tôi bỗng oà khóc. Tôi khóc thực to, thảm thiết như là bị ai đánh đòn. Tôi cứ úp mặt vào áo u, gào ngằn ngặt, lẫn trong tiếng cười nói um xùm của các bà con đến chơi. Bác Cả pha một câu: "Cháu khóc sẵn, kéo sợ thầy đánh đấy. Cháu ở nhà hư lắm, chú Hai ạ?".

Hôm ấy được một bữa khóc vui, u không mắng. Đến chiều, tôi đã quen với thầy tôi. Tối hôm ấy, tôi nằm ngủ ở phản giữa. Tôi nằm bên, thoáng ngửi một mùi thơm lạ mà tôi biết là mùi xà phòng thơm. Ban chiều thầy tôi mở gói giấy nhật trình. Gói đựng nhiều thứ. Một bọc kẹo to, chia đều cả nhà. Có một hộp sữa bò tròn, một cục *súc-cù-là* hăng hắc đen như bùn gói quanh miếng giấy trang kim bạc. Sữa và *súc-cù-là* ấy, phần quà cho tôi. Thầy tôi bảo có hòm đồ đạc còn gửi ngoài phố. Thầy tôi có trong bọc một bánh xà phòng màu vàng lợt. Xà phòng sát vào tay, hai bàn tay thơm lừng. Tôi lại rửa hai chân bằng nước xà phòng. Đêm đi ngủ hãy còn thơm chân. Mùi xà phòng, mùi băng phiến. Những mùi thơm mới mẻ, tôi nằm chập chờn tưởng đến cái phương xa mà thầy tôi vừa ở đấy về.

Trong những ngày ở quê, nhiều lần thầy tôi kể những chuyện dọn đường cho tôi và Đột nghe. Đột là vai trên nhưng nó cũng bằng tuổi tôi.

Ôi, kỳ lạ biết bao con đường vào phương nam. Sau này nhiều lần, tôi đã qua con đường vào miền Nam xưa thầy tôi đã đi, nhưng tôi không thấy nó giống mấy may trong tưởng tượng có con đường dài hun hút, qua những núi rừng âm u nhiều ma gấp trăm đường Phan

Rang, Phan Rí của ông ngoại tôi Có chỗ tàu hoả. Có chỗ xe ô tô chạy, lại cũng có chỗ phải ra bể đập tàu thuỷ. Bể rộng liền với trời và không có đáy. Giữa bể có một cái rốn nước xoáy vào đáy. Thuyền nào vô phúc chèo đến gần rốn bể bị xoáy cuốn mất tích. Đến cái tàu thuỷ to bằng cả làng tôi, rốn bể cũng hút mất như thường.

Ngoài bể có giống cá ông voi to bằng cái đình làng ta. Ném chum dừa xuống nó nuốt chửng. Ném cái cối đá xuống nó cũng nuốt. Một lần kia, con cá ông voi nuốt cả một cái thuyền và một nhà thuyền chài. Anh chài ở trong bụng cá cứ lấy dao lóc thịt cá ông voi mà chén. Như vậy, sống được một tháng. Cứ đến bữa anh chài xẻo thịt, cá ông voi đau quá, chạy cuồn cuộn khắp bốn bể. Rồi kiệt sức, lên nằm chết trên bãi cát. Anh thuyền chài can đảm kia rạch bụng cá chui ra, lại còn kéo được cả thuyền của mình ra nữa.

Hàng tháng vượt bấy nhiêu rừng và bể cá thì sang đến Sà Goòng. Ôi chao, Sà Goòng xa lạ biết bao.

Mấy hôm sau, trở ra ngoài Nghĩa Đô, thầy tôi đem tôi đi thăm mả cái Hồ. Mả nó ở trong đồng sau làng, trên một giải gò cỏ, gọi là gò Mũ Đồng Cân. Ông tôi đặt những mảnh sành hòn sỏi lẫn vào trong cỏ, mưa không làm trôi được đất xuống. Mỗi gói ông chặn một hòn gạch vồ xám để đánh dấu đầu mả.

Trên chòm mả ông tôi trồng mấy cụm cây ké. Hai bên rải rác mấy cái mả nữa, toàn mả trẻ con. Mả của Hồ to nhất. Hồ thiêng lắm. Đã mấy lần, nó hoá làm con đom đóm xanh lè to bằng cái vỏ trứng lơ lửng vào trong nhà, bay xuống đỉnh màn u tôi. U tôi khấn là u đã biết con hiện về chơi rồi. Bấy giờ nó mới bay ra Vừa khỏi lũy tre cuối làng đã trông thấy mả em tôi. Năm mả lù lù giữa gò cỏ nhấp nhô. Phơ phất mấy cây ké, nom như một cái chòm đầu trẻ con có núp tóc hoa roi trái đào trên đỉnh. Qua một lớp ruộng cao khô nước, xơ xác mấy

nhánh hoa cỏ may cuối mùa. Một cụm ké cần cỗi, thấp sát mặt cỏ, nở những cánh hoa ké vàng: Thày tôi đặt lên chốc mộ bốn tám mía, một gói nắm bỏng trắng với mấy cái hoa hồng. Rồi thày tôi đánh diêm châm một nắm hương tẩm cắm lên mộ, đằng phía có chôn hòn gạch xám. Hòn gạch chỉ đầu em tôi nằm quay về hướng ấy. Thày tôi ngồi thụp xuống lấy đất lèn chân hương, rì rầm khấn, rồi nói:

- Vào vái em đi.

Tôi xoè hai bàn tay, mắt dăm dăm, vái bốn vái. Tôi nhớ hôm nào ghé khe cửa thấy Hồ nằm trong buồng, mặt xanh mét. Đã mấy năm qua rồi tôi như vẫn chờ nó về. Tôi ngoay đầu lại. Thày tôi quay lưng trông xuống đồng Cáo. Cái khăn mùi xoa đưa lên mặt. Dưới đĩa sâu vắng man mác màu nước trắng không có bóng người.

Cái buổi sáng đĩ thăm mả em tôi cũng cùng với tất cả những ngày ấy trong ký ức tôi hỗn độn như một giấc mơ chấp nối. Thày tôi đem ở Nam Kỳ về bao nhiêu truyện lạ, bao nhiêu thứ lạ. Thứ nhất, là cái kèn hát. Cái kèn *mà ly* hát được. Nó là cái hộp vuông bằng gỗ màu vàng, to như một chiếc mâm xếp. Một mặt gắn một cái cửa tròn, lỗ chỗ lỗ nan mây. Một ống sắt sáng loáng to như cái cổ ngỗng mắc bên cạnh là cái cần kèn. Đuôi cần gắn một chiếc loa loe tròn, khía nhiều múi. Đầu cần có kim nhọn. Đuôi cần có loa to. Bên kia nắp, vẽ một con chó tây ngồi trước một cái kèn hát bé tí tẹo. Hai tai chó dong thẳng trước loa, ra ý đương nghe hát. Muốn cho kèn hát, thày tôi cầm một cái tay ngoẹo bằng sắt thò vào một lỗ bên thành hộp, quay một hồi. Trong hộp nổi lên mấy tiếng lục cục, u âm như tiếng cối xay. Thày tôi đặt một cái đĩa nhựa đen lên mặt kèn, thả chiếc cần nhọn xuống mép đĩa quay xè xè...xè xè... Văng vẳng tiếng chiêng, tiếng trống tiếng hát ở trong cái loa nói ra.

Buổi chiều, tôi rửa chân sạch sẽ rồi lên nhà xem thầy tôi vắn kèn nghe hát. Những buổi tối sáng trăng, đàn ông đàn bà trong xóm lũ lượt đến ngồi nghe đầy sân và ngoài đầu tường.

Xung quanh tôi, không biết từ lúc nào, khắp mặt trẻ con các ngõ đã ngồi la liệt hóng mát lên. Tôi mơ màng tưởng ra một người đàn bà mảnh khảnh mặt áo xanh đứng hát trước một dòng nước chảy. Đến những bài hát tuồng ồn ào thì tôi lại thấy ông tướng "mặt như dồi phấn, môi tựa thoa son" cầm kích vừa đánh phèng vừa đánh trống.

Tưởng tượng của tôi hơn hớn như một nhánh mầm cây bóng nước. Trong cái rương của thầy tôi lẫn lộn với quần áo còn một chồng sách. Những quyển sách khổ lớn bìa xanh bìa đỏ xếp lên nhau. Một bộ *Chinh Tây*, tôi còn nhớ Nguyễn Chánh Sắt dịch và một bộ *Tam hạ Nam Đường*. Hai bộ mấy chục cuốn. Trong một xó hè khuất, tôi giải một mảnh chiếu chặn một bó giấy mộc che phía ngoài. Phía trong liền giáp tường, thế là tôi nằm gọn lỏn vào giữa mà không ai tìm thấy tôi. Suốt ngày, tôi vùi đầu vào cái chỗ đọc sách đặc biệt ấy.

Tôi dán mắt từ trang này qua trang khác. Những trang sách nhiều tiếng miền Nam. Tôi đọc, đoán lơ mơ và quen dần dần với những cái *miếng chiêm bài tòn ten*, những cái *lục lạc đồng* cùng là những cánh rừng *tòng bá xum xuê*. Trong những trang sách những tiếng khó nghe đó diễn ra bao nhiêu truyện ly kỳ với những nhân vật rõ rệt đến nỗi tôi tưởng như tôi đi đường cũng có thể gặp họ hoặc tôi cũng là họ không biết chừng. Những cái tên đáng yêu, những cái tên đáng ghét lừng vừng trong đầu tôi. Tiết Nhơn Quý anh hùng. Chàng Tiết Đình San hươu cây thiên phương họa kích. Nàng Phàn Lê Huê học trò của Lê San thánh mẫu. Lưu Kim Đính lia tới sợi khỗn tiên thăng. Cao Quân Bửu là con Cao Hoài Đức. Rồi những Dương

Phạm, Tiết Ứng Lương, những Triệu Khuông Dã, Võ Tam Tư, Trình Giảo Kim, tôi nhớ vanh vách, từng tên, từng mặt người.

Buông cuốn sách xuống, mặt tôi đỏ ửng. Trong cái khe cửa đầu ngõ, tôi chứa đủ các thứ “khí giới”. Cây hoa kích, cái gậy dài nhọn đầu. Cặp “song kím”, hai mảnh tre bạt bồi phẩm tím. Hai quả chuỳ, là hai quả bưởi có cắm chuôi. Và một đôi lang nha bổng (Lang nha bổng là *khí giới* của Tần Hồn trong *Chinh Tây*, tôi đâu biết là cái gì?) Tôi liền đeo hai cái dải tròn bằng tre. Nhiều khi thích chí tôi đem những thứ ấy ra bờ ao, đứng nói lảm nhảm và múa may một mình. Tôi tập đánh nhau. Tôi tập hoá phép. Có lúc lẫn thẩn, tôi nhắm mắt, đập đầu vào tường côm cốp. Cái đầu tôi hình như rắn hơn trước.

Với bộ *Chinh Tây* và bộ *Tam Hạ Nam Đường*, thầy tôi còn mang về hai quyển sách nhỏ: truyện *Bà chúa Ba* và truyện *Lục Vân Tiên*. Cái *Lục Vân Tiên* thế nào nhỉ? Ở những buổi trưa hè nắng chang chang vống đưa kiu kịt, thầy tôi nằm đọc.. Ờ *Kim Liên ơi hồi Kim Liên. Đẩy xe ngò ơ cho chỉ qua miêng ừ ừ Hà... ờ ờ Khế...* Anh Vương Tử Trục với anh Hồn Miêng còn yêu được chớ cái thằng Trịnh Hâm tôi ghét lắm lúc muốn đánh cho một thương bể đầu. Tôi không thích đọc sách truyện *Bà chúa Ba* mà vẫn phải đọc. Thầy tôi bảo đây là sách nhà phật. Thầy tôi không ăn thịt chó. Thỉnh thoảng, tôi đọc *Bà chúa Ba* cho cả nhà nghe. Đàng cuối cuốn truyện *Bà chúa Ba* có phụ thêm nhiều bài kinh tụng phật.

Thầy tôi thường bảo:

- Ba tháng hè, hễ tối nào ai cũng đọc được đủ ba mươi lần những bản kinh kia thì nhà được phúc.

Tối tối, bà ngoại tôi kê một cái chõng ra bờ hè. Bên cạnh ngọn đèn hoa kỳ và cuốn truyện *Bà chúa Ba*, tôi nằm phục vị chõng mông lên đọc kinh. Bà tôi ngồi quạt cho tôi. Những buổi tối mùa hè rục rờ.

Vòm không bát ngát đen thẫm lỗ đổ cơ man nào đốm lửa sao. Trên trời lung linh sáng rợn, tôi mê mải thành kính đọc kinh, lượt lượt nối nhau. Song chỉ được mười hôm, rồi chối dần dần. Bởi cứ phải đọc đi đọc lại mấy bài. Tôi giao hẹn với bà tôi từng lượt. *Nam vô Quan thâm bồ tát ma ha tát... Nam vô Di lạc bồ tát ma ha tát... Ma ha... tát... tát.* Chốc chốc lại trở lại, nhai chữ sái quai hàm. Rồi, cái việc đọc kinh trở nên mệt quá. Một tối, tôi không lấy truyện *Bà chúa Ba* ra nữa. Thấy vậy, bà tôi cũng bảo: "Đọc bính nhiều tối được rồi". Thày tôi không nói gì. Đáng hấn mọi người cũng chán.

Cái mùa hè đến lấm chuyen lạ. Một hôm, không biết ở đâu bà tôi đem về một tờ giấy chữ mực tím lèm nhèm. Trong giấy chép rằng: Năm nay độc giờ, tháng tư tháng sáu thì thiên hạ chết như rạ. Đến gà cũng toi, chết mất gà gáy. Đức thánh truyền bảo cho nhân gian biết trước như vậy. Ai mà chép được năm tờ thì thoát nạn, ai mà chép được hai mươi tờ thì cả nhà thoát nạn. Đứa nào mà huỷ tờ kinh này thì chết tươi ngay.

Tôi hí húi ngồi chép năm tờ, mất mấy ngày, rã rời năm ngón tay, toan thôi. Nhưng bà tôi sợ cả nhà chết hết, chết cả mấy con gà ngoài chuồng, tôi lại phải cặm cùi mệt mỏi ngắc ngư bò từng dòng như vượt thoi đường nắng. Xong mỗi tờ, bà tôi đem đặt lên trên bàn thờ, bên cạnh tán cây nến.

Thày tôi đem tôi về quê nội luôn. Những năm thày tôi vắng nhà, ít khi tôi nhớ còn một cái làng nội của tôi ở trong Thanh Oai.

Tôi không nghĩ được ở quê nội lại có những ngày thanh thoi như trong mùa hè đó. Buổi tối, cơm nước xong. Chúng tôi ngồi giữa sân ngắm sao và chơi đếm sao một hơi. Một sao, hai sao, ba sao... một vì sao đổi ngôi vút dài một giọt sáng. Chị Cóc bảo thế là dưới trần gian có một người chết. Chị Cóc lại chỉ cho tôi biết đâu là sông Ngân

Hà, là cái mũ ông vua Thần Nông. Con vịt và cái gầu tát nước thì ở chỗ nào.

Một buổi sớm giêng hai, tôi được đi chùa Hương với thầy tôi và các chị Cóc, anh Đọt. Cả chú Ba nữa. Chúng tôi trẩy bộ vào Vân Đình, ngủ đỗ hàng cơm ở đấy một đêm. Sáng hôm sau, mượn một chiếc đò. Nước sông cạn, có chỗ bác lái phải thả thừng lên bờ, kéo đò đi. Nằm đò nửa ngày thì vào đến bến đò Suối Lại sang đò Suối vào chùa Ngoài, từ đò Suối mà đi núi cao chập chùng, nước trong leo lẻo. Lá vàng rơi thoáng mặt nước. Cỏ mọc nhô từ dưới lòng suối lên. Đò trôi giữa những quả núi đá lừng lững. Này núi Mâm Xôi, này núi Con Gà. Có núi cây xanh rờn, đàn khỉ leo lên leo xuống. Tôi đến chùa Trong vào buổi tối mịt mù khói hương xông xao. Sớm mai, trời chưa rạng sáng, cả nhà đã lóp ngóp leo núi ra. Bởi chú Ba tôi bỗng đau mắt, tấy sưng húp. Chị Cóc bị mất cái áo bông ở nhà trọ. Từ ngày ấy, tôi không trở lại chùa Trong lần nào nữa. Trên con đường trước mặt thì thấy núi chùa Hương lô xô in hình xanh nhòe.

Một lần ở quê ra, thầy tôi mua được một con chim vàng anh non của trẻ chăn trâu ngoài đồng, và một chú chó con.

Hai con vật mà tôi được nuôi, làm thân và nhớ mãi. Thầy tôi đặt tên chó là con Bô Tô. Bô Tô có bộ lông trắng vá vàng chổng lớn như thối. Thăm thoát ngót một năm đã trở nên một con chó thiện đứng đắn, biết sữa coi nhà đêm hôm. Một hôm Bô Tô đi đâu mất rồi bà tôi tìm thấy Bô Tô nằm trên gò cỏ ngoài đồng. Gọi Bô Tô không đứng dậy được. Bà tôi phải về nhà lấy thúng, bỏ Bô Tô vào thúng rồi đội về. Bô Tô ốm ngắc ngoải mấy ngày. Tôi định nếu Bô Tô mà chết, tôi sẽ đem chôn Bô Tô tử tế, đắp cho Bô Tô một nắm mồ. Chiều đó, tôi không thấy Bô Tô nằm thờ khờ khề trong xó nhà. U tôi bảo Bô Tô chết buổi trưa. Tôi không nói gì. Tôi biết Bô Tô chết thế nào rồi. Mấy

hôm sau thì tôi rõ sự thực. Bô Tô sắp chết thì bà tôi bán Bô Tô cho người ta đánh đưng. Bô Tô cũng được hai đồng bạc thịt.

Còn vàng anh thì sao? Ông tôi vót một cái lồng tre để vàng anh ở. Tôi cho vàng anh ăn chuối và đậu phụ. Cho thứ gì vàng anh cũng há mỏ. Tôi lại cho vàng anh ăn cơm trộn muối vừng. Người ta bảo cho chim ăn mặn thì dù thả chim ra chim nhớ mãi không bỏ đi được. Hết mùa hè, bộ mã vàng anh óng ả. Buổi sáng, vàng anh líu ríu trong mỏ. A, vàng anh học hát. Vàng anh học hát, vàng anh tập nói như người. Nhưng đến mùa đông, vàng anh chết. Tôi không được biết vì dạo ấy tôi đã xa nhà. Tôi ra ở nhà chú Tường ngoài Kẻ Chợ để đợi đi học. Hôm tôi về, vàng anh đã chết rồi. Tôi ra sau nhà, tìm xác nó. Trong cây ngái, chỉ còn mấy cái lông vàng rã rượi và một mảnh xương khô. Tôi đào huyết chôn cái xương vàng anh bên bờ ao, cạnh gốc cây khế. Cũng đắp nắm và để hòn gạch lên mỏm đầu mỏ. Bắt chước như mỏ em Hồ tôi.

Rồi thầy tôi lại đi Sà Goòng. Thực tôi không rõ thầy tôi đi hôm nào. Một buổi sáng, tôi chợt thấy như mấy hôm rày vắng thầy tôi. Tôi hỏi u, u tôi bảo:

- Bố mày đi rồi!

Tôi bỗng khóc oà. Tôi khóc thương nhớ, chứ tôi không biết thầy tôi đã đi tìm việc nhiều nơi ngoài Kẻ Chợ nhưng không đâu có việc. Lại phải đi.

Tháng tám thầy tôi có thư về bảo u tôi đem tôi gửi chú Tường ngoài phố. Chú Tường kèm tôi học, để rồi chú Tường xin cho tôi vào trường nhà nước.

Tôi đã bỏ học từ hồi thầy giáo Đức đi đâu mất. Bây giờ lại phải đi học, Tết rằm tháng tám xong, u tôi đem tôi ra Kẻ Chợ.

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 8

Chú Tường là bạn đi làm với thầy tôi ở sở bán bánh tây ngày trước. Chú khoảng ba mươi tuổi, người gầy, lom đom như lúc nào cũng đeo bệnh đau bụng sốt rét trong mình.

Ngày thầy tôi ở nhà, tôi có xuống chú Tường vài lần. Nhà chú ở giữa phố Hàng Mã. Một gian bán các thứ linh tinh, mà tôi không thể gọi đúng tên hiệu. Những cái lọ bé như lọ dầu bạc hà. Những cái chai thủy tinh xanh to như cái vò. Lại những cái chuông xe đạp, những hòn bi sắt những mảnh thiếc vụn.

Trên tường, treo các đôi giày tây cũ. Lại mấy chiếc lốp ô tô đã mòn. Các thứ ấy đều để bán cả. Những cái vứt đi, nhưng người mua cần thì lại bán được tiền. Mỗi lần xuống chơi, thầy tôi lại cười nói với chú Tường:

- Tôi cho cháu làm con nuôi chú. Sau này nhờ giời, cháu có được nên người, trăm sự nhờ chú cả.

Bây giờ tôi phải xuống ở nhà chú Tường. Nói sao hết được nhớ thương buổi ra đi. Đứng trong sân thì Kẻ Chợ ở phía góc cây dừa. Những đêm tối trời, tôi trông thấy ánh sáng thành phố đỏ sạm đằng góc trời đó. Nào có đâu xa, mà bước chân ra khỏi ngõ, nước mắt đổ hai hàng. Tôi gắng lắm mới khỏi khóc to. Bởi còn níu được chút hi vọng, những phiên u tôi đi chợ thể nào cũng ghé vào và thể nào cũng có quà. Ra khỏi đầu tường, bà tôi dặn u tôi:

- Nhớ vào, nhả?

Tưởng vào đâu, hoá bà tôi dẫn vào rừng Ông Cự. Đầu làng tôi có một cái miếu trong đám cây ruối bùm tum. Miếu thờ một con hổ bằng đá. Gọi là rừng Ông Cự. "Ông Cự" ngồi rùm hai chân sau, nhìn ra, trong cái hang gạch. U tôi cầm cái dùi, thỉnh mấy tiếng công công vào cái chuông bé như chiếc bát úp treo lủng lẳng trên cái rễ si ngoằn ngoèo thò xuống. U tôi xuýt xoa lẽ. Tôi ngả mũ, cũng chấp tay lẽ. Tôi nhìn ông Cự. Mắt ông Cự bằng đá, cũng trắng xanh nhệch nhệch. Ông hổ mà trông xoàng như con mèo.

Thế là tôi ra Hàng Mã. Lúc u tôi ra khỏi cửa nhà chú Tưởng, tôi dần dần nước mắt. Chú Tưởng bảo:

- Cháu cất mũ vào trong nhà mà ngồi chơi.

Tôi ngoan ngoãn đem mũ và bọc quần áo vào để bên khe tủ chè. Cái Hiến đứng cạnh đấy, nói trống không:

- Cất ở trong nhà cơ?

Chú Tưởng bảo cái Hiến:

- Hiến dẫn anh vào.

Cái Hiến thấp hơn tôi, kém tôi một tuổi. Người nó quắt queo, chân tay khô khảnh như cây hóp. Mặt nó xám, môi cong tớn. Hai con mắt trắng nhả, chơ chố. Đầu mới có ba cái tóc ranh mà hay chít khăn vắt vẻo. Nó lại mặc áo dài nâu, hai vạt trước thắt quả găng. Nó đi lẩy dánh. Cái tay ve vẩy. Nó là con chú Phúc. Bà cụ sinh ra chú Tưởng được ba người con trai. Anh cả là chú Phúc. Thỉnh thoảng, chú bận áo the dài, lê giày lẹp xẹp xách cái khăn gói vải đỏ về quê. Tôi không thấy vợ chú ra đây bao giờ. Chú mới được có một mình cái Hiến. Người thứ hai là chú Tưởng. Chú Luyện bé rất. Chú Luyện còn đi học.

Cái Hiến đưa tôi đến một căn buồng dài bày biện đồ thờ đỉnh nén sang trọng. Nhưng chúng tôi chỉ đi qua - đấy là nhà khác, rồi lại vào

một mảnh sân nhỏ, hôi, ướt láp nháp. Nó đẩy cánh cửa cuối sân, trong buồng kê hai cái phản và một cái bàn bằng thùng gỗ vừa khít. La liệt sách vở quyển to quyển nhỏ chồng đống. Trước bàn, chú Luyện cời trần, đương đọc sách. Nghe tiếng kẹt cửa, chú Luyện ngừng đầu lên. Ngực chú gầy tóp, hần từng đốt xương sườn. Thoạt thấy chú, tôi có cảm tình ngay. Tướng gầy thế này mới ra tướng học trò. Chú Luyện hỏi cái Hiến:

- Đứa nào thế?

Hiến đáp: “Thằng cu Bưởi”.

- À!

Rồi chú lại cúi xuống quyển sách. Tự dưng tôi có tên là thằng cu Bưởi. Tôi nhìn Hiến. Nó không biết nổi ngạc nhiên của tôi. Nó cầm cái mũ và bọc quần áo của tôi nhét xuống gầm bàn. Nó lại bảo tôi ra cửa hàng. Tôi lủi lủi ra.

Cái nhà của chú Tường chia làm ba chủ ở. Giữa hai mặt phố có một gác nhỏ. Ông phán chủ nhà ở cái góc nhỏ ấy với một phòng giữa tôi vừa đi qua vào nhà trong. Thấy đồ đạc lổn nhổn với một gian chéo thót ba góc, đó là cửa hàng chú Tường và cái nhà xép này. Cạnh gian đó, hàng nhà bà Thấp. Thành thử, về gian trong nhà chú Tường có hai lối, qua nhà giữa, hoặc vòng hè phố, nhờ cửa hàng bà Thấp.

Bà Thấp, người đúng như tên, thấp bè bè. Mặt bà múp míp như chiếc âu đồng đỏ. Mắt bà tròn, mũi cũng tròn như cục thịt, đến cái miệng lại tròn nốt, gần hết một đồng xu. Tất cả người bà phình phình tựa một cái thúng to. Bà bước vòng kiềng và đưa từng bên người đi một, lặc lè như vịt bầu. Lúc bà nói, mặt bự lặc lư sang hai bên, đều đặn như mặt quân đèn cù máy tóc. Cửa hàng bà bán đồ

sắt vụn, sắt gãy chồng chất đầy đồng lên đến trần nhà, chỉ chừa một lối đi vào.

Bà Thấp ngồi trên cái giường trong cùng, bên cạnh cối trầu, đen sẫm, lẫn với màu sắt rỉ. Suốt ngày, bà nhai trầu tóp tép. Ngồi bên này, thỉnh thoảng mới nghe tiếng bà nói với khách mua, có khi bà mắng cậu Tịnh. Bà mắng yêu, bao giờ cũng một câu:

- Này tôi bảo cậu, me nuôi cậu nhớn bằng ngần ấy rồi cậu đã làm được cái tình chung gì cho me nhờ chưa? Ủ, cậu đã làm nổi cái tình chung gì chưa? Hay là ngày hai bữa rồi xe đạp với đánh đàn tàu?

Mẹ mắng, cậu Tịnh chỉ cười rinh rích. Cậu cười, chìa ra cả một hàm răng mái hiên. Mặt cậu đen bóng như bôi dầu. Tóc thì trơn mượt, lật úp ra đằng sau. Đôi khi không chải cánh gà, tóc xoà vòng xuống hai bên mang tai. Bà Thấp được có một mình cậu Tịnh. Cậu Tịnh cũng bằng trạc tuổi chú Luyến. Nhưng cậu không đi học. Sáng ra, vừa bảnh mắt, cậu đã đánh đàn. Nhưng cậu có cái đàn tàu tròn xoe treo trên tường. Cứ đàn cả ngày. Cậu ôm đàn, nghẹo cổ, tay gảy liên liến, tay nhấn dây rồi rít. Tiếng đàn cũng nhảy nhót tính tính rồi rít. Có khi cậu rủ một lũ bạn đến. Mỗi cậu một cái đàn tàu cầm tay. Những người đi đường đứng lại, ngó vào xem. Bà Thấp chỉ cười khi. Nhiều lúc cậu Tịnh tay đàn, miệng hát đưa theo *tính tình tình tình tình tình...* Tôi nhớ nhất và cũng thích nhất cái bài điệu ma đờ lông hay bình bán gì đó có hai câu: *Bưởi, hồng, cam, quít, dứa, na... Táo, dứa, mận, dâu gia hồng bì...*

Lúc nào không nghe tiếng đàn cậu Tịnh, thì tôi đoán chắc cậu ra ngắm xe đạp. Tôi hé cánh cửa, nhòm xuống sân bếp. Y như rằng cậu Tịnh đang hí húi với cái xe đạp. Cậu lau. Cậu cho dầu. Cậu tháo vành bánh xe treo lên. Cậu lắp lại xích. Xe cậu là xe cuốc, một tay nhắc lên được. Tối tối, ăn cơm xong, đánh đàn tàu một lúc, cậu vác

xe đạp đi tập. Sáng hôm sau, cậu sang nói với chú Luyện những chuyện tối qua trên Bờ Sông cậu chạy đội xếp bắt đèn. Cậu nói cậu đạp rất hay kỳ thi này cậu sung sức ngang cưa rơ Bông. Hồi đó, cưa rơ Bông ở Hàng Đậu đương nổi tiếng nhất Bắc Kỳ.

Có cuộc thi xe đạp vòng quanh Hồ Tây. Cậu Tịnh tập riết, đêm khuya lắm mới gọi cửa. Sắp đến ngày thi, cứ ăn xong cậu lại đi nằm dưỡng sức. Không ai nghe tiếng đàn tầu.

Hôm thi, cậu mặc áo đỏ, quần đùi đen thêm một ông sao trắng và đội mũ nồi trắng có quai buộc xuống cằm. Trước ngực đeo hai bầu nước mang ống cao su bắt lên miệng. Vai quàng vắt đôi sấm mới. Khắp người cậu bôi dầu nhờn, bóng nhẫy như pho tượng đồng đen. Cậu dắt xe đi. Chú Luyện cũng đi theo để đẩy xe cho cậu Tịnh lúc các cưa rơ sắp hàng bắt đầu chạy.

Độ giữa trưa đã thấy cậu Tịnh tò tò về. Cả xe đạp nằm trên cái xe cao su người kéo. Cậu ngồi trong xe mặt tái mét.

Lúc xe đỗ, anh cu-li phải khiêng hộ cậu cái xe cuốc đem dựng vào trong cửa. Cậu lò rò vào giường, nằm thẳng cẳng, mắt cứ trừng trừng lên trần nhà.

Đâu cậu đạp được có hơn một vòng hồ đã chối tê hai đầu gối. Cậu đuối, đuối, đuối mãi. Cậu cố, cố. Sau lử dần và càng bết hơn, đành phải bỏ cuộc.

Luôn một độ cậu Tịnh không mó đến xe đạp và nhắc tới chuyện xe đạp. Lại chỉ đánh đàn tầu. Dần dà, cậu lại vác xe đi tập đêm và đề với chú Luyện rằng chuyến này cậu chạy hay tuyệt, so với phượng hoàng Lê Thành Các được.

Sang năm sau, lại có đua xe đạp vòng Hồ Tây. Cậu Tịnh đóng đủ lệ bộ và lại bôi dầu nhờn khắp người. Chú Luyện tôi vẫn theo đi để đẩy xe đạp cho cậu.

Lần này, mãi đến tận chiều, cậu Tịnh mới về nhà. Cậu cũng ngồi xe cao su như năm ngoái. Nhưng anh cu-li phải cõng cậu từ ngoài hè vào trong cửa. Hai đầu gối cậu choẹt ra, bê bết máu. Bà Thấp hoảng hốt khóc lu loa.

Cậu đạp được hai vòng hồ thì bị người ta chèn cậu ngã. Cậu không kịp rút chân khỏi cái mồm bê-đan. Cậu ngã giáng hai đầu gối xuống mặt đường đá. Tưởng gãy xương? May, chỉ toét máu.

Lâu lắm không thấy cậu bàn chuyện chơi xe đạp. Cậu lại chỉ đánh đàn bầu. Cái ghi đông cuốc cậu đem mắc cong ngược lên như hai cái sừng trâu. Chiều chiều đạp quanh mấy vòng hồ Hoàn Kiếm, cậu đi hóng mát...

Ông Phán chủ nhà có ba người con, cậu Tuyên và cô Chi. Còn người lớn nhất đã lấy chồng. Không ai gặp ông Phán mấy khi. Bởi ông ở trên gác cả ngày. Gác có cái cửa sổ ngó ra sân bếp. Tôi ngồi rửa bát dưới sân, nghểnh lên nhìn cửa sổ thấy thấp thoáng một người đàn bà. Người đàn bà, tóc xoã đằng sau, mặt lúc nào cũng có vẻ buồn. Người đàn bà thường nhìn lơ đãng sang góc sân bên kia. Nhiều bận cô mang cả gương lược ra đứng cửa sổ chải đầu. Có những buổi tối tôi xuống đứng dưới sân bếp, nghe văng vẳng tiếng hát trong cửa sổ. Tiếng thanh mà trầm trầm, nhẹ thoáng. Một giọng kể chuyện náo nùng thấm thía đến ruột gan. Bao giờ cũng vậy, nghe tiếng hát của người đàn bà tôi cũng chạnh nhớ đến cũng giờ giấc hoàng hôn này bác hàng phở quen, bác Nghĩa đã quẩy gánh vào đồ trước cửa ngõ nhà tôi. Ánh củi lập lòe: *Phơ... ơ ơ...* Tiếng bác rao, vang vào hai bên tường, cả phố đều nghe thấy. Cái tiếng ơ cứ kéo dài như tiếng còi. Đây thì những tiếng ngân ngư chìm lặng của giọng hát nhỏ lìm lìm trong cửa sổ. Tự dưng tôi thương cái bóng người

đàn bà. Cậu Tịnh ghé nghiêng nhìn lên cửa sổ cười hểnh hàm răng bàn cuốc, bảo khế tôi:

- À, chú bé này hóm nhỉ? Biết ra đằng sau nhà nghe hát "*ga tuýt*".

Cậu Tịnh cười rúc rích. Rồi tôi biết người đàn bà kia là vợ lẽ ông Phán, một cô nhà trò. Chưa bao giờ tôi trông thấy cô xuống nhà dưới. Thỉnh thoảng cô ra sân gác, gọi hàng phở gánh dưới phố rồi dùng một cái quang con đựng bát xuống. Hàng phở đặt bát phở vào quang. Cô kéo lên, như ở nhà quê người ta kéo nước giếng.

Cô Chi và cậu Tuyên thì ở dưới nhà. Trông hai người này tôi vừa sợ vừa ghét. Hễ ông Phán đi khỏi nhà, cô Chi và cậu Tuyên lại chạy lên gác cãi nhau với dì ghẻ. Bà Thấp, cụ hàng Mã, cái Hiến, giả lảng vắng xuống bếp, để đứng nghe. Tiếng cậu Tuyên hét toang toang. Cái gì xô xát, rơi lộp bộp. Cô Chi léo nhéo chửi con đĩ lẫn tiếng gào khóc của người dì ghẻ. Tấn bi kịch bao giờ cũng đến đoạn người nhà trò kêu hàng phố thì buông phông. Cô Chi, cậu Tuyên lại huỳnh huých xuống gác.

Trong cửa sổ chỉ còn đưa ra tiếng khóc tí tỉ. Bà Thấp lạch đạch, dùng đỉnh vào, tay vuốt quét trầu mép, nói một mình: "Cha kiếp? Đáng đời con đĩ. Còn là lụn bại về cái giống nhà trò!"

Tôi tưởng đến lúc ông Phán về tôi sẽ được hỏi. Chẳng hạn ông Phán sẽ đánh tung hai đứa con lên. Nhưng không, khi ông Phán về, cô Chi vẫn ngồi đan, cậu Tuyên hí húi đánh giấy. Cảnh nhà vẫn im lặng, cho đến hôm nào ông lại đi ra phố. Mà kịch bao giờ cũng chỉ diễn thiếu vai ông. Chắc là ông cũng biết thế. Nhưng tôi chẳng nghe tiếng ông nói bao giờ. Lần nào ông Phán vắng nhà, hai chị em đã chán hành hạ dì ghẻ, cậu Tuyên chạy đi gọi chị, bà ký Cả. Bà ký Cả ngồi xe nhà đến. Mặt bà hằm hằm quát từ ngoài cửa "Đứa nào bắt nạt em bà, đứa nào dám trêu tay bà nào!". Bà trèo thẳng lên gác, hai em

đi theo. Thế là cái gác tối lại làm ấm lên. Bà ký Cả vừa nói, vừa nhảy còn cõn hai chân. Tóc bà tụt xoã xuống. Tay bà khum cong, mỗ mỗ ra đằng trước. Bà đứng sát bên cửa sổ, miệng sỉ vả, mắt đá đưa nhìn xuống sân. Như ý khoe tài đánh đá với bà Thấp và mọi người đứng tụ dưới sân bếp. Bà mắng sa sả, bà kể lể ngành ngọn đủ điều. Trước còn nghe người dì ghẻ nói đối lại, sau chỉ có tiếng khóc tí tí. Rồi im. Bà ký Cả nói chán, bà ký Cả về.

Cảnh nhà ông Phán chìm đắm trong cảnh rừng rỗi lục đục. Được ít lâu, người nhà trò lấy trộm quần áo, trốn đi. Bảy giờ ông Phán đã khổ hơn. Ông bán nếp nhà đó, rồi ông thuê lại căn gác để ở. Cô Chi lấy chồng. Cậu Tuyên phiêu bạt lang thang đâu, không biết. Khoảng mười năm sau, tôi gặp lại ông Phán trên một chuyến tàu điện. Mặt ông xỉ, bủng dứ. Đôi mắt lơ lơ nhìn đâu chẳng buồn dịch sang chỗ khác. Ông vẫn mặc tấm áo đoạn ngày trước. Chỉ khác, tấm áo đã phơ ra lần lốt nhiều xanh nhợt. Tay ông vẫn cầm cái ô trắng, vải ô đã cóc đen. Nom ông cũ, mốc, ốm chỉ còn phảng phất lốt xưa mà mỗi mệt hơn thôi.

Được ít ngày, một hôm chú Tường bảo tôi:

- Phải đợi hết hè mới xin vào trường Cửa Đông được. Bây giờ cháu ở nhà học chú Luyện và làm đỡ chú.

Tôi chẳng thấy chú Luyện cho học gì. Ban ngày chú đi học, tối, cơm xong chú lại cấp sách đi học nữa. Tôi không thể ngồi chơi trong nhà, từ cái Hiến đến bà cụ ai cũng làm quần quật Tôi bắt đầu những ngày mới lạ ở thành phố.

Buổi sáng, chú Tường ra mở cửa hàng. Chú dỡ những tấm cánh cửa xuống. Tôi bê từng tấm, xếp thành một chồng cao. Ở trong nhà, cái Hiến bưng ra hai cái ô gỗ dựng chai lọ đặt lên chồng cánh cửa. Tôi chui vào gầm phản kéo ra mấy bộ khung xe trẻ con bốn bánh đã

rỉ hoen. Có khi tôi khiêng một thùng tôn, xách mấy thanh sắt đem đặt trước hai vành ô gỗ.

Những thứ kèn càng thì bày ngoài cùng, kẻ cấp không dễ thó được. Và chúng thay chỗ lần lần mỗi khi có người mua đi. Chỉ có chiếc lốp ô tô hàng là lâu người mua nhất. Nó cao đúng đến ngực tôi, mà nặng, sức tôi không thể nhấc nghiêng nổi một phía. Ròng rã cả năm, sáng nào tôi cũng huỳnh huých vằn cái lốp ô tô ra dựng ngoài mặt tường trước cửa hàng. Tối đến, tôi kê theo mé tường, vằn vào trong nhà, dựng một xó. Sáng mai lại loay hoay lăn nó ra.

Dọn hàng ra xong, chú Tường cho tôi một củ khoai lang luộc tím mẫm, ướm nhựa. Bà cụ mua khoai ấy ở ngoài đầu phố. Chén hết củ khoai không bóc vỏ, tôi lại vào ngồi trong góc nhà, cạnh gầm phản. Chú Tường lấy trên tường xuống mấy đôi giày tây. Chú đưa tôi một mảnh da xám bóng nhẩy vết sì đẹt. Tôi kẹp chiếc giày vào giữa hai bàn chân. Tôi ngoẹo đầu, tay căng mảnh da, miết liên liến trên mặt da giày. Tôi đánh qua khắp các mặt giày treo trên tường. Đôi to. Đôi nhỏ. Đôi cụt cổ. Đánh xong mỗi chiếc, tôi lại đặt lên phản. Chú Tường đứng móc từng chiếc vào những lỗ đinh trên tường. Tôi lại đánh cả những chiếc ghệt da dày cộp tới lưng bẹn. Đánh hết một loạt giày, và những đôi ghệt, đã gần trưa.

Bà cụ đã đi chợ về. Tôi vào bếp nhặt rau muống với cái Hiến. Chú Phúc thì chuyên thổi cơm. Chú thường khoe chú thổi cơm nhanh và ngon nhất nhà. Tôi và Hiến dọn mâm. Cơm chín thì chú Luyến vừa hay đi học về. Cả nhà ăn cơm ngay ngoài cửa hàng. Bát đĩa rạch bỏ chậu. Đoạn bữa, tôi vào sân bếp rửa bát. Xong việc bát, tiếp đến cọ chai. Một chậu nước mấy mảnh giẻ và một cái thuôn dây thép, cái Hiến và tôi cọ các thứ chai lọ trên đời - những cái chai của người

“chai, bao chè, lông vịt, đồng nát”. Chúng tôi cọ, lau rồi đem bày ra những ô gỗ, lại bán.

Cọ được vài chục chai, đã đến buổi học trò về. Tôi sửa soạn đi phụ thổi cơm. Nếu không, tôi đem mảnh giẻ khô ra lau xe đạp cho chú Luyện. Đèn điện ngoài đường phố bật sáng thì trong nhà ăn bữa tối. Rửa bát buổi tối, phần việc của Hiến, chén xong, chú Tường và tôi thông thả dọn hàng. Tôi lại vắn cái lốp ô tô khổng lồ vào trong xó tường. Chú Tường lên cửa. Chú Tường và tôi ngủ ngay ở ngoài cửa hàng.

Gian nhà ngổn ngang cồng kênh đủ thứ. Một góc, sắt vụn chồng lên nhau cao ngút đầu. Có hai mảng tường. Một mảng mắc toàn giày tây cũ. Một tường đóng khung xích đồng đặt xếp hàng một dãy chai thủy tinh xanh béo lùn. Chỗ này nằm một đồng chai lọ. Chỗ kia nhấp nhô một đám những xoong chảo cũ. Không hở nổi một hòn gạch vuông trong nhà. Một lối đi nhỏ - ai bước không khéo, có thể bị móc rách vạt áo bởi những tay sắt cong queo nhô lên và len vào bên cạnh một tấm phản. Trên phản, chú Tường và tôi nằm ngủ, không màn.

Dưới gầm, đầy chai, nút và bao chè bẹp. Tối nào tôi cũng phải cất mấy ô chai, lọ ra nơi khác mới đủ chỗ cho chú Tường duỗi thẳng chân.

Ở nhà chú Tường, tôi được đọc một quyển truyện hay lắm. Quyển truyện ấy, tôi nhất được ở gầm bàn học chú Luyện. Quyển sách đã nát và bọt mủn mấy tờ lót cuối cùng.

Cuốn *Vô gia đình* của *Nguyễn Đỗ Mục* dịch. Tôi đặt quyển truyện vào trong khe phản, chỗ tôi ngồi đánh giày. Buổi trưa cơm xong, tôi ngồi đọc lên mấy trang truyện.

Cuộc đời lưu lạc của thằng bé trong truyện cứ như trông thấy ở mỗi dòng chữ. Tôi mê man theo thằng bé từ lúc nó bỏ nhà đi theo ông già làm xiếc. Cái lúc thằng bé đứng trên ngọn đồi nhìn lại túp lều nhà mình trước còn rõ, sau mờ. Mắt tôi cũng mờ. Rồi nó quay mặt, quả quyết bước theo ông già. Tôi cũng theo nó. Cũng buồn, cũng giận, cũng tủi cùng chung nỗi cảm thương với người bạn xa xôi mà gần gũi đó.

Tôi giấu quyển truyện trong gầm giường, chỉ lo ai lấy trộm mất. Tôi tưởng rồi suốt đời tôi không thể xa được anh bé trong truyện nữa.

Những đêm nằm cạnh chú Tường, tôi mơ mộng nằm bên anh bạn trong truyện. Ô, quái sao, chỗ tôi ngủ đây đúng chỗ anh ta ở một cửa hàng bán đồ cũ. Trên đầu anh, người ta treo con thiềm thừ to. Gió đập lắc cắc, con thiềm thừ lắc lư như định ngoác mõm xuống cắn anh. Anh thiếp đi trong cơn mơ hoảng. Tôi nằm trên phản này cũng khủng khiếp thế. Bốn bên xung quanh các thứ chai lọ. Trên mảng tường lù lù những đôi giày tây như những cái mặt nạ. Từ trần nhà rủ xuống ba dây xích treo hai cái bồ và một cái quạt điện gãy cánh. Ánh điện ngoài đường bắt nghiêng khe cửa vạch mấy dọc trắng lên nền trần dán giấy nhật trình. Bấy giờ gian hàng biến ra một cảnh thực quái lạ. Không khí ẩm ướt, dầm mùi rỉ sắt hăng hắc. Cánh quạt điện vờn như hai cánh tay vờn in trên trần sáng chập chờn loe dài thêm ra. Những thứ đó hoá thành những con ma, cứ lắc la lắc lư như con thiềm thừ trong truyện *Vô gia đình* sắp chúi xuống nuốt tôi. Trong gầm và bốn bên, tiếng những con gián động đập cánh bay xè xè. Sao lắm gián thế nhỉ? Nó bay ngã bồm bộp, chốc chốc chuột chạy loạt xoạt, đùng đỗng từng chồng ống bơ. Chuột cắn nhau. Chuột. Chuột rúc chííí... Tôi nhắm mắt, rúc đầu vào cái mền vải nâu. Nhưng vẫn trông thấy con thiềm thừ đá đưa sắp xuống cắn

chân. Tôi xoay nghiêng, áp mũi vào lưng chú Tường. Ngoài khe cửa, thỉnh thoảng phào qua một tiếng rè rè... *Tỉm xấp bàoo....* những tiếng gõ sục sục tắc tắc ròn tan của một hàng quà đêm. Tôi chợp dần, trong giấc ngủ, chấp nổi nhiều cơn mơ ghê sợ. Có lúc ngã xuống giếng. Có lúc ma đuổi. Hai chân cứ cuống queo, không bước được.

Cái Hiến với tôi thì như chó với mèo. Lành nhau đấy cũng chỉ choé nhau đấy. Nó tinh ma quá quắt lắm. Nó nói bâng quơ:

- Hôm nay chủ nhật, chú Luyện đi xem đá *boóng* rồi.

Tôi dọa:

- Ông mách chú Tường bây giờ?

Nó trêu môi, dòn một hồi:

- Cái gì cũng mách mách! Ai nói mà trạnh lòng, tôi bảo chú Luyện đi xem đá *boóng*. Chú Luyện đi *học*. Một *sòng* bạc. Cho dê đi *học*. Cho *chóc* ở nhà. Cho gà ăn *thóc*. Tôi bảo thế đấy. Bận gì nào?

Sao lại không bận đến tôi! Tôi tức chín người đi chứ. Cái Hiến nó nhại tôi. Tiếng Kể Bưởi tôi nói thế. Mọi nơi người ta nói óc, ong thì mím miệng sau chữ c, chữ g. Như: lọc cọc, long tong. Vùng tôi, há miệng ra sau chữ c, chữ g lọc chọc, loong toong. Cái Hiến choãi mồm ra chế tôi. Tôi phải tát vỡ miệng nó. Nhưng rồi tôi chỉ lẳng lặng quay ngo.

Hiến giờ sang chuyện cái vòng. Nguyên cổ tôi đeo một chiếc vòng bạc. Vòng ấy, tôi đeo từ năm lên bốn. Trước còn có chiếc nhạc và một con cá rử xuống ngực. Lần lần, tôi gặm cụt hai ngạnh đuôi cá. Con cá mòn méo một mảnh. Cái vòng ấy hợp với tôi. Bao giờ tôi sốt, vòng cũng xám lại. Hồi nào tôi khỏe, cái vòng sáng trắng ra. Tôi không được bỏ vòng, bà bảo thế. Nếu tôi bỏ, thầy bói và nhà chùa bảo sẽ bị ốm ngay. Cho nên tôi đeo cái vòng ra tận đất Kể Chợ này.

Cái Hiến, những lúc cọ chai, thường nói động đến. “Anh có thấy ai đeo vòng như anh không? Đeo vòng thế là nhà quê lắm nhé?”. Tôi không thèm đáp. Thú thực tôi cũng không có lời đâu mà trả miếng. Quanh quẩn, hết chuyện con cóóc, sang (huyện cái *voòng*, lại lộn lại chuyện con cóóc và tiếp theo.

Và thỉnh thoảng, lại xảy ra những cuộc gây gổ tự nhiên. Buổi tối hôm ấy chú Tường và tôi dọn hàng. Mọi khi phần cái Hiến phải bưng vào một ô gỗ đựng chai. Nhưng hễ nó rửa bát thì tôi mang thay. Hôm đó, Hiến rửa bát. Tôi lại tưởng chú Phúc rửa. Lăn xong cái bánh ô tô vào trong xó tường và dọn một ít chai lọ, hết phần tôi, tôi vào rửa chân. Bấy giờ cả nhà đã ra ngoài nhà, bát cũng đã rửa rồi. Tôi đương lúi húi dội nước thì cái Hiến te tái đi vào. Trời tối, lấp loáng ánh đèn trong nhà hắt ra, tôi cũng không trông rõ Hiến. Nó vào giáp mặt tôi. Tôi đứng áp tường. Một bên là chuồng tiêu, một bên là hai cái chum nước của ba nhà. Chum nào cũng có nắp gáo riêng. Cái Hiến hùng hổ đấm tôi hai quả vào bụng. Tôi oằn người, hai tay vịn tường, ngơ ngác. Nó sừng sộ:

- Anh cu Bưởi có dọn cái ô chai vào không?
- Phần...phần...
- Hôm nay ai rửa bát?
- Chú...
- Chú gì? Đây vừa phải đòn oan. Hự...
- Ồi!

Nó còn toan bồi thêm cho tôi mấy thụi nữa, nếu chú Phúc không chạy ra, quát. Thì ra chú Tường thấy sót cái ô gỗ ngoài thành cửa, tưởng Hiến đùn việc cho tôi, liền bợp cho nó một cái. Vậy mà nó vào nó thụi tôi luôn mấy ục. Chú Phúc còn kể chuyện lại nhiều lần nữa. Chú cười tôi nhớn hơn mà để cho con bé đấm luôn mấy quả, đứng

ơ mặt, tay ôm bụng, nhăn nhó định khóc. Chú chuyện vui cho cả nhà nghe. Thường tôi lại làm như sợ nó hơn để được mọi người cười.

Nó thực là một con chó, con chó cái dữ và lắm điều. Tôi là con mèo. Tôi chỉ là một con mèo. Nhiều khi cái Hiến không thèm nói chuyện với tôi, tôi chỉ biết chơi cùng con mèo đen.

Nhà nuôi một con mèo đen to. Tôi chưa hề trông thấy một con mèo đen to đến như thế. Nó béo bằng cái ấm giở. Lông đen tuyền mượt như nhung. Râu mép thì trắng, vuốt chân cũng lại trắng, hai con mắt tròn xanh như mắt thủy tinh. Mèo Kẻ Chợ cũng có khác, chỉ đòi các ăn cơm cá. Cơm rau, ngừng một cái, rồi kêu ngoao ngoao, lảng đi. Vài hôm, bà cụ lại mua một con cá mè, một mớ tép kho cho mèo xơi dần. Mèo lại không bắt chuột. Trong cống bếp, có một con chuột già, mình mẩy loe loét tuột gần hết lông. Cái đuôi còn mẩu hủn hoen. Thỉnh thoảng nó chui trong cống lên, ướt rườn rướt, lừ đừ bò đến thùng rác, thò đầu vào. Mèo trông thấy ngó theo mà hai tai không động đậy. Cả ngày mèo ngồi lù lù trên đầu bàn học chú Luyện. Hễ tôi lượn phươn đến, chú mình lại gù gù chùi đầu cọ vào sườn tôi. Tôi vuốt lưng chú mình. Tay vuốt đến đầu đuôi mèo cong gợn lên đến đó.

Tôi hay nhớ nhà nhất những hôm râm trời không có nắng. Tôi nhớ thăm thiết như anh bé phiêu lưu trong truyện *Vô gia đình*, nhớ con bò và người mẹ nuôi của anh ở xứ quê.

Một khung cửa sổ căng lưới mắt cáo. Ngoài đường, lá sấu vàng rươi rào rào rụng xuống như trút. Ở cửa đình làng tôi gặp ngày lắm gió, lá đã rơi nhiều như thế chúng tôi đem thúng đi nhặt lá về đun.

Tôi đứng trong cửa sổ ngó ra. Người bước trên hè phố, sát bên cửa sổ, trông mập mé chồm đầu. Tôi tưởng tượng như chỉ có mỗi cái

đầu lúi lúi. Những buổi ở ngoài hàng, tôi ngồi bên găm phán, giữa đồng chai lọ và giầy tây. Trông ra thấy trên nóc nhà phố bên kia một mảnh trời xám ngắt và những chùm lá sấu đen ngòm. Chẳng bù khi ở làng, lúc nào cũng thấy trời và bóng cây.

Đôi hè phố trước mặt là hàng nước và một cửa hàng chữa và cho thuê xe đạp. Bà lão hàng nước quanh năm chít khăn vuông xum xụp, có cô con gái mặc áo trắng hồ lơ, đội nón kính. Cô cười, ánh loé chiếc răng vàng, xa cũng nom rõ. Không biết cô đi làm gì, thỉnh thoảng lại thấy diện xe cao su về tận cửa. Bác chủ hàng xe đạp đã có hai con. Cứ vài ba ngày hai vợ chồng lại đánh nhau một lần. Mặt bác to như cái chiêng đồng. Mà bác lại chịu thua vợ, gầy lẻo khoèo. Hễ đánh nhau, khởi đấm đá túi bụi vài "hiệp", vợ bác cầm cái ghi đông xe đạp nhăm nhăm giơ lên. Mặt bác bỗng tái ngoét, bác lồm bồm nói gì đó rồi lảng ra cái bàn chữa xe. Lại loay hoay rửa, vá lốp bơm, treo bánh xe lên quay thử. Luôn tay làm suốt tối ngày.

Ngoài đường người và xe cộ lờn lợt diễu qua dưới khung cửa, như quân đèn cù. Buổi sáng, một cái xe bò hai vòng bánh cao lênh khênh xích một cây gỗ lớn vào giữa. Có tới mấy chục người đẩy xúm bâu xung quanh như đàn kiến tha cái mồi to. Xe lăn rề rề sang phố Mới ra phố Bờ Sông không biết đi đâu. Một chiếc xe cút kít đi qua, ót ết nỉ non.

Vào những sớm thứ ba, thứ sáu quanh năm các ông Tây đen đi lễ. Cuối phố, có chùa Tây Đen. Tây đen ở phố nào vỡ tổ ra lắm thế. Chú mặc váy trắng lụng nhùng. Chú bận áo tây gọn gàng. Chú để râu xồm xoàm. Chú cầm nhẫn thín, mắt toàn lòng trắng. Chú nào cũng chon chỏn chiếc mũ lông oản đỏ. Đôi khi, có cả tua đen rủ từ trên đỉnh xuống. Các chú đi lữ lượt. Trên Hàng Mã đổ xuống, trong

ngõ hiệu Tây Cú đi ra. Nhiều lần, tôi đếm. Nhưng chỉ được độ trăm chú đã nhầm lộn không đếm kịp.

Ngày mùa đông thì ngắn. Ngắn nữa là những hôm âm trời, phố xá âm u như sắp tối. Mưa phùn rây trắng như phấn. Hai bên hè, chòm lá sấu già càng tối thẫm. Những cây dâu da tây cao vút chẳng biết quả hay hoa, gió đánh rụng xuống ruột đỏ hoe. Phố âm thầm, nhây nhóp. Những ngày mưa dầm dề như thế này, ở quê tôi còn quanh vắng hơn đây nhiều.

Nhưng không buồn. Người lớn xuống bếp rang ngô, những khi trời lạnh thì họp bọn, mang thuổng, rọ, xuống đồng sâu bắt chuột về rán với vỏ quít. Trẻ con đi bán kẹo bột rong các xóm. Có những đứa trẻ ra ngoài ruộng nhổ gốc rạ đem xếp đồng bên một gò cỏ khuất gió. Chúng hun lên, ngồi rúm vào nhau, sưởi ấm cùng cười rúc rích. Đường phố mưa bay, mưa bụi. Ở nhà quê tôi có mưa thế này không.

Tôi nhớ nhà quá. Nhớ vàng cả người. *Vàng cả người* là bà ngoại tôi nói thế. Giữa tháng chạp, bà ra đón tôi về quê ăn tết Vừa trông thấy bà, hai mắt tôi đã loá nước mắt.

Ra đường, bà tôi hỏi:

- Độ này, cháu có ăn được cơm không?

- Có ạ!

- Sao cháu vàng cả người đi thế?

Tôi mũi lòng, lại chực mếu. Một lúc lâu, tôi mới nói được rằng tại cháu nhớ nhà quá.

- Con giai mà lại nhớ nhà? Cháu chịu khó ở dưới này, học các chú, rồi sang năm các chú xin cho vào trường nhà nước. Sau này nhớn lên có chữ, đi làm kiếm tiền nuôi bà.

Từ ngày xuống đây, tôi có học được chữ nào đâu! Tôi nín thinh không dám khoe với bà tôi đã biết nhặt rau muống. Ngọn dài, ngắt làm đôi. Gốc cần, lá sâu thì bỏ.

Cuối năm ấy, tôi ở Kẻ Chợ về nhà được mấy ngày, u tôi ở cữ em gái tôi. Đi để trên nhà thương Cáo, suýt để rơi - nhưng không dám viết thư vào Sài Gòn kể với thầy tôi thế. Ông tôi đặt tên nó là Ngó, "Sen ngó đào tơ..." mà.

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 9

Thấm thoát, đã ngoài mừng bảy, hạ nêu. U tôi lại đưa tôi xuống Kê Chợ - Sao mà chóng hết thế, hử mà, Tết ơi! Sang mừng bốn, cảnh tết đã nhàn nhạt. Qua rằm thì đi đứt hẳn.

Nào cũng như dang dở. Vừa xế trưa, đã tối ngay. Loanh quanh, chơi gì cũng tiếc ngày, sợ hết. Càng sợ, càng bủn rủn cái tết lại càng thản nhiên đi qua.

Trước tết năm ấy, u tôi mua cho tôi đôi bút tất nâu, cổ khoanh vòng vàng, vòng trắng. U tôi lại sắm cho tôi một cái khăn nhiễu tây. U cứ phàn nàn: Khăn trẻ con có ba hào mà mua những bảy hào. Vì đầu tôi to quá, hạng đầu Bôi Cầu, đội vừa khăn người lớn.

Nhưng buồn hơn cả, là bà tôi không mua pháo. Khi tôi còn bé tí ti, vào những ngày tết cả trong sân nhà tôi xác pháo màu hoa đào ngập lên tận thềm đá. Năm nay, ông tôi bảo đốt pháo chỉ tổ rác sân, không được bộ gì. Bà tôi yên ủi tôi rằng không mua pháo tết, sợ đốt pháo em bé hãi, em bé khóc. Tôi đành vậy, ngẩn ngơ một mình.

Sáng mùng một, vòm trời u ám. Sương bay lớp lớp trong cây mịt mờ như khói. Ăn cỗ xong, cả nhà ngồi trong ghế uống nước. Tôi đứng ngoài hiên, chốc chốc, chạy nhòm ra ngõ.

Đường cái chưa có người. Người ta chọn giờ tốt mới xuất hành. Rồi dần dần, nghe lộp kẹp lóc cóc giày dép, tiếng guốc mới và tiếng quần áo nguyên nếp đùng sột soạt.

Ngày nào tôi cũng đi chơi chùa. Tôi theo các bạn trong xóm đi những chùa quanh miền. Có chùa đi đến mấy lượt xem người ta

hún đu trước sân. Rồi đánh tam cúc. Rồi chui đầu vào đám thò lò. Và đợi thò lò chiêm miệng thì xô vào ù lò. Chỉ nghĩ khoác lác thế chứ chẳng bao giờ cướp được một chinh nào. Có khi còn bị xô, ngã sảy cả hai đầu gối. Mà vẫn cứ thích đứng hóng. Mồng bốn tháng giêng lên quán việc làng. Đến tận mùng bảy hạ nêu mới tan thò lò. Bánh chưng đã có chiếc chua góc, phải rán. Nồi cá chỉ còn riêng. Hết tết rồi. Trời đã màu thiên thanh và có nắng. Những con chim chào mào bay đến hót xao xác. Một hôm, u tôi nói như hỏi:

- Tết năm nay, nhà có em bé mà chẳng thấy giấy má của "anh" mày gửi về.

Bao giờ tết đến thầy tôi cũng có thư. Năm nay, đã ngoài rằm mà không tin tức gì. Cuối tháng giêng, u tôi bảo:

- Ngày kia u đi bán giấy, cháu xuống Kẻ Chợ nhân thể. Ăn tết thế là xong rồi.

- U mới ở cũ em bé mà.

- Trong nhà chẳng còn đồng nào.

Tôi như chợt nhớ ra. Bấy lâu mê chơi tôi quên phớ xá rồi.

Nghĩa là, tôi sợ ra Kẻ Chợ quá. Nhưng u bảo tôi đi. Bà tôi bảo tôi cố học, mai sau cho bà nhờ. Năm trước, thầy tôi viết thư hứa khi nào đi học trường nhà nước, thầy mua cho cái xe đạp con. Tôi lại ngậm ngùi mà đi.

Một buổi sáng tôi trở lại phố Hàng Mã. Tôi ôm bọc quần áo. U tôi quảy một gánh giấy phen đi bên cạnh. Xuống đến chợ Đồng Xuân, u tôi gửi tôi vào một cửa hàng quen. Tôi đứng đợi đấy, để u tôi đi bán giấy. Lúc ở trên tàu điện, tôi đã hẹn: "Phải cho ăn nem, rồi mới vào nhà chú Tường".

Mỗi lần ra Kẻ Chợ, tôi lại được u tôi cho tôi ăn nem rán.

Đi với bà, với dì Niêm cũng được chén như vậy. Có một hàng nem rán ăn quen. Bà hàng nem ngồi kia, giữa chợ, xung quanh châu ba cái hoả lò than hồng. Một thúng bún lá trắng trần lót từng lớp lá chuối để trước mặt. Hai rổ rau xà lách nõn trộn với húng láng và rau muống chẻ. Một hoả lò nướng chả. Những cặp chả lợn bốc mùi thơm ngạt mũi. Một hoả lò đội cái chảo lớn rán nem. Chảo mỡ sùng sánh, những chiếc nem dài, nổi trên mặt mỡ xèo xèo sủi tăm. Bà hàng vớt từng chiếc chồng đồng lồng lên tấm lưới sắt dăng kín nửa chảo. Ba tấm ghế dài vây bọc ngoài cùng. Trên ghế, khách ngồi sát cánh tít tít ăn. Bốn bề chợ ồn ào. Bà hàng quạt chả, cắt nem, bóc rau, pha dấm vào nước mắm, rút đũa, nhanh thoăn thoắt. Mặt bà hoa, trắng tròn như nửa bát bánh đúc bột. Bà làm liền tay đồng thời ngẩng mặt mời người qua lại: “Bà cho cậu xơi quà. Bà ơi...”

Tôi ngồi xuống ghế, u tôi gọi cho tôi một mẹt nem năm chiếc, xu một cái. Mẹt nem bỏ lẫn rau xà lách. U tôi thì ăn bún chả. Những miếng nem vàng ngậy, nhân thịt trộn miến chín nục. Tôi chấm miếng nem vào nước mắm dấm rồi đặt xuống lòng bát lót mấy cánh rau xà lách. Tôi và lùa một cái ngồm ngoàm nhai. Vị chua lại đậm, pha giòn ngọt. Những mảnh bánh đa bị vỡ rơi vụn trên đĩa, nhá ròn rau rầu. Tôi chỉ ăn hết năm chiếc. Nhưng hai con mắt tôi trông miếng nem giòn vàng vả vào nước mắm dấm vẫn thấy thèm. Một thằng bé bán nước đứng kê đáy rót nước vôi ra cái cốc bằng hộp sắt tây đựng sữa bò. Một đứa cầm quạt nan xán đến, quạt phành phạch. U tôi phải xua mấy lượt nó mới chịu ra chỗ người khác. Có lão ăn mày xin khách cho ăn những chiếc xà lách thừa và dấm cặn. Lão ngồi phệt, nhai rau, húp nước chấm xì xụp.

Đã đến lúc phải vào nhà chú Tường. Tôi còn nài u tôi đưa đi dạo chơi mấy phố. Nhưng u tôi bảo:

- Phải về sớm. Đi lâu cái dĩ ở nhà nó khóc.

Tôi nghĩ như u tôi đương điệu tôi vào bóp đội xếp. Trông thấy tôi, bà cụ hàng Mã nhớn cái cười xám mai mái. Cái cười mà lại đáng sợ hơn. Cả bà Thấp cũng ngồi đấy. Bà Thấp xoa đầu tôi, bồm bồm nói:

- Thằng cháu nhà bác hiền như đất. Cả ngày chẳng nói một câu.

U tôi chào cả nhà, xách cái đẩy và đôi quang gánh ra cửa.

Thế là tôi trở lại cuộc đời năm ngoài cộ chai và vằn những cái lớp ô tô vẫn đứng lù lù bên góc tường. Như nó đợi tôi xuống để tôi vằn nó ra bày hàng.

Tôi lại làm các việc như năm trước. Tối, nằm ngoài cửa hàng, ngủ áp mũi vào lưng chú Tường. Chú đưa tôi một cái díp bet. Chú phòng một bên mép. Tôi nhỏ ria cho chú. Vài ngày một bận. Những hôm nắng ráo, tắm xong, chú cời trần ngồi giơ một tay lên đầu. Tôi cầm cái díp nhỏ lông nách cho chú. Nhỏ đến sạch trắng nhể nhại, chẳng còn một sợi. Ngày tháng lặng lẽ qua.

Không mấy khi tôi đi ra khỏi phố. Chú Tường cứ phải giục tôi ra cửa chơi. Một tối có đám rước đèn của nhà binh giễu từ Cửa Đông qua đầu phố. Chú Tường bảo tôi ra xem. Tôi ra thấy đông người quá lại lộn về đứng trong cửa, nghe tiếng kèn toè toè và tiếng trống rầm rộ. Tôi chỉ ngồi nhà nghe mọi cái sự vật chuyển quanh mình. Những câu chuyện chú Tường, chú Phúc, bà Thấp nói chuyện hàng thầu trong tỉnh giá hàng tầm tầm kỳ này cao hay hạ. Đôi khi, lan man đến chuyện người cô đầu vợ lẽ ông Phán trên gác. Cậu Tịnh bàn về xe đạp. Xe đạp cậu Tịnh là xe đạp tài tử, ăn chơi. Không phải xe đạp cửa hiệu gõ kỳ cách kiếm cơm. Cua rơ Bồng đương kim vô địch Bắc Kỳ. Cậu Tịnh quen Bồng, lại quen cả Cồng nữa. Hai anh em nhà nòi, đạp đường vòng chèn đến Tây cung bỏ hơi tai không lên được. Cậu

bảo cậu quen thân Bổng và Cồng, bắt tay luôn. Hay đi cao lâu, và gọi nhau *toa, moa* là sự thường.

Chú Luyến tôi chỉ tán về bóng tròn. Chú Luyến lộ yết hầu cổ, ngực lép như mai con cua mặn. Vậy mà chú chỉ thích xem đá bóng. Chiều chủ nhật nào cũng phóng xe đạp lên bãi Cột Cờ. Bấy giờ hội bóng "Sì tát" đương danh tiếng lẫy lừng, át cả đội Lạc Long. Tay gôn Nhuận bắt bóng đúng như gắn nhựa vào tay. Mỗi lần đi coi đá bóng về, chú Luyến với cậu Tịnh hùng hổ bàn mấy ngày chưa dứt về bóng tròn, về cái cầu tướng, về môn xe đạp. Tôi ngồi lau giày bên gậm phản tưởng tượng như chính tôi cũng vẫn đi xem thi xe đạp, đi coi đá bóng. Bổng khoẻ như con voi, anh có một chèn đặc biệt. A-ri-e Phay sút cú một thế nào, sút rớt đầu ra sao. Tôi thạo cả.

Tôi lại biết tin tàu Cáp Lay đắm, cô Tuyết Hồng tự tử... Xăm tôi những đứa trẻ, nách cấp tập báo, nhõn thoát chạy phố này sang phố kia. Chúng rao rầm rầm *Hà Thành Ngọ báo một xu một số ơ, ơ...* Các tin quan trọng hay ngộ nghĩnh thường được trẻ rao rành rở lảm. *Tàu Cáp Lay đắm ơ... Đám cưới mất cô dâu ơ... Người đẻ ra lợn ơ... Buồng chuối trăm nải ơ...* Tôi đứng trong cửa được nghe không mất tiền những tin tức mọi nơi.

Ngày tháng đều đặn qua. Mùa hạ đến. Chú Luyến đi thi. Chú đi thi vào trường Bưởi. Hai năm, hai lần chú thi. Lần nào, trước khi đi bà cụ cũng pha một cốc sữa bò và mua chiếc bánh tây. Năm nào chú cũng trượt vì thấy chú chỉ đi thi có mỗi một buổi. Hôm sau lại cời trần, lằm lì ngồi nhìn xuống sách. Cả nhà, không một ai dă động đến chuyện thi cử.

Chú Tường lo việc thi của tôi. Tôi sắp phải thi vào trường Cửa Đông. Chú bảo tôi:

- Chú xin cho cháu vào lớp *ăng phăng tanh* trường Cửa Đông. Phải thi mấy cái tính. Cháu biết làm tính cộng, tính trừ chưa?

- Có

- Cháu biết làm tính nhân chưa?

- Có Nhưng cháu chưa thuộc cửu chương.

- Thế thì phải học cửu chương.

Tôi học cửu chương. Đã lâu, chẳng học hành gì, không cầm đến cái quản bút, bây giờ bỗng học môn cửu chương khó quá. Đến bây giờ mỗi khi thấy bản cửu chương ở cuối quyển vở của trẻ, đặc xẹt, ngang dọc, lổm ngổm những con số rắc rối tôi còn ngại. Chú Tường không đánh tôi bao giờ. Thế mà tôi học cửu chương, chú cũng phải cốc tôi bươu đầu. Tôi càng lú thêm. Không thể nào tôi thuộc để chú hỏi vặn được, chú chán đành cho tôi thôi. Tạm thuộc thế, cũng đã tốn một tháng. Tôi xếp khoa cửu chương lại, đợi đi thi.

Đến hôm thi, bài thi vào lớp bát, một con tính cộng, một con tính trừ. Tôi cuống quýt thế nào, tôi đã biết làm tính trừ hẵn hoi mà lại nhầm làm ngược cái tính trừ từ hàng trái sang phải.

Về xem bài, chú Tường lắc đầu:

- Dẫm vỏ chuối rồi.

Thế là tôi hỏng thi. Từ ấy, việc thi vào trường Cửa Đông của tôi cũng không ai đả động đến nữa. Tôi lại đánh giầy, vắn cái lớp ô tô.

Đã lâu, thày tôi không có tin tức về. Từ năm ngoái, chẳng nhận được một lá thư nào. U tôi gửi thư. Chú Tường gửi thư. Bác Cả trong nhà quê cũng gửi thư nữa. Đều không có trả lời.

Lần nữa, mùa hạ qua. Mùa thu đến. Cuộc sống vẫn một khuôn quen thuộc. Nỗi nhớ nhà cũng khuây khoả trong công việc hằng ngày. Tôi quên hẳn việc sách vở. Tôi làm khoẻ. Tôi ăn khoẻ. Mỗi bữa, tôi lùa

hết ba bát lèn. Tuy vậy người vẫn kheo khư, như con cá rô đực. Một hôm bỗng chú Tường ngám nghĩa tôi, rồi hỏi:

- Đầu cháu làm sao mốc trắng lên thế?

- Cháu không biết.

Ít lâu nay, một bên đỉnh đầu tôi tự dưng nổi mốc trắng.

Tôi soi gương, thấy một mảng nhờ nhờ to bằng đồng bạc. Dần dà, vết mốc loang to. Mỗi hôm, tôi ngắm đầu tôi trong gương càng sợ. Trước thóp, bên thái dương, chỗ nào cũng gờ trắng. Tôi cúi đầu gãi. Phấn bụi bay ra lản tẩn.

Bà cụ hỏi vặn sao đầu tôi giờ chứng như thế. Tôi chỉ biết cúi mặt. Trong khi đó, bà cụ cứ nhìn vào đầu tôi mà tả cho cả nhà nghe. Tôi cũng thấy kinh sợ như bà cụ nói: Nổi từng đám. Cái vảy to như vảy cá. Nó có mùi tanh tanh.... Ruồi muỗi bay theo thẳng bé nhiều lắm.

Tôi càng ngẩn ngơ cả người. Tôi ngồi yên hàng giờ, đăm đăm ngó ra đường phố. Mà không trông thấy chi hết. Tự hỏi không biết anh Khả Dân trong truyện *Vô gia đình* đầu anh ấy có mốc như đầu tôi không? Tôi nghĩ cắn cái đầu mốc. Giá mà tôi có pháp thuật cao cường như Trần Đoàn lão tổ, như sư phụ Vương Thiền, tôi hoá phép cho cái Hiên hoá ra con chó giữ cửa động cho tôi. Tôi làm cho cái đầu tôi khỏi mốc. Hứng chí, tôi lằm rằm đọc thần chú. Tôi hô một tiếng, nhổ thử một sợi tóc, soi lên trước mặt. Một tay tôi múa như phe phẩy lá cờ phép.

- Ở hay, thằng bé này phát rồ rồi a?

Bà cụ hàng Mã đứng trước mặt từ lúc nào. Hai con mắt quăm quặm. Tôi bối rối quờ quạng vớ mảnh giẻ đánh giầy. Bà cụ bảo chú Tường:

- Từ ngày đầu nó hoá mốc, tao để ý thấy thằng bé thế nào ấy. Ngồi một mình nó cũng rì rầm nói lảm nhảm. Thử xem hay là trả nó về Bưởi.

Chú Tường đáp:

- Nó chỉ phải cái đầu mốc thôi.

Và chú ngó tôi, cười. Đuôi con mắt nheo nheo hiền lành.

Một hôm, cái Hiến đau mắt. Tôi chưa thấy ai đau mắt gớm ghê như nó. Có một đêm, hai mắt phồng như quả nhót mọng hùm hụp. Sang ngày thứ ba, đúng là quả trứng gà đỏ đồng đọc lấp kín mắt, sưng đỏ tía cả nửa mặt. Cái Hiến đau khóc ngằn ngặt cả đêm. Rồi chú Phúc mang Hiến về quê bên Bắc. Bố cũng con đi, một buổi sáng tinh sương. Chẳng biết rồi mắt nó có khỏi không. Tôi không gặp lại nó một lần nào nữa từ đấy.

Cái Hiến về quê, bà cụ hàng Mã thương cháu, thỉnh thoảng lại khóc. Nhưng bà cụ vẫn không quên nói đến cái đầu mốc và nét mặt sắp hoá dở hơi của tôi. Bà cụ cho rằng bởi tôi mà động trệ, cháu bà cụ đau mắt vì thế. Tôi là cái hăm tài, cái vận áo xám nhà này. Chú Tường không thể đem chuyện tày đình đó để pha trò được.

Bà cụ nhấn người xuống đón tôi.

Bà tôi ra. Bà cụ hàng Mã kể lễ ngọt ngào, ngoài cửa hàng. Tôi lặng lẽ thu dọn quần áo của tôi. Tôi, nửa buồn, mà cũng không buồn. Không cách nào lấy cấp được quyền *Vô gia đình*, tôi bèn để lại bên khe bàn, như là con tàu vào tránh bão ở đấy. Bà cụ hàng Mã đưa bà cháu tôi ra phố vào một hiệu thuốc. Ông lang bắt mạch tay tôi bảo:

- Cháu hoả vượng quá. Nó bốc lên đầu hoá bạch biến. Tôi chữa cái này quen lắm. Hai thang là khỏi.

Tôi về Nghĩa Đô ngay chiều ấy. Bà cụ đưa tôi sang chào bà Thấp. Cậu Tịnh và chú Luyến đi xem đá bóng. Bà Thấp ngồi phề phề giữa phản, tròn như cái âu đồng đại. Bà nhai trầu bồm bồm. Bà vuốt má tôi, bà cười. Tôi đi qua sân bếp. Cái cửa sổ gác màu xanh đại nắng lợt lạt đóng im ỉm.

Chú Tường đưa tôi ra tận đầu phố. Chú cười, hai con mắt nheo nheo.

- Bao giờ khỏi đầu lại xuống với chú nhé!

- Kìa chú dặn. Vâng đi.

Tôi không vâng được. Tôi vội ngược mắt phía khác. Nước mắt đã ràn rụa xuống. Nước mắt nhớ chú Tường hay nước mắt tôi sợ xuống Kẽ Chợ lắm rồi.

Tô Hoài

Cổ đại

Chương 10

Hai năm ở hàng Mã, tôi đem về được mấy hòn bi sắt và cái búa đánh tí hon. Chẳng thêm một chữ nào trong đầu. Các dì tôi ngạc nhiên xiết bao, khi thấy tôi biết nhặt rau muống cọng nõn thối cơm thạo ve vé. Dì Niêm bảo: "Cháu ra ngoài ấy học chữ hay là đi làm thằng ở thối cơm?" Tôi không biết đáp thế nào. "Có cháu học chữ chứ lý". Nhưng thực tình trong các thứ kỷ niệm của hai năm thành phố, chỉ có cái đầu mốc rụng tóc. Chén thuốc ông lang bảo "chỉ hai thang là khỏi" chẳng ăn thua gì. Bã thuốc đã đổ ra rãnh chuồng lợn mà đầu vẫn mốc lại loang to hơn, lấn cả xuống gáy. Thoạt trông như vết con giời leo, nổi gờ một đường vòng tròn. Ở trong da đỏ sần sùi như da cóc. Ông tôi nói:

- Đầu thằng này hắc lào lang ben rồi.

Rồi ông tôi cắt nghĩa:

- Lang ben là cái hắc lào đầu. Nó còn ăn loang xuống mặt kia. Cái này là mày nghịch tình đi chui rúc vào bờ vào bụi phải cái sương độc rơi vào tóc, bây giờ phát ra. Không chữa nó hoá hủi.

Bà tôi bảo:

- Trẻ con như cái rau ghém, thiếu gì bệnh. Nghe ông nói ghê cả thịt. Có người mách bôi mật lợn thì khỏi. Lập tức ông tôi mang tôi ra đằng sau nhà. Người mài con dao thực bén, lia qua mấy nhát, đầu tôi đã trụi hết tóc. Bà tôi xin trên chợ một chiếc mật lợn. Ông tôi xé lần bóng, đem phiết cả cái mật lên đầu tôi. Tôi ngồi phơi giữa sân. Mỡ và mật lợn nhầy nhụa. Mật lợn gập nắng, tanh khẳn tanh lợn

mửa. Tôi hắt hơi lia lịa, đầu cứ rúc chúi xuống. Tôi mó lên đầu, đầu khô cứng như không phải cái đầu tôi. Không ai dám đứng cạnh tôi. Bữa cơm, tôi cầm bát cơm ăn một mình ngoài bậu cửa. U tôi gọi đầu cho tôi, cọ đến bốn lượt xà phòng rồi. U cầm mảnh lược thưa, bừa đi bừa lại. Tôi đánh hơi, vẫn còn phảng phất tanh.

Ông tôi phiết lên đầu tôi hai chiếc mật lợn nữa. Nhưng đầu vẫn mốc. Dì Nhâm tôi ở Vân Nam về. Dì Nhâm là em thứ hai ngay sau lưng u tôi. Chồng dì là *anh phiếc me* cho nhà lãnh sự Pháp bên Vân Nam. Ông y tá lấy dì tôi đã có một đời vợ nhưng bà ký Nhỡ này không có con, nên ông ấy bỏ. Dì Nhâm đi Vân Nam đã lâu, tôi không biết mặt. Tôi chỉ nghe kể chuyện dì Nhâm đọc kinh bên đạo: *Đức Chúa Trời có mười cái răng*. Lần này tôi mới biết dì Nhâm. Dì Nhâm không giống một ai trong nhà. U tôi thì vừa người. Dì Tư, dì Niêm thấp bé. Dì Nhâm béo tròn, da ngăm đen, mặt phình phính. Không một nét gãy. Vẻ đanh đá, đáo đẽ. Dì Nhâm đem cả cái Nhâm và cái Châu về. Cái Nhâm kém tôi hai năm, nó chín tuổi. Còn cái Châu thì lên bảy.

Chẳng biết Vân Nam tận chân trời góc bể nào, nhưng chắc là ở đấy sung sướng lắm. Cái Nhâm trắng như bột. Hai mắt Nhâm lay láy, óng ánh. Tóc Nhâm đen mượt, xén gọn, rủ đều xuống lưng trán. Cái Châu giống mẹ, béo ục ịch và đen như củ cải. Nghe nói đi chuyển tàu hoả năm xưa lên Vân Nam, dì Nhâm sinh nó dọc đường ga Á Minh Châu. Vì thế, nó được đặt tên là Châu. Qua vài ngày bố ngỡ, tôi hơi quen, rồi thân ngay. Chúng nó có bao nhiêu là quần áo, bỏ chật hai cái hòm. Các quả lê, quả táo, quả hồng hoá dì Nhâm còn đem về những cái lạp xường đỏ mọng béo nhòn. Mấy miếng *ca la thầu* đen sì nhá tròn như cà.

Ở bên Vân Nam, chồng dì Nhâm đã thôi việc nhà thương. Dì tôi có ý về thăm nhà, rồi định ở làng và đi buôn đường Vân Nam. Ở làng, nhà dì cũng có một mảnh đất và một nếp nhà ngoài xóm Trẽ, vẫn để người ta ở nhờ.

Được ít lâu, bác Phùng chồng dì Nhâm cũng về. Bác Phùng về thì Nhâm và Châu đã ra ở ngoài xóm Trẽ. Tôi còn nhớ buổi chiều tối, Nhâm vào rủ tôi ra chơi ngoài nhà. Những buổi tối mùa lạnh. Đường xóm chập choạng vắng. Hai anh em cầm gậy, dò từng bước. Gió thổi hun hút trong rặng tre kéo kẹt bên đường cái.

Nhà Nhâm đã lên đèn, đóng kín cửa. Trong nhà, ánh sáng đỏ kẹch. Phản giữa, dì Nhâm ngồi khâu. Gian bên, bác Phùng nằm hút thuốc phiện. Bác Phùng nghiện. Ở bên Vân Nam, thuốc phiện rẻ như thuốc Lào, ai cũng nghiện hút cho vui bác bảo thế. Ngọn đèn dầu lạc bóng lùn sáng lập lờ. Bác ọ, ngoáy, xoe. Bác hút... ro... o... ro... o... khói toả mùi thơm gây gây Bác nằm thừ giữa làn khói. Mặt bác phảng phất, ẩn hiện, lung lay trong khói mờ.

Chị em Nhâm quen ngồi châu bàn đèn của bố từ thuở lọt lòng. Tưởng như chị em cái Châu đã nghiện khói thuốc phiện. Lệ, chập tối, Châu xà đến bàn đèn châu rìa. Chốc chốc, cha lại cho con miếng lê, miếng bánh. Những tối mà Châu không được ngồi vào bữa hút của cha, Châu gật gù hất hơi vặt. Mẹ bèn cấm không cho Châu ngồi cạnh bàn đèn nữa. Tôi không nghiện khói thuốc phiện mà tôi thèm những miếng kẹo sùu để hãm thuốc của bác Phùng. Lúc nào bên khay đèn bác cũng có một gói kẹo sùu bọc giấy nhật trình. Những thoi kẹo dài, bác Phùng ăn, sau mỗi lần kéo một hơi ro... o ro... o. Bác cho chúng tôi ăn kẹo. Bác lấy một miếng kẹo, bẻ đều làm ba. Mỗi đưa chén một khúc. Kẹo sùu ngọt quánh, thơm và bụi ngấy mùi lạc. Tôi nhắm từng mảy một, không bao giờ chán.

Điểm vào vị ngọt bùi của kẹo sùu, bác Phùng lại kể cho tôi nghe những chuyện anh hùng nghĩa hiệp bên Tàu. Bác Phùng kể nhiều chuyện ly kỳ ghê gớm. Tiếng bác khàn khàn đều giọng như tụng kinh: "Cháu đã biết truyện Thuỷ Hử chưa? Chưa hả? Trong truyện Thuỷ Hử có hàng trăm anh hùng. Cả nước Tàu có hàng nghìn hàng vạn anh hùng, sao kể xiết được, ở bên Tàu bác quen một người...".

Người nào bác tôi quen cũng khiếp cả. Người ấy giỏi võ như võ sĩ chùa Thiếu Lâm. Một ngày kia ông đi du lịch với một ông nữa, cũng giỏi võ ngang ông ta. Tới một miền nọ nghe đồn có cô con gái kén chồng. Ắ kén chồng một cách oái oăm. Cô thách ai đánh ngã nổi cô, cô sẽ lấy làm chồng. Ông bạn bác tôi hăng máu, xin vào thử thách. Chân tay không hai người đánh nhau ba ngày đêm chẳng phân được thua. Đôi bên tạm nghỉ một ngày. Ông quyết tìm một miếng võ hiểm để hạ cô ả kiêu căng. Ông nhớ ra một miếng đá đà đao. Đấu võ tiếp theo nửa ngày, ông giả cách đâm hụt đà, chúi xuống. Người con gái nhảy theo. Bất ngờ, ông phóng cả hai chân đá hậu vào mạng mỡ kẻ địch. Nhưng dường như đã đoán trước được miếng võ hiểm ả nắm được cả hai chân ông phóng tới. Ông này vận nội công, người cứng như khúc gỗ. Song bàn tay cô gái còn cứng hơn, cứ nắm chặt, giờ ngang cái thân thẳng đơ của ông như thân cây. Đôi bên đứng ngang dọc như vậy hai ngày. Ông nhà võ lại chột bối rồi không biết gỡ thế nào. Ông bạn đứng ngoài xem cũng lo thay. Song ông ở ngoài tỉnh táo hơn ông kia. Ông nhớ ra một miếng. Ông máy tay làm hiệu cho bạn. Ông bị túm chân sức tình, liền tung vút người lên. Không kịp phòng bị, ả ngã lăn chiêng. Thế là đôi bên lấy nhau.

Bác Phùng nói chuyện càng khuya càng nhiều, càng hay.

Có lẽ bác hút vào thì bác thích nói, hơn là nói cho chúng tôi nghe. Châu thờ khò khò từ nãy. Nhâm cũng ngủ rồi. Tôi gà gà hai con mắt.

Câu chuyện trượt ngoài lỗ tai, loáng thoáng tiếng được tiếng chẳng. Rồi tôi cũng ngủ nốt. Sáng sớm dì Niêm ra gọi về ăn cơm những mảnh chuyện đêm qua còn lẫn trong cơn ngái ngủ. Tôi nhìn bác Phùng khiếp phục như chính bác là người trong chuyện. Bốn phương trời trong những núi cao rừng rậm mà tôi chưa được biết, còn nhiều người tài ba tuyệt diệu. Tôi lại vót cái kiếm tre và sửa thanh gươm gỗ. Gáy gươm, bôi mực. Đằng lưỡi bôi vôi trắng. Thỉnh thoảng ngồi đờ mặt, tưởng tượng chuyện luyện phép và nghĩ cách lên núi tìm tiên học đạo.

Dì Niêm đã bắt đầu đi buôn chuyển lên Vân Nam. Mỗi lần đi, hàng một hai tháng mới về. Ở nhà, chúng tôi tha hồ làm ngụy. Tôi đóng vai thủ chỏm và làm tướng trong đám.

Bây giờ tôi còn nhìn thấy trong tưởng tượng một góc vườn vắng mát rượi. Vài cây chuối tiêu lùn tàu lá to uốn cong.

Chúng tôi chơi bán hàng, chơi làng và chơi đình chùa. Tay tôi cầm gươm. Lưng tôi thắt bẹ chuối. Lá chuối tước nhỏ đeo vòng xùm xoe trên miệng giả làm râu. Niêm đóng vai nữ. Còn Châu thì làm lính, cầm cái que đi hầu. Chúng tôi hát ỉ eo. Mẹ đi vắng. Thày cũng ra chơi Kẽ Chợ. Chúng tôi tha hồ làm trò.

Chẳng bao lâu, đầu cái Niêm và đầu Châu cũng lở đổ lang ben hắc lào trắng như đầu tôi. Mới chỉ riêng tôi trông thấy. Bởi vì hai chị em nó tóc xoã kín thái dương, không ai hay biết. Cả ngày chơi ngoài vườn không ai nhớ gọi đầu cho hai đứa.

Mẹ Niêm đi mấy chuyến hàng chẳng ăn thua gì. Thày Niêm không tìm được việc làm. Cái ý định về mưu sinh ở quê nhà không thành. Một hôm, bác Phùng vào uống rượu với ông tôi. Tối hôm ấy, bác ra tàu Lào Cai, lại sang Vân Nam. Bác sang trước, chạy việc. Vả chẳng, thuốc phiện ở nhà đắt quá.

Bây giờ, nhà Nhâm thực vắng. Mẹ vẫn đi luôn. Hai chị em, ngày ăn cơm trong bà, tối về nhà ngoài ngủ. Tôi vẫn khoe với chúng là tôi giỏi, tôi có võ và tôi đang luyện phép nữa. Nhưng tôi chưa dám ra ngoài ấy ngủ trông nhà với chúng nó lần nào. Tôi sợ ma.

Có một bận, mặt trời đã lặn sau bụi tre. Cơm chiều xong từ lâu mà không thấy chị em Nhâm vào ăn cơm. Ông tôi sai tôi ra gọi. Tôi rút thanh kiếm tre trong xó ngõ, buộc vào một bên cặp quần. Lối vào nhà Nhâm hun hút giữa hai bờ ao lớn ra sát cánh đồng. Gió đồng quạt vào bụi tre ùng ùng như bão cạn. Bên bụi tre nhô ra một mòm đất, người lối xóm gọi là gò Thần Đất. Ông thần đất ấy linh lắm. Tôi nhắm mắt, chạy vù qua.

Tôi rón rén vào ngõ. Tôi kiễng gót, giờ kiếm bước lên đầu hè. Trong nhà tối om. Tôi bình tĩnh dặng háng một tiếng nhòm vào buồng đầu hồi. Tôi thấy trên giường, chị em Nhâm đương ngủ. Cái Nhâm nằm úp mặt vào vách. Hai tay Châu ôm lưng chị. Mùi đất ẩm mốc xông lên lạnh rợn. Tôi bỗng nghĩ hay là cái Nhâm, cái Châu chết rồi. Thế là tôi quay vội ra. Rồi tôi chạy. Tôi mở hết sức chạy về đến tận đầu sân mới hãm chân lại. Ông tôi hỏi:

- Chúng nó đâu?

- Chúng nó đâu...Cháu không biết...Hờ...hờ...

- Làm gì mà mày thở như bò thế?

Mãi đến tối, dì Bảy mới vác gậy đi xem chị em nó thế nào. Chúng đã ngủ kỹ.

Sáng hôm sau, Nhâm và Châu dắt nhau vào nhà bà sớm. Bà hỏi đi đâu không vào ăn cơm chiều? Nhâm đáp chị em luộc khoai lang ăn, rồi ngủ, quên mất bữa. Hai chị em tha thui như hai con gà con lang thang ngoài vườn. Cha đi rồi. Mẹ vắng nhà hàng tháng. Hai cái đầu tóc bù phờ lên. Dì Niêm hò hét mấy lần chúng mới chịu thay quần

áo. Hai mắt Châu toét nhèm, nhoe nhoét nhử xanh. Phấn mũi vàng nhờn nguệch râu lên tận má. Quần áo hôi và khai đến nổi đi thoáng qua cũng ngửi thấy mùi. Đầu hè xó ngõ, đầu Châu cũng nằm ngủ được.

Chuyến về ấy, mẹ Nhâm thấy Nhâm và Châu nhem nhuốc, bẩn thỉu quá, bèn cho mẹ con nhà thằng Lặc ở nhờ nhà ngoài ấy, nhân tiện, nuôi Nhâm và Châu. Mẹ con nhà Lặc, người dưới Thái Bình, lưu lạc lên quay tơ cho bà tôi. Cu Lặc trạc mười lăm, mười sáu, béo tròn múp míp như con quay. Hai mí mắt nó có ve loãn xoắn. Đây là mí mắt được cặp lên cho khỏi toét mắt. Mỗi khi ăn cơm no, bụng Lặc phưỡn ra phình như bụng chum.

Mẹ con Lặc được ra ở thành thơi ngoài dì Nhâm tôi. Nhâm và Châu ăn cơm nhà, ít lượn vượn vào trong bà. Mẹ Nhâm bắt mẹ Lặc cấm không cho chị em Nhâm đi chơi vớ vẩn ngoài đường cái như trước kia. Lâu nay, tôi cùng làm *xấm* giấy đỡ u. Muốn đi đâu, tôi phải hỏi u. U tôi nhổ một bãi nước bọt xuống đất, bảo tôi: “Ừ, cho đi chơi một tý. Bãi nước bọt này, đi chơi về mà khô thì chớ chết đấy?” Tôi vâng, chạy một mạch ra nhà Nhâm. Rồi bao giờ cũng mãi chơi, quên cả bãi nước bọt khô, chiều cũng chưa mò về. Tôi còn đương hát tuồng ày ầy ây. Chợt, cái Nhâm bảo:

- Kìa, u anh ra gọi anh kìa!

Tôi quay lại. U tôi đã vào đến sân, tay lăm lăm cầm cành tre. Tôi rút vội mấy mảnh râu chuối lua tua trên cằm.

- Có về ăn cơm không?

- Vâng.

Tôi cung cúc chạy về. Bỏ lại cả gươm với kiếm. Vài hôm lại một lần u vác roi đi tìm tôi như vậy. Tôi ở nhà như ở tù sao mót đi chơi như thế. Chỉ chạy ra chơi với chị em nó. Bây giờ thì cả nhà đều biết chị

em nó cũng mọc đầu như đầu tôi. Những chỗ khoanh hốc, tóc rụng thưa dần dần, lộ từng khoang trắng. Đầu tôi bị ông tôi cạo từ dạo trước. Rồi ông tôi liếc dao cạo trọc đầu cái Châu. Cái Nhâm không chịu cạo. Ông tôi lấy kéo phớt những sợi tóc còn sót lại trong những khoảng đầu mọc. Thành thử, đầu Nhâm loáng thoáng điểm những lỗ hồng tròn sau tóc. Chiều nào, ba chúng tôi cũng phải gội bằng nước lá cúc tần. Người ta nói lá cúc tần có chất đắng giết chết trùng. Nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Mẹ Lặc dìm đầu Châu xuống chậu, cứ móng tay sắc cào sồn sột. Đau quá, Châu kêu. Mẹ Lặc tát Châu, bắt Châu "Câm mồm ngay". Châu phải im cúi đầu cho mẹ Lặc vò.

Mẹ Lặc mặc váy nâu bạc phếch, mặt vàng bệch lấm tấm rỗ huê. Miệng mụ rộng hoác. Nhưng chẳng bao giờ thấy mụ cười. Mụ nheo mắt, méo xệch miệng, dứ dứ ngón tay, định cũng xuống đầu Nhâm. Tôi cũng sợ. Mẹ Lặc thực là ác. Hôm nào mụ cũng đánh thẳng Lặc. Nhưng mụ vừa giơ tay, Lặc đã lu loa, kêu rầm xóm, như con lợn bị chọc tiết. Hôm nào mụ cũng đánh Nhâm, đánh Châu. Mụ mang tờ trong bà tôi về ngoài ấy làm. Mụ đặt rổ tờ giữa nhà, ngồi quay. Cu Lặc bên cạnh mẹ, cũng phải gật gưỡng tập xóc ống. Chị em Nhâm len lét chơi tận cuối vườn. Tôi vào đến đầu hè, nhón nhác ngó mụ rồi chạy vụt ra ngoài vườn.

Trông thấy tôi, mụ hét:

- Thằng quỷ! Thằng quỷ! Hôm nay mà hai con ranh vầy đất lấm áo thì bà bảo cho chúng bay!

Không bao giờ tôi muốn đi ngang sân. Đằng cuối vườn cũng có một lối khác vào. Lối ấy qua gò Thần Đất. Tôi chỉ lách mấy cụm dứa dại đã lọt được đến sân đất. Nhưng vốn sợ ông Thần Đất hơn sợ mẹ Lặc, tôi không dám chui đầu luồn rặng dứa dại. Đành lấm lét chạy qua sân. Mụ cho chị em Nhâm ăn cơm với tép kho, với tôm muối.

Bữa nào hết tép thì ăn cơm trộn tương. Mụ da diết than vãn rằng mẹ Nhâm để gạo thiếu không đủ ăn cả tháng. Có hôm, mụ Lặc đánh chị em Nhâm rồi đuổi ra vườn, bắt nhện bữa sáng. Tôi ra chơi thấy hai chị em nó đứng tần mẩn bóc bẹ chuối, thút thít khóc với nhau. Tôi cũng khóc. Khóc chán, chúng tôi bày trò đấm ma chôn con mẹ Lặc. Tôi chống cái cẳng xoan, một tay bịt miệng cúi khom, bước theo hai chị em. Tôi chống gậy giả cách là thằng Lặc. Nhâm, Châu khiêng cái bao diêm đặt trên mấy chiếc que nứa. Ba đứa cùng gạt mắt, vờ khóc hi hi. Nhưng chỉ một chốc, chán cuộc chơi. Không quên được đói, đương khóc bỡn, Nhâm và Châu hoá ra khóc thật. Tôi chạy về, xuống bếp, lấy hai củ khoai lang. Ba anh em ăn, nhá gau gáu. Khoai nghệ sống ngọt như mía, lại bùi như lạc.

Mẹ Lặc hành hạ chị em Nhâm đến điều, tôi biết mà không dám mách ông bà. Chị em Nhâm cũng vậy. Chúng tôi sợ mụ đánh. Tôi chỉ mong mẹ Nhâm về để xem mẹ Nhâm chửi mụ Lặc. Mặt mẹ Nhâm đen xám. Mỗi lúc giận dữ, mẹ Nhâm gầm rít, quát rất sang tiếng. Tôi hủ hủ. Nhưng rồi mỗi lần mẹ Nhâm đi vắng, tôi thêm lo hơn. Càng ngày, Nhâm và Châu càng bị mẹ Lặc đánh mắng. Nhâm, Châu cứ khóc luôn. Đầu chúng với đầu tôi, càng mốc nhiều hơn.

Ông tôi vẫn chịu khó chữa cho chúng tôi. Ông tôi đem điều hút thuốc Lào ra sau nhà thay nước. Ông gọi tôi, bảo:

- Ngồi xuống đây.

Tôi ngồi. Ông tôi cầm cái nõ điều lòng thòng quét lên đầu tôi. Nước điều xót quá. Tôi cắn răng, nheo mắt, như cả một bó kim châm vào đầu. Muốn khóc mà không dám khóc. Tôi còn sợ ông tôi hơn. Đánh ngời co vai, xuyt xoa nhắm tịt hai mắt. Một chốc, đỡ đau dần. Nước điều nham nháp chảy xuống quanh tai. Một mùi hôi nồng nặc, như cóc chết, giống hơi thối tai. Thoảng vào mũi, hắt hơi liền và nhức

chối óc. Hai tay tôi ôm lấy mũi. Ông tôi đổ nốt nước điều lên chân tường. Trước khi đi vào, ông dặn:

- Ngồi yên đấy, phơi cho nước điều ngấm vào trong đầu. Tao thử làm đầu mày khỏi, tao làm cho cái Nhâm, cái Châu.

Hôm sau, ông tôi cạo đầu tôi thực nhẵn bóng, đổ lên một lượt nước điều nữa. Đầu tôi thâm xỉn như củ nâu. Ông tôi mím mím, gật gù, lại bôi nữa. Khổ tôi, nước điều hơi quá.

Nhưng đến lúc gội đi, màu mốc sần sùi lại lộ ra. Gãi, vảy trắng rơi lờ lờ. Nước điều bám vào đầu, đen đấy. Đến lúc rửa nước, đầu mốc vẫn mốc. Có phần nó lại sùi mặt quỷ, lồi lõm hơn. Mỗi hôm, tôi gội đầu hai lần. Liền nửa tháng mà vẫn như gai gai mũi.

Nhưng ông tôi không nản việc tìm tòi thuốc men vớ vẩn bôi lên đầu tôi để “giết cho hết con lang ben”. Một buổi chiều uống rượu xong, ông tôi bảo:

- Mày ra gọi chị em cái Nhâm, sáng mai vào đây.

Đầu ông tôi ghếch lên chiếc gối cao gồ, nom mặt càng đỏ tía, đến ghê. Sáng sau, hai chị em Nhâm vào trong bà thực sớm, ông tôi đã lợi xuống chuôm từ bao giờ. Bê lên một chậu bùn ao đen xám. Tôi mang máng đoán mình sắp bị đem làm gì đây. Có lẽ ờ có lẽ. Quả nhiên thực.

Ông tôi bắt chúng tôi ngồi xếp dẫy ở đầu hè. Lần lượt ông vốc bùn lên đầu từng đứa một. Ông xoa bàn tay mấy vòng đầu chúng tôi biến ra đầu bọt ốc trên chùa. Bôi xong cả đầu ba đứa vừa hay hết chậu bùn. Ông tôi cắt nghĩa:

- Cái trùng lang ben cũng như cái trùng ghẻ, buổi sớm nó ăn ra. Bùn này là bùn non. Bôi vào, con vi trùng đương ăn ra, bị xót, thế nào cũng chết. Chúng mày ngồi đấy, phơi nắng đến trưa cho khô hẳn bùn.

Ba anh em tôi ngồi lù lù đầu hè. Như ba ông đầu rau đen đũi ngồi trong bếp gio. Giờ đây tôi tưởng lại những buổi sáng thiếu nảo ấy. Nhâm ơi Nhâm! Tôi gọi Nhâm vu vơ dưới ngòi bút, trong ánh đèn dầu đêm mùa xuân này. Có khi nào những dòng ký ức của anh mà em đọc đến, hẳn em không giấu được mím cười ngạc nhiên rằng sao anh khéo nhớ ma mãnh thế. Nhâm đã quên và chắc là bây giờ chẳng còn những ngày rầu rĩ như thế. Tôi thì tôi nhớ dai, nhớ lắm, em ạ. Cây viết lê đến dòng kẻ này, mắt tôi nhìn vào bóng đêm cam lạng lẽ vẫn thấy lại buổi sáng chúng tôi ngồi phơi đầu bùn trước hè, bên cạnh bậc hòn đá.

Nhâm, Châu ngồi chồm hổm trước mặt tôi. Mắt Nhâm toét Nhâm nhìn hó háy. Một đường đỏ hoe nhầy nhựa viền quanh mí. Cổ ngẳng, ghét bản bám thây lầy đen vân vân như vẩy tê tê. Hai bàn tay Nhâm ghẻ tướp. Ngồi một lúc, cứ phải cọ khe tay cho dịu cơn ngứa. Cái Châu cũng ghẻ, bản và toét mắt như chị, tẻ hơn chị nữa. Một bên mắt nó nhử bám tịt chưa mở ra được. Vội chạy vào bà ngay, mẹ Lặc chưa rửa mặt cạy nhử mắt cho Châu. Hai cái đầu đất đắp to bu lu, méo như cái đầu bằng đất thực. Chị em gày gù, bàn tay, bàn chân khô xác. Chúng ngồi rụi vào nhau, ngơ ngẩn như những đứa ăn mày ngồi xó hè xin ăn. Nhớ ngày Nhâm và Châu mới về. Nhâm trắng bột. Mắt hung lóng lánh. Tóc Nhâm thơm phức thơm mát. Tôi ngậm ngùi nhìn Nhâm mà nghĩ vẫn vợ như vậy Nhâm nhếch vành mép lờ trắng, cười, nháy tôi. Ý như muốn làm hiệu ngầm bảo cứ để nguyên cái đầu như thế đến lúc khô, chốc nữa đem gươm và côn ra vườn chơi hát tuồng.

Đầu chúng tôi chẳng khỏi mốc. Bùn ao cũng không ăn thua. Chuyển xuôi Hà Nội cuối năm ấy, mẹ Nhâm ở nhà liền nửa tháng với hai chị em lượp nhóp như hai con mèo ốm.

Mẹ Nhâm bàn gì với u tôi, những chuyện người lớn, tôi không rõ. Tôi chỉ mang máng rằng mẹ Nhâm đi buôn lỗ vốn.

Lần vừa rồi, giữa đường phải vớt hết hàng lậu đi. Mẹ Nhâm phàn nàn hai đứa trẻ bần thủ quá. Mẹ Nhâm túng quần hay cãi nhau. Có hôm, vào cãi tay đôi với bà tôi. Rồi cãi nhau với khắp cả nhà. Tôi hãi dì Nhâm nói to lắm. Khi dì ở nhà, tôi ít ra chơi với Nhâm. Dì hay mắng Nhâm, đánh Châu. Trông thấy chúng phải đòn, phải chửi, tôi khóc. Một hôm, thấy Nhâm ở ngoài ngã ba xóm. Tôi hỏi sao mấy hôm nay Nhâm không vào. Nhâm bảo:

- Mẹ cãi nhau với bà. Em vào thì bà mắng.

- Bà không mắng đâu? Cứ vào.

Một ngày khác, Nhâm khoe:

- Em sắp được lên Vân Nam với thầy.

Lại nói:

- Mẹ em đem chúng em đi.

Tôi im lặng, bối rối. Một lúc mới hỏi:

- Mà có lên trên ấy, nhớ gửi về cho tao hai đồng bạc Tàu để tao làm đồng cái thủ thường, thủ vạch đánh đáo. Như mọi khi đấy.

- Trên ấy thì khối bạc Tàu.

- Nhớ đấy nhé.

Buổi chiều ấy, tôi ra nhà ngoài thấy mẹ con nhà Lặc đương thổi cơm dưới bếp. Trên nhà, không có ai. Tôi thấy nhà vắng vắng khác mọi khi. Tôi ngơ ngẩn, tha thủi về. U tôi đi Kẽ Chợ mãi đến lên đèn, tối mịt mới về. Dì Niêm, dì Bảy, bà tôi - cả ông tôi - xúm lại, thì thào, nhưng tôi cũng nghe tiếng u tôi nói nho nhỏ:

- Tàu Lầu Cai chạy năm giờ sáng, sớm lắm. Bây giờ thì lên tàu rồi.

Tiếng ông tôi ở mâm rượu nói với ra:

- Ủ, tàu Lầu Cai chạy năm giờ.

Tôi nằm chống vộc, úp mặt xuống phản. U tôi ra, mắng:

- Sao lại nằm như thằng dở người thế kia?

Tôi không nhúc nhích. Dì Niêm lôi tôi lên. Tôi ngồi hai tay bưng mặt.

Tôi khóc tu tu. U tôi bảo:

- Việc gì mà phải khóc. Rồi chúng nó lại về chơi, tháng sau, tháng sau thôi.

U tôi kể:

- Đứa nào cũng bảo sao không cho anh Sen đi Vân Nam với chúng cháu.

Tôi nằm trần trọc, nước mắt đầm đìa xuống chiếu. Tôi cố thức. Nhâm, Châu ngủ ngoài Kẻ Chợ. Năm giờ sáng Nhâm, Châu và mẹ lên tàu. Tôi không biết lúc nào là năm giờ sáng mai nhưng tôi biết có những buổi tối vắng lặng nghe xa tiếng còi tàu và tiếng những con tàu rầm rầm chạy vào lòng cầu Long Biên.

Tôi thức dậy, nắng sớm đã loé vào xó cửa. Tôi bàng hoàng nhớ không biết đã đến năm giờ sáng chưa. Ông tôi đi đâu về sớm quá. Ông mặc áo bông dài. Nách cặp cái ô cán gỗ mộc choãi thườn ra. Ông tôi móc ô lên hộc cột, nói:

- Tao ra ga được một lúc lâu, mới thấy mẹ con dắt nhau đến. Chúng nó lên tàu cả rồi, tàu chạy rồi.

Chúng nó lên tàu cả rồi, tàu chạy rồi. Nước mắt tôi lại đầm đìa.

Mùa xuân này, mười lăm năm qua rồi. Nhâm đã đến hai mươi hai tuổi mà Châu cũng mười tám. Từ ngày ấy, chưa một lần nào nhà dì Nhâm tôi trở lại. Trước, mỗi năm được vài lá thư về. Thư nào bác Phùng cũng hỏi thăm họ nội, họ ngoại “trong họ ngoài làng, đồng dân ta yên ổn. Còn về phần vợ chồng con cái chúng con ở bên này, nhờ giờ đi đồng đất nước người cũng được...”. Ít năm gần đây, thư

từ ngày một vắng. Rồi vắng hẳn, không nhận được một chữ nào nữa.

Nhâm, Châu đi rồi. Còn mỗi cái đầu mốc trắng của tôi tha thủi ngơ ra ngẩn vào. Có người mách u tôi nhà bà trạm tráng ngoài chợ có thuốc chữa đầu lang ben tài lắm. U tôi đưa tôi ra. Bà trạm tráng mặt tròn như quả quít sần. Bà vằn nghiêng, ngoẹo đầu tôi, xem xét kỹ lưỡng.

- Con bé nhà tôi phải cái này bốn năm, mới khỏi năm ngoái. Nó là bệnh bạch biến. Bác cháu mua trong nhà thương cho cái thuốc tây, bôi có mấy lần, thuốc của người ta là thuốc thánh chứ chẳng chơi. Tôi làm phúc, bà đưa tôi ba hào, phiên này lên lấy nhé. Bệnh bạch biến lang ben đây mà.

U tôi đưa bà trạm ba đồng hào trắng. Thuốc màu nâu xẫm, nhờn như thuốc nẻ, đựng cái hộp có chữ "thuốc hắc lào tám xu một hộp". Được ít lâu, những khoanh trắng trên đầu tôi dịu màu, gãi bớt rơi vẩy, rồi khỏi hẳn lúc nào. Tóc lại mọc.

Tôi húi đầu vuông kiểu ca rê. Soi gương thấy đầu tóc cún, mặt tôi thưỡn như cái lưởi thuổng. Đầu tôi hết mốc. Chẳng thấy u tôi nhắc nhỡm gì đến chuyện lại xuống Hàng Mã nữa. Mấy năm nay thật không một chữ thày tôi gửi về. Có người đồn thày tôi đã lấy vợ bên Sài Gòn. Bà nội ở quê mỗi khi chúng tôi về chơi lại mếu máo bảo u tôi:

- Nó ăn phải bùa mê bả dột, không biết đường nào về nhà nữa. Thôi mẹ mày thương lấy con... thương tao. *Hờ... ơ... anh ơi! Anh đi đặng nào... bấy lâu anh bỏ cửa, bỏ...*

Có bác cùng làng ở Sài Gòn về kể rõ ràng rằng thày tôi lấy người ở Hanh Thông Tây làm nghề bánh tráng đã được hai con một giai một gái. Thày tôi bây giờ loà cả hai mắt, đi phải chống gậy. Bác ta đã

đến chơi tận chỗ thầy tôi ở. Thế là đích lắm rồi. Cả nhà quê tôi nhôn nhao. Chuyển ấy, ở quê ra bà nội cho tôi những hai con gà, rồi bà dặn: "Con ơi, ngày sau con có bỏ không nhìn bố con không? Đừng nhé, tội nghiệp quá. Đen đầu thì bỏ, đỏ đầu thì nuôi đây. Bố con ăn phải bùa mê của người ta. Lạy Phật, bao giờ tai qua nạn khỏi thì nó lại trông thấy đường về với vợ con". Ai nhìn tôi cũng ra vẻ ái ngại.

Một hôm, tôi thấy dì Bảy cầm cái que khua vào các bụi vạn niên thanh ngoài sân. Độ ấy đương mùa mưa. Sân đất ẩm, cóc về ngụ cư từng đàn. Trong bụi nhảy ra mấy con cóc to sụ. Dì Bảy lấy que chặn lưng, cóc phình bụng trắng. Dì Niêm hỏi: "Được hử? " rồi chạy ra, hai dì tôi lấy cái rơm buộc chân cóc. Tôi tưởng dì Niêm sắp cho cậu cóc xoi thuốc Lào để xem cóc say thuốc Lào gật gù như mọi khi tôi vẫn nghịch. Dì Niêm xách cái bình vôi ra. Dì cầm que, quét vôi lên lưng cóc. Phút chốc, cóc đen xỉn hoá cóc trắng toát.

Rồi dì Bảy tôi túm đầu rơm xách con cóc chạy ra ngõ. Tôi đuổi theo dì Bảy. Dì đem con cóc bôi vôi quăng ra tận ngoài cánh đồng. Con cóc bôi vôi được buông xuống, nhảy chật chưỡng, rúc vào khe ruộng nẻ. Tôi hỏi dì Bảy rằng dì làm thế để làm gì. Dì đáp:

- Con cóc bôi vôi ấy mà tìm được đường về nhà, thì rồi bố mày cũng có ngày về được. Để rồi nghiệm xem.

Tôi hỏi lại dì Niêm có thực như vậy không. Dì cười. U tôi cũng cười. Răng cửa u tôi đã gãy, hồng mắt mấy cái. Ngày tháng êm đềm đi. Mấy năm nay vắng bác trạm trắng răng trắng mặt bồ hóng. Giá thầy tôi trở về, dễ tôi cũng quên mặt như lần về trước. Có lúc, tôi lần thẩn hỏi dì Niêm những câu ngớ ngẩn. Dì lại bảo:

- Bố mày chết rồi.

Tôi hỏi lại u, u tôi gật đầu. Bấy giờ em Ngó tôi đã lên bốn. Tôi phải bế em.

Những hôm u tôi đi chợ bán giấy, ở nhà, tôi trông cái Ngó. Chiều về, u mua quà cho hai anh em chiếc bánh tây vàng. Tiếng là quà cho hai đứa, nhưng mình tôi chén tất. U tôi mang chúng tôi xuống cầu ao rửa chân. Buổi chiều vắng ngắt ngơ, ba mẹ con ngồi rửa chân. Tôi nhìn bóng cây dừa ngoằn ngoèo, không còn sợ như ngày trước. Nhưng tôi dọa cái Ngó: "Kìa con thường luồng. Mày chết, con thường luồng lên cắn chân mày". Nó không sợ như tôi ngày trước, nó lại thả chân xuống nước trêu con thường luồng.

Cả nhà, ai cũng khen tôi ẵm em khéo, em không khóc. Ông tôi, ngồi uống rượu, gật gù bảo: "Thằng này ẵm em giỏi sang năm cho mày đi ở kiếm tiền được rồi". Ông khen, tôi cũng khoái. Lại càng thích ẵm em tợn.

Tôi ngồi thụp xuống đất. Biết hiệu, cái Ngó đến ôm vòng tay lên cổ. Tôi quặt hai tay ra sau lưng, khoèo hai cẳng nó. Tôi cống xóc nó đứng lên. Mồm nó ngoặt vào vai tôi. Nước mắt, nước mũi, nước dãi nó ướt nhè xuống cổ tôi. Tôi cống em thơ thẩn đi chơi ngoài cửa đình, trên quán. Tôi thả cửa dong chơi suốt ngày..

Tận chiều về, cái Ngó ngủ thõng trên lưng, ngoẹo cổ. Nó tụt dần, tụt dần xuống. Tôi khom người, xóc nó lên, mắt môi thất thiếu bước. Con bé sao mà nặng thế. Quần áo tôi ám bụi đất đỏ xuộm. Ông quần dính hoa cỏ may ngoài bãi, ngựa như cả trăm con rôm cùng cắn một lúc. Quần tôi rách toạc một miếng. Nhưng miệng tôi vẫn chum chúm huýt gió *huy huy*. Tôi bắt chước chim khướu, chim chào mào, chim chích choè...

Tôi đương tập huýt sáo, bạn cùng trẻ con khắp xóm. Bắt đầu những ngày lêu lổng. Tôi đúc đế, tôi chơi nặn nôi "lương mô" đất thó. Lội qua quãng sông Tô Lịch trước cửa đình, tôi sang bãi Đồng Vân bẻ ăn cắp bắp ngô, nhổ trộm ớt tàu đem về giồng bờ ao. Có mấy quyển

sách cũ, tôi đem xé từng tờ phát điều hết. Tôi thề không bao giờ đi học nữa. Vài năm nữa tôi sẽ làm thợ cửi như những đứa trẻ khác trong xóm.

1943

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vỹ**.

Đánh máy: Nguyễn Học (Mỏ Hà Nội)

Nguồn: Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà nội, 1997

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 9 tháng 9 năm 2007